



HÀN.MẠC.TỬ 1912-1940

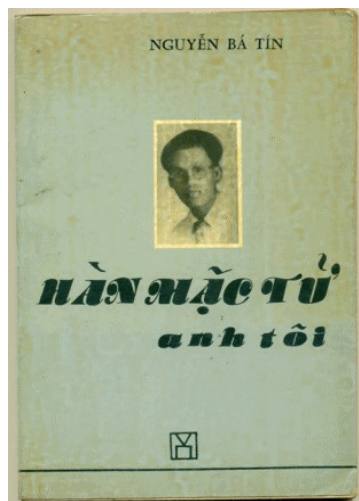
Ảnh: Anh Tuấn - MUSE

NGUYỄN BÁ TÍN



Nhân Mực Tử
anh tôi





Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Kính dâng lên linh hồn mẹ tôi.

Tập Hồi ký này với tất cả lòng chân thành tạ tội, đã trái ý mẹ, khơi động nỗi tủi nhục đau buồn, mà Mẹ chỉ muốn âm thầm chịu đựng.

Con.

Thiện Nam

Nguyễn Bá Tín

MỤC LỤC

[THAY LỜI TỰA](#)

[TÂM SỰ TÔI](#)

[CHƯƠNG I](#)

[1. MỘT ÍT LỊCH SỬ GIÒNG HỌ](#)

2. SINH NHẬT HÀN MẶC TỬ

3. THIẾU THỜI VỚI NHỮNG ĐAM MÊ KỲ DI

CHƯƠNG II NHÀ THƠ NỔI TIẾNG

CHƯƠNG III BẠN BÈ VÀ ẢNH HƯỞNG

1. QUI NHƠN VỚI ĐƯỜNG KHẢI ĐỊNH.

2. SAIGON VỚI ĐƯỜNG ESPAGNE.

CHƯƠNG IV

NHỮNG MỐI TÌNH

1. TÌNH ĐẦU : HOÀNG HOA

2. MỘNG CẦM

3. MAI ĐÌNH NỮ SĨ

4. THƯƠNG THƯƠNG

CHƯƠNG V BỆNH HOẠN VÀ THI VĂN

1. BỆNH TÂM THẦN ?

2. BỆNH NAN Y

CHƯƠNG VI PHẠM HÀNH

CHƯƠNG VII TRẦN THANH MẠI VÀ HÀN MẶC TỬ

CHƯƠNG VIII CHUNG QUANH MỘ HÀN MẶC TỬ

THAY LỜI TỰA

TÂM SỰ TÔI

Năm mươi năm rồi! Hàn Mặc Tử, một tài năng thi phú của nền Văn học Việt Nam, mà cuộc đời bất hạnh với chứng bệnh phong hủi đã chết đi trong cô đơn tẻ lạnh, giữa lúc 28 tuổi thanh xuân.

Từ đó, thi văn Anh, tình duyên Anh, và nhất là nếp sống khép kín của đời Anh, trở thành một bản khoả lớn.

Gần một nửa thế kỷ nay, người ta nhắc nhở văn thơ Anh, ca tụng có, thêu dệt có, nhất là giới văn nghệ sĩ đã huyền thoại hóa những mối tình Anh trong các vở ca nhạc kịch, mà vốn vẹn chỉ dựa trên tài liệu nghèo nàn, được phổ biến trong cuốn **Hàn Mặc Tử**, do nhà văn Trần Thanh Mại xuất bản, ít lâu sau khi Hàn Mặc Tử qua đời.

Các nhà văn, kể cả thân hữu Anh, tranh luận dôi dào qua các hội ký ngắn đăng tải trên các báo, qua các buổi diễn thuyết về Anh. Nhưng tựu trung vẫn chưa khai thông được những bí ẩn cuộc đời Anh – nói chi đến thi văn Anh, thì lại để lạc hướng hơn mà, thường thì kết luận một mội :

Hàn Mặc Tử, Anh là ai ?

Đã nhiều lần, với ít nhiều kinh nghiệm trong quá trình sống bên Anh, tôi toan viết lại cuộc đời Anh – một cuộc đời nhiều đổi thay bất thần kỳ lạ, từ nội tâm đến hình thể, mà gia đình không ai quan tâm, bạn bè ít ai nhận thấy.

Tôi hằng để tâm lo lắng muốn đóng góp vào việc nghiên cứu, mở rộng tìm hiểu Anh, để cho những người yêu mến Anh biết rõ tài năng bạc mệnh đó, biết rõ những gì mà dư luận vẽ vời thêm thắt về Anh.

Tuy nhiên, mỗi lần toan tính làm một cái gì liên quan đến Anh, có kích thước một chút, là hay gặp nhiều trở ngại khó hiểu, nhất là trong việc cải táng xây lại mộ phần Anh, mà những điều đã xảy ra trở thành nghi vấn khó tin được.

Ngay cả khi dự tính viết tập Hồi ký này, trong giới bạn bè có người báo cho tôi biết trước khó tránh khỏi tranh luận gay go, điều mà tôi đã từng phen né tránh.

Năm 1942, khi ở Lào về, tôi bị đặt trước một tình trạng đã dĩ lỡ :

Từ việc xem nhẹ bút tích của anh Trí mà gia đình đã khoán trắng cho ông Quách Tấn, đến cái quan niệm “cổ phong” xem bệnh hủi như một chứng tích tội nhục cho dòng họ, đến đối không ai muốn nhắc nhở đến anh Trí nữa.

Mẹ tôi lại càng tha thiết hơn, buộc tôi phải hứa không bao giờ dả động gì đến Anh, kể cả nói đến văn thơ Anh. Điều mà tôi, vì chữ Hiếu xem trọng cho đến ngày nay, để linh hồn mẹ tôi được yên nghỉ.

Nói đến văn thơ Anh, thì thật là điều bất hạnh rồi.

Thơ Anh tôi để lại rất nhiều, nhưng thất lạc cũng không ít. Có nhiều người thấy trước giá trị thơ Anh tìm cách chiếm hữu làm của riêng mà nhiều bài thơ, tôi đã mơ hồ đọc qua, đến nay vẫn không thấy phổ biến.

Một số thơ khác, ông Tấn đã bỏ rơi ở Nha Trang, có người nhặt được, mang về sửa đổi ít nhiều để dành quyền thủ đắc hay sáng tác.

Mặc dù đã hứa với Mẹ tôi, không nhắc đến văn thơ Anh, nhưng lòng vẫn xốn xang, trăn trở trên niềm uất hận từ bao nhiêu năm rồi.

Làm sao tôi quên được cả sự nghiệp văn chương Anh, mà mỗi bài thơ là máu xương nhức nhối con tim Anh, rút tủy não cân Anh.

Quên sao được những lời Anh than thở :

*Ta muốn hồn trào ra đầu ngọn bút
Mỗi lời thơ đều dính não cân ta*

Cho đến nay, những tưởng :

*Máu đã khô rồi thơ cũng khô
Tinh ta chết yếu tự bao giờ
Từ nay trong gió, trong mây gió
Lời thấm thương rền khắp nẻo mơ*

Nhưng, không đâu, Anh ơi.

Bao nhiêu người bạn tình nghĩa, xưa kia của thành phố Qui Nhơn, đầy kỷ niệm mà Anh trông ngóng từ trên điểm cao Gành Ráng, nay đã trở về bên Anh, quán xuyên Anh, tu bổ mộ phần Anh và đang phục hồi vinh dự thơ văn Anh, càng thêm tươi thắm hơn từ nửa thế kỷ nay, trong hai **“Tuyển tập”** và **“Thơ Hàn Mặc Tử”**.

Tôi rất phấn khởi, và càng xúc động hơn, khi những người bạn từng gần gũi Anh, mà ngày nay tuy sự nghiệp đã thành, vẫn còn tự hạ, xem Anh là bậc thầy. Những người đó, than ôi! Lại vẫn còn thốt lên, như một lời than thở :

Hàn Mặc Tử ! Anh là ai ?

Thì ra họ vẫn còn băn khoăn thao thức về Anh.

Lòng tôi rộn lên một niềm tin tưởng và khích lệ, nên quyết tâm viết lại tập Hồi ký về Hàn Mặc Tử, dù muộn còn hơn không.

Tuy nhiên, tôi không khỏi áy náy, vì viết lách là một việc không quen thuộc đối với tôi. Hơn nữa, tuổi tôi đã vượt quá ranh giới Cổ lai hi của nhà thơ Đỗ Phủ rồi, liệu tôi còn đủ minh mẫn sắp xếp được cảm nghĩ và tình tiết sự việc đã qua 50 năm, để trình bày lại có mạch lạc, có hệ thống không.

Tôi không phải là nhà văn chuyên nghiệp dù có cao hứng được một vài câu thơ thì sợ e cũng chưa đủ ngôn từ diễn tả cho hết ý. Đó là chưa nói lời lẽ đôi khi phóng khoáng không tránh khỏi va chạm vô tình, mà tôi rất tiếc.

Viết lại tập Hồi ký này, trước hết tôi phải xin tạ lỗi linh hồn Mẹ tôi, để nhận lấy một chút trách nhiệm đóng góp vào việc nghiên cứu cuộc đời Anh Trí cho lịch sử Văn học. Tôi không hề có tham vọng giải thích thơ văn Anh. Cái vốn liếng duy nhất để tôi làm nhiệm vụ viết lách này chỉ là ký ức của một thời gian sống bên Anh từ thơ ấu. Chia sẻ với Anh vui buồn sướng khổ, chúng tôi đã trở nên quá quen thuộc nhau, biết nghe ngóng nhau cùng suy nghĩ với nhau qua truyền giao cảm ứng của dòng họ.

Tôi cũng không hề nghĩ tập sách nhỏ này có thể mang đến quý bạn đọc cảm nghĩ kỳ bí nào đó về cuộc đời Anh. Nhưng mà, chỉ trung thực kể lại tỉ mỉ Anh đã sống với nhiều hiện tượng mà rõ ràng đã ảnh hưởng thật sự con người bình thường của anh, biến cái thơ Anh từ phạm tục đến thoát tục.

Vì vậy, để trung thành trọn vẹn với ký ức, tập Hồi ký này không tránh khỏi có nhiều đoạn đi ngược lại cảm nghĩ hay nhận thức của nhiều bạn hữu khả kính, mà suy luận cao kiến đã vượt quá những cái tầm thường nhưng thiết thực của đời Anh tôi. Tôi rất lấy làm tiếc khi phải trung thực đến như vậy.

Tôi cũng rất mong bạn hữu xa gần dành cho tôi một thái độ bao dung hơn, khi tôi nhận xét khách quan về Anh không được tròn trịa, bóng láng như lâu nay đã được cảm nhận.

Nhân đây, tôi cũng xin gửi đến những người bạn, đã từng yêu mến, giúp đỡ Anh tôi khi còn sống và sau khi đã qua đời, một tấm lòng thành kính tri ân sâu xa của gia đình tôi và riêng tôi.

Sau hết viết được tập Hồi ký này, tôi không quên ghi nhớ mỗi thịnh tình giúp đỡ và khích lệ quý báu của các bạn hữu, nhất là các bạn vong niên mà tôi được hân hạnh tiếp xúc trong mùa Xuân qua.

Xin gửi đến quý bạn đó lòng ngưỡng mộ và cảm mến thân tình.

Chân thành,

Thiên Nam Nguyễn Bá Tín

(Viết xong mùa Giáng sinh năm 1988 tại Sài Gòn)

CHƯƠNG I

1. MỘT ÍT LỊCH SỬ GIÒNG HỌ

Hàn Mặc Tử, tên thật là Nguyễn Trọng Trí, sinh ngày 22 tháng 9 năm 1912, tại Đồng Hới (Quảng Bình), con ông Nguyễn Văn Toàn và bà Nguyễn Thị Duy, thuộc gia đình công giáo lâu đời, tên thánh rửa tội là Phêrô, thánh thêm sức Phanxico Xavie.

Từ nhỏ, không nghe ai nói đến giòng họ của cha tôi, tuy vẫn biết nội tổ là Phạm Bồi, quê Thanh Hóa, lập nghiệp tại làng Thanh Tân (Thừa Thiên). Cũng không ai tìm hiểu vì sao cha tôi mang họ Nguyễn mà các chú tôi đều giữ họ Phạm. Mãi đến năm 1933, mới gặp được bà chị thúc bá với cha tôi là Phạm Thị Nhàn (Sage femme) tại Qui Nhơn và người cháu họ là Phạm Long (Sergent Iterprète) đều cùng quê quán ở Thanh Hóa. Từ đó mới biết được tông tích giòng họ.

Đến năm 1934, anh cả tôi là Nguyễn Bá Nhân tức Mộng Châu, đem tôi đi Hà Nội tìm tộc trưởng là Phạm Thành, tức Phạm Bá Thành, tổng sự tại Sở Nội dịch Toàn Quyền.

Theo gia phả bằng chữ Hán, thì dưới thời Trịnh Kiểm soạn vị, gia thần thế tử Nguyễn Uông (Con chúa Nguyễn Kim) nổi lên chống Trịnh Kiểm vì đã ám toán thế tử Uông,

Thất bại trong cuộc nổi dậy đó, một số bị giết, số còn lại phải cải táng ra “Phạm” bị đày vào Nam, về sau lập nghiệp tại Thanh Hóa.

Cuối triều Tự Đức, Pháp xâm lược Việt Nam, vua Hàm Nghi dời đô, hạ chiếu Cần Vương, lập chiến khu chống Pháp.

Nội tổ, Phạm Bồi, lúc bấy giờ là võ quan tại Thanh Hóa, hưởng ứng Cần Vương, đem binh vào Huế cứu giá, đồng thời đa số giòng họ Phạm cũng tham gia các phong trào khởi nghĩa.

Phần nội tổ, mang quân vào Thừa Thiên, chống cự với binh Pháp cho đến khi Trương Quang Ngọc làm phản, nộp Hàm Nghi cho Pháp. Cụ giải tán binh sĩ, ném vũ khí xuống ao, lấp lại xây nhà lên trên.

Cụ vào giúp việc cho Cố Đồng, xây dựng nhà thờ Thanh Tân và ở lại lập nghiệp tại đó.

Anh Mộng Châu khi về thăm quê nội đã được trông thấy khẩu súng hỏa mai của Cụ đã rỉ sét.

Từ đó, Nội tổ mai danh ẩn tích, tuyệt đối, giòng họ không ai được tiết lộ, vì có lệnh truy nã cụ về tội đào nhiệm ở Thanh Hóa.

Khi Cha tôi đến tuổi đi học, Cố Đồng giúp cho vào Tiểu Chúng Viện, lập thủ tục thay đổi họ tên.

Cũng nhờ Tổ mẫu thân thuộc với cụ Nguyễn Hữu Bài có thế lực, nên mọi việc không gặp khó khăn.

Sự im lặng về nguồn gốc bên nội cũng dễ hiểu, vì lúc bấy giờ, cả cha tôi và anh Mộng Châu đều là công chức Pháp thuộc, không muốn bị liên lụy với quá khứ Cần Vương của nội tổ.

Ở Chúng Viện về với chức tư (Tonsuré) cha tôi ra làm việc ở Tòa sứ Huế, về sau đổi vào Hội An, ông bỏ Tòa sứ qua Thương Chánh.

Ông kết hôn với mẹ tôi là Nguyễn Thị Duy, con gái thứ chín cụ Ngự Y Nguyễn Long.

Hai cụ sinh hạ được sáu anh chị em chúng tôi :

- 1) – Nguyễn Bá Nhân tức Mộng Châu, độc thân, mất năm 1936.
- 2) – Nguyễn Thị Như Nghĩa, mất năm 1984.
- 3) – Nguyễn Thị Như Lễ, mất năm 1982.
- 4) – Nguyễn Trọng Trí tức Hàn Mặc Tử, mất ngày 11-11-1940.
- 5) – Nguyễn Quý Tín (về sau đổi Nguyễn Bá Tín để thay quyền tộc trưởng của Nguyễn Bá Nhân).
- 6) – Nguyễn Bá Hiếu.



(Từ trái qua phải:

Chị Như Lễ, chị Như Nghĩa, Bà nội, (sau lưng bà nội là u già Lãnh). Ông nội, (sau lưng ông

nội là bếp Ngôn và bác Nhân). Đứng trước bác Nhân là Hàn Mặc Tử và tác giả (Nguyễn Bá Tín). Chú Hiếu (em út) ngồi ghế nhỏ – *Ảnh chụp tại tiệm Dương Cẩm Hồng, 1923, Qui Nhơn*

Về phía Ngoại tổ là Nguyễn Long, quê ở Trà Kiệu (Quảng Nam) ra Huế lập nghiệp tại làng Vạn Xuân, làm Ngự Y dưới triều vua Tự Đức.

Cụ được tham dự phái đoàn cầu hòa qua Pháp quốc do cụ Phan Thanh Giản vầm đầu.

Cụ trở về nước vừa lúc Pháp đánh Thừa Thiên, bị thảm sát dưới tay bộ tướng Trần Soạn theo lệnh Tôn Thất Thuyết (một giờ sau khi vua Dục Đức bị bức tử trong ngục).

Đồng thời cũng gặp nạn như cụ, có nhiều văn quan đã từng qua Pháp với cụ, khi cụ Phan Thanh Giản tuần tiết.

2. SINH NHẬT HÀN MẶC TỬ

Năm 1912, tại Đồng Hới, trên bờ biển Nhật Lệ trong một ngôi nhà tranh nhỏ, Hàn Mặc Tử đã ra đời.

Buổi sáng ngày 22 tháng 9 đó, từ mờ sáng, dân chúng họ đạo Tam Tòa kéo đến đầy bãi biển, sau nhà thầy Thông Toàn, mỗi lúc một đông và ồn ào, để xem một chiếc tàu to lớn của Hàng hải Pháp, chiếc Orénoque đang bị mắc nạn. Thời bấy giờ, một chuyện thông thường như thế, cũng được kể là biến cố nho nhỏ.

Anh Nhân lúc ấy 7 tuổi, dậy thật sớm vì nghe ồn ào chạy ra chạy vào, vẻ quan trọng báo cáo tình hình.

Khoảng gần 8 giờ, mẹ tôi đang chuyển bụng sắp sanh thì bỗng nghe reo hò vỡ lở, và như cơn lốc, anh Nhân chạy vào la lớn : “Nó chạy ra được rồi”, “Nó” đây là con tàu, cùng lúc Hàn Mặc Tử ra đời.

Mẩu chuyện trên đây thường được mẹ tôi kể lại trong gia đình, và thêm rằng : “Anh Trí giống ông nội về vóc dáng đậm chắc, nhất là hai cổ tay tròn như cán rựa”. Nội tổ vốn có sức mạnh phi thường, một mình từng đưa lưng đẩy mạnh chiếc ghe chở gạch mà tám người không xê xích. Anh Trí nghe vậy thì hãnh diện lắm.

Nhân đây, cũng nên nhớ lại cuốn sách “**Hàn Mặc Tử**” của ông Trần Thanh Mai, khi ông này viết về anh Trí sinh ra trong một trường hợp bất thường quái lạ, đến nỗi mẹ tôi rất buồn tủi mỗi khi nghe nhắc đến.

Ông Trần Thanh Mai nói : “Hàn Mặc Tử được sinh ra rất nhỏ bé, mà ông cho là mẹ tôi đã uống quá nhiều rượu nên bào thai bị ảnh hưởng. Mặc dầu, không có cơ sở để suy luận như vậy, nhưng ông lập luận sự thể cha tôi là chủ Thương Chánh mà suy ra rằng cha tôi bắt được nhiều rượu lậu, mang về đầy nhà, mẹ tôi được thể uống quá nhiều đến nỗi sinh anh Trí ra trong trạng thái tủy loạn.

Vốn cũng là công chức cao cấp thời bấy giờ, đáng lý ông Trần Thanh Mai phải am hiểu luật lệ

hành chánh và cơ cấu chánh quyền : cha tôi lúc ấy đang ở ngạch Thông phán (Cadre secondaire) thường được gọi là thầy Thông Toán. Mãi đến bảy năm sau, năm 1919, ông mới thi đậu vào ngạch Tham sự (Cadre supérieur) và được bổ nhiệm Chủ sự năm 1921, bấy giờ mới có quyền và trách nhiệm quản lý các món đồ quốc cấm như thuốc phiện, rượu v.v...

Nếu quả ông Mai đã am hiểu như vậy, thì cách ông nói về hoàn cảnh Hàn Mặc Tử ra đời thật đáng trách.

3. THIẾU THỜI VỚI NHỮNG ĐAM MÊ KỲ DI

Anh Trí lớn lên rất bình thường, khỏe mạnh, nghịch ngợm và phá phách như những đứa trẻ khác.

Tôi sinh ra sau anh ba năm, theo kịp anh về vóc dáng, nhưng không bằng anh về thể lực. Thường chơi đùa trước bồn cỏ, anh đánh vật tôi một cách dễ dàng.

Tánh tình bướng bỉnh, ít khi chịu nhận lỗi, tuy nhiên không hề giận hờn ai, rất dễ quên những gì anh đã làm thiệt hại cho người khác, và ngược lại cũng không nhớ ai đã làm thiệt hại cho anh.

Chúng tôi rời Đồng Hới năm 1921, theo cha vào Qui Nhơn, trở ra Bồng Sơn, lại trở về Qui Nhơn, và đến năm 1924, thì đổi ra Sa Kỳ, một sở Thương Chánh lớn, cách thị xã Quảng Ngãi 12 cây số.

Trong thời gian gia đình chúng tôi hay đổi dời dọc theo các cửa biển, việc học hành của chúng tôi đã bị gián đoạn. Về Quảng Ngãi, mới vào trường công lập, anh Trí học lớp ba, tôi lới tư.

Khi còn ở Qui Nhơn, anh rất thích bắn ná cao su, và bắn rất hay. Ná của anh mạnh, mỗi lần trúng chim là không mất đầu cũng mất cánh.

Thường buổi sáng, hay rủ tôi đi lễ nhà thờ, bởi vì lúc ấy đường sá vắng người, nhà thờ ở sát cạnh Sở cảnh sát, bấy giờ gọi là Sở Cò. Hai cây xoài bên vệ đường trái rất lớn, anh thường bắn rượt nhiều lần mà “phú-lít” (cảnh sát) không bắt được, chỉ cần lên vào nhà thờ là tỉnh bơ một cách thích thú.

Một lần, anh bắn viên sỏi bay qua phòng rửa mặt của ông Cò. Lính chạy qua nhà thờ tìm kiếm “thủ phạm”. Vừa lúc cha xứ là cha Thiềng (có tiếng nhân đức kham khổ) sửa soạn dâng lễ. Lính thưa chuyện, Cha thật thà : “làm gì có chuyện đó, mấy đứa nhỏ này, con nhà tử tế cả, đạo đức lắm. Sáng nào cũng đi xem lễ”. Anh Trí đưa cùi chỏ thúc tôi, mỉm cười.

Khi ra về, tôi hỏi : “Bắn xoài ông cò, có tội chết”. Anh trợn mắt : “Tội gì ! Mi nghe điều răn Chúa dạy có chỗ nào cấm bắn xoài không ? Mà xoài ông cò thì có tội gì” – “Ông Cò khác, mình khác mà”.

Nghe anh lý luận lếu láo, không hiểu gì, nhưng tôi nghĩ anh lớn hơn, hẳn phải nói đúng.

Vậy là bắn xoài dài dài. Năm ấy, anh 11 tuổi.

Trong những năm học ở Quảng Ngãi, anh không thèm bắn ná cao su nữa, mà lại rất thích bắn súng.

Hai anh em ở trọ dưỡng tôi, trong nhà cũng có một khẩu Flaubert, thứ súng bắn chim như của cha tôi. Anh trông thấy thèn lằm, nhưng không dám hỏi. Vì vậy cứ thứ năm, chúa nhật là kéo tôi cùng đi về Sa Kỳ, để cha tôi phát cho mỗi đứa ba viên đạn, mà phải đi bộ mười hai cây số, phải qua một chuyến đò, băng qua một động cát dưới trời nắng chang chang.

Tôi cần nhằn, Anh dỗ : “Gần đến nhà rồi mà ! Bây giờ thì nắng, nhưng về đêm, lên đây chơi mát lằm, thật là tuyệt”.

Về sau, bài văn xuôi “**Chơi giữa mùa trăng**”, Anh viết về chợ Chua Me, là Động Cát này.

(Địa phương gọi là Động, kỳ thực là một vùng rộng lớn, cát trắng phau, thứ cát ánh ngời như mảnh pha lê vụn, chạy dài bốn, năm cây số bên bờ Đại dương, từ sở Thương Chánh đến đó không xa lắm nếu đi về phía chợ Chua Me.)

Có những thung lũng chạy dài như lòng sông khô cạn, mà khi trời nắng chói chang, bốc lên một thứ hơi, nhìn từ xa, phẳng phất khói sóng trên sông.

Vài ngọn đồi, không cao lắm, nhưng khói nắng ngùn ngụt trôi theo mây trắng ngang trời.

Vào những đêm trăng sáng thì tuyệt đẹp, nhưng huyền ảo đến rợn người như đi vào một thế giới xa lạ.

Dân địa phương không dám băng ngang. Hoàn toàn vắng lặng, chỉ còn nghe hơi thở của mình và mơ hồ se siết bước chân trên cát.

Trăng bao phủ tứ phía bằng một ánh sáng lung linh chồn chợn khó phân biệt từ trên trăng tỏa xuống, hay từ cát trắng chiếu lên. Tơ trăng dày đặc, cử động hay di chuyển đều như lửa cả trăng theo.

Nhìn xa về phía chợ Chua Me độ cây số, nhiều tảng đá to lớn đen đũi, trôi lên trên cát trông phát sợ, tưởng chừng như những tên quý khổng lồ nhúc nhích xê dịch trên ranh giới vào “Tiên động”.

Chúng tôi không dám đi xa, ngay cả không dám nhìn về phía đó.

Có lẽ anh Trí đã đi nhiều lần đến đây ngắm trăng khi còn ở Sa Kỳ, mà địa danh nghe đã kỳ diệu rồi).

Về đến nhà là sách súng đi liền, Anh bắn rất hay, chưa hề trật phát nào, lại còn bắn cả chim bay với khẩu súng mà tầm bắn xa nhất chỉ có hai mươi mét mới là thần tình.

Không mấy khi tôi bắn được đến phát thứ hai, vì Anh hay gạ tôi mua mấy viên đạn với giá năm xu mà mẹ tôi hay cho mỗi đứa để về Thị xã ăn kẹo gương. Và cũng không mấy khi tôi ăn trọn được năm xu của Anh, tôi không nỡ để Anh nhịn thiếu như vậy.

Tôi thương Anh từ thuở nhỏ, mà tôi xem là định mạng ràng buộc Anh với tôi trong tình thương đó đến bây giờ. Anh mất đi đã năm mươi năm rồi mà tôi vẫn chưa hết gian nan vì anh.

Anh rất đam mê súng, luôn luôn khoe kỹ thuật, nhắm thế này, nhắm thế kia. Có lần đi học bị

thầy đánh sừng mấy ngón tay, Thầy trợ Giác lớp ba có tiếng đánh ác. Anh lặng lẽ dấu dượng tôi, vốn rất lo cho hai đứa, tím muối dấm để bóp cho kịp ngày thứ năm về Sa Kỳ.

Sau khi cha tôi mất đi, tháng 7/1926, gia đình dọn về Qui Nhơn ở với anh Mộng Châu.

Hai chúng tôi, cùng vào học trường Trung học Qui Nhơn.

Đến lớp nhất, anh Trí ra Huế học Pellerin.

Bằng đi một thời gian ở Huế về, lại thấy Anh có một thứ đam mê mới. Đó là “quyền anh”. Thôi thì luyện tập, nào là đánh bao cát, nhảy dây. Cả ngày nhảy múa, thỉnh thoảng lại kéo về một vài “thằng nhóc” để truyền nghề lại cho.

Chỉ một thời gian ngắn thôi, bỏ luyện tập, bao nhiêu đòn móc, đòn dấm trả lại cho Bửu Tuyền, võ sư Huế.

Bỏ hẳn thật sự, đến đôi Qui Nhơn thường tổ chức võ đài, anh em đến rủ đi xem, Anh nói : “Đó là một lối thể thao vô nhân”.

Rồi thì quay ra bơi lội, tắm sáng, tắm chiều. Vắng Anh, ra biển là gặp.

Nhưng chỉ một lần, cả hai anh em suýt chết vì lội ra quá xa bờ, khi trở vào, bị gió nồm quá mạnh, Anh Trí đuối sức bị ngất đi, phải nằm ngửa (planche) cho sóng đẩy vào bờ. Trông anh sợ hãi khác thường, thần sắc ngơ ngác, như không còn trông thấy gì nữa. Anh thều thào : “Ở Huế bơi qua cầu Bạch Hổ bị rong quần chân kéo chìm không lội được, mà sao ít sợ hơn bữa nì”. Rồi, lẩm bẩm nghe như Đức Mẹ... Đức Mẹ..., tôi tưởng Anh cầu nguyện, trông Anh khác lạ đi. Nhìn Anh tôi càng hoảng sợ : Anh không còn giống Anh nữa, với đôi mắt đã lạc thần.

Từ đó Anh không tắm biển nữa, sợ nước; ít hoạt động nói năng nhỏ nhẹ như sợ ai nghe. Thường ngồi khoanh tay, nghe hơn là nói, hình thể gầy sút đi, nhỏ đi.

Nhiều lúc như xuất thần, không hay biết gì chung quanh. Nhất là lúc Anh đang ngâm thơ, giọng như run run đau đớn.

Có lần đi con đường bờ biển Maréchal Foch như mộng du thiếu chút nữa thì bị xe ông Công Sứ đụng phải.

Thường hay vào Hội Quán (Cercle d'Études) của cố Maheu mà anh Mộng Châu là Tổng thư ký, ngồi cả ngày quên ăn cơm.

Thấy Anh thay đổi có vẻ đau yếu, mẹ tôi bảo đi khám bệnh, ông Đốc Ký bạn anh Mộng Châu nói đùa : “Trí không đau gì cả. Cưới vợ cho nó là yên”. Anh Trí chỉ cười, không quan tâm.

Mẹ bảo mua đồ bể để bồi dưỡng Anh, nhưng Anh không ăn được. Vốn từ nhỏ, Anh không hề ăn cá lớn, thịt heo, bò cũng không thích. Chỉ cá bống thệ, bống cát là Anh ưa, nhất là kho rim với đường mỡ, mà con cá cong cứng lên.

Anh không kén ăn, nhưng khó bồi dưỡng về mặt đó. Tuy có thời gian hay ăn chè đậu ván, một thứ chè ở Qui Nhơn bán quanh năm về khuya. Vậy mà, chỉ một lần ăn xong, cảm thấy khó chịu là nhất định không ăn nữa.

Cả nhà đều nghĩ là Anh mắc bệnh tâm thần, hay tưởng tượng gì đó, nhưng Anh vẫn bình thường, vẫn làm thơ, thức khuya để ghi chép.

Nhận xét kỹ, Anh có lỗi thôi về ăn mặc, ít tắm giặt phải nhắc nhở Anh thay quần áo.

Thường hay quên, chẳng hạn quần áo thay ra ném bậy bạ có khi cả tuần không tìm thấy, thì ra đã lọt xuống kẹt rương, chuột đã làm tổ.

Mẹ tôi rất lo, nhưng sau một thời gian vào làm việc ở Sở Đặc Điền, Anh lại trở nên vui vẻ. Công việc cũng nhàn nên rồi rãi có thì giờ ngâm vịnh.

Thường nghe Anh ngâm câu Kinh thi :

*“Quan quan thư cưu, tại hà chi châu
Yếu điệu thực nữ, quân tử hảo cầu.”*

Hoặc một câu khác nửa vời :

“Lúa đôi ai đã đẹp tà Thôi, Trương...”

Cứ thế mà ngâm đi, ngâm lại mà không biết chán.

Tôi lẳng lặng chờ Anh bỏ ngang thi phú như những đam mê bông bột trước.

Nhưng không, Anh đã gặp điều Anh tìm kiếm, và chắc chắn dừng lại đây lâu, với nhiều hứa hẹn lạ lùng cũng nên.

CHƯƠNG II

NHÀ THƠ NỔI TIẾNG

Anh Mộng Châu như muốn hướng dẫn anh Trí về văn chương thi phú. Tôi thấy hai anh thường xướng họa, tương đắc lắm. Còn tôi bị cho ra rìa vì là con nít không biết gì.

Hình như anh Mộng Châu và Anh giao thiệp với Phong Đình, một lãnh tụ công nhân tiệm ông Ba Giày đường Khái Định mà người ta to nhỏ với nhau là “Hội kín”.

Rồi bỗng nhiên anh Trí nổi tiếng là thi sĩ Phong Trần, thơ Anh được nhiều báo đăng tải. Lúc ấy Anh 19 tuổi.

Anh nổi tiếng vì bài thơ *Thức khuya* được cụ Sào Nam khen ngợi.

Tôi còn nhớ cụ Phan gọi Anh là “tiên sinh” và ước ao bắt tay cười lớn một tiếng cho hả lòng mong ước. Bài thơ đó được cụ Phan Bội Châu họa lại :

Bài xướng của Phong Trần “Anh Trí”

THỨC KHUYA

*Non sông bốn mặt ngủ mơ màng
Thức chỉ mình ta dạ chẳng an
Bóng nguyệt leo song rò râm gối
Gió thu lọt cửa cọ mài chần
Khóc giùm than thế, hoa rơi lệ
Buồn giúp công danh, để dạo đàn
Chối dậy nôm na vài điệu cũ
Năm canh tâm sự vẫn chưa tàn.*

Cụ Sào Nam họa lại trên báo của “Mộng Du Thi xã”

*Chờ đợi trường danh tý chẳng màng
Sao ăn không ngọt ngủ không an
Trăm năm ngán đó tuồng đầu bể
Muôn họ nhờ ai bạn chiếu chần
Cửa sổ góm ghề người đánh trống
Tai trâu mệt mỏi khách đưa đàn
Lòng sen đành vắng tơ sen vướng
Mưa gió bao phen gốc chửa tàn.*

Thấy lời lẽ cụ Phan yếm thế, tôi bèn họa thêm một bài “khích tướng” chơi, Bị anh Mộng Châu bắt gặp mắng cho là : “Hỗn láo với bậc tiền bối, có ngày đi tù”.

Kể ra tôi cũng ức lắm, nhưng không dám cãi lại.

*Danh lợi dù cho chí chẳng màng
Nghĩ sao Quốc thái với dân an ?
Thuyền con vượt phá không người lái
Đàn ghé qua trường thiếu kẻ chần
Cứ thử bùng tai vào cửa sổ
Để xem trâu có biết nghe đàn
Kính ngư còn ngại tơ sen vướng ?
Khắc khoải năm canh trống điểm tàn.*

Từ đó tôi không dám thập thò tìm hiểu hoạt động của các anh, nên không biết gì thêm.

Về sau khi anh Trí đi Huế thăm cụ Sào Nam ở Bến Ngự trở về bị mật thám Pháp xóa tên trong danh sách du học Pháp do Hội Như Tây bảo trợ, tôi mới biết là anh Mộng Châu đã sai anh Trí đi xin địa chỉ một đồng chí của Đông Kinh Nghĩa Thục ở Thái Lan.

Trong khoảng thời gian này hình như anh Trí bắt đầu yêu.

Ngoài thú ngâm thơ, Anh còn thích nghe đàn, nhất là các bản ca nhạc Huế : Nam Ai, Nam Bằng, là những bản ruột của cây đàn nguyệt.

Do đó tôi biết Anh yêu một thiếu nữ khuê các tài hoa, người Huế, biết đàn, biết thơ mà Anh rất ngưỡng mộ. Đó là Hoàng Hoa nữ sĩ.

Anh Mộng Châu cấm tôi chơi đàn và làm thơ, phải để tâm trí vào việc học. Nhưng anh Trí biết

tôi làm thơ được nên đặt bút hiệu cho là Thiện Nam, thỉnh thoảng cùng tâm sự xướng họa, những khi anh Mộng Châu đi vắng nhà.

Anh Trí làm thơ *vinh cây Đàn nguyệt* thật hay, nghe nó cụ Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu rất thích. Tôi phê bình Anh có hai câu thứ ba và tứ chưa chỉnh lắm (có ý muốn dò xét anh).

Bài:

THU NGUYỆT

*Hỏi chơ mấy tuổi đáp mười lăm
Non nước từng phen nổi tiếng tằm
Bạc mệnh đàn chơ, đau nửa kiếp
Đồng tâm tơ buộc chặt quanh năm
Chường mình trước án trông đầy đặn
Nét mặt trong hoa nói thì thầm
Mười khúc đoạn trường sau chữa tỉnh
Thuyền ai ngập ghé muốn ôm cầm.*

Tôi đề nghị sửa lại câu thứ tư vì ít khi người tài hoa giữ được hạnh phúc mà không bị sút mẻ.

Bạc mệnh đàn chơ đau nửa kiếp
Hồng nhan trót lụy lỡ trăm năm

Anh la lên : “Tầm bậy, phải để cho người tài có cơ hội trọn đời yêu nhau chớ”.

Tôi biết ngay là Anh đang yêu và lạc quan với mối tình đó.

Mấy năm sau, khi Mộng Cầm đến thăm Anh rồi giải ước, tiếp đó Hoàng Hoa nữ sĩ cũng theo gia đình về Huế. Anh thường hay ngồi trầm ngâm, thương nhớ băng khuâng. Tôi không biết thương nhớ ai, Mộng Cầm hay Hoàng Hoa bèn lấy bài *Đàn nguyệt* ra họa để dò xét Anh :

*Cài trâm ấy chữa bao lăm
Mà khách tài hoa mộ tiếng tằm
Phiếm trúc keo sơn tình dải ngọc
Giây tơ ràng buộc nghĩa trăm năm
“Biết ai tâm sự” buồn chan chứa (Nam Ai)
“Đền nợ Ô Ly” oán tủi thầm (Nam Bằng)
Nhớ buổi hòa âm từ dạo ấy
Thương ai chưa xót **đoạn cung cầm***

Đọc hai câu kết, Anh có vẻ xúc động, nhưng cũng mỉm cười nói : “Thôi, đừng nhắc đến nữa. Mà... không có ai đoạn ai đâu”.

Nhưng sau đó, Anh lại chìm vào những giờ, những ngày ảm đạm, không nói năng gì. Tình Anh vô cùng lai láng với tất cả những ai đáp lại tình anh. Dù là nửa vời không đi đến đâu.

Năm đó. Anh có dấu hiệu mắc chứng nan y.

Cả nhà không muốn để Anh buồn thảm tuyệt vọng nên làm ngơ như không biết.

Chính Anh, cũng né tránh ý thơ chia ly đổ vỡ, mà Anh linh cảm khó tránh được trong cuộc đời. Dần dần, Anh mất tự tin, đâm ra dị đoan.

Hiện tượng đó xảy ra khi tôi trao Anh bài thơ **Đàn đoạn** mà ý thơ thật u buồn, để kỷ niệm một buổi hòa đàn bị gián đoạn :

ĐÀN ĐOẠN

*Trăng rủ màn sương khéo đuổi người
Bể bang, chủ khách nhạc chơi vơi
Tơ chùng lác phiếm lâm ly tuyệt
Vàng đổ theo tay lá chả rơi
Cay đắng thần thờ lên song mắt
Ngại ngừng e ấp dưới làn môi
Đàn xin tạ khách từ nay nhé !
Đàn đoạn ! Huyền âm vọng chẳng thôi.*

Anh Trí xem xong sững sờ nhìn tôi, ái ngại : “Trời ơi ! Thơ chi của mi mà buồn thảm quá vậy. Nghe toàn chết chóc chia ly thôi ! Mi đừng làm thơ nữa, trệ quá !”

Càng bị ám ảnh nặng nề hơn, khi nghe tin người thiếu nữ từng hòa đàn với tôi vì chuyện buồn gia đình đã quyên sinh mấy tháng sau đó, gây xúc động cho cả thành phố Qui Nhơn.

Anh thần thờ cả tháng.

May thay, bạn bè Anh không có ngày nào là không đến thăm Anh, nói chuyện thơ phú, khiến Anh vui vẻ trở lại.

Thường đến với Anh, ngoài Bùi Tuân như ăn cơm tháng có Hoàng Tùng Ngâm, Hoàng Diệp, Yến Lan, Chế Lan Viên đi học về cũng hay ghé lại. Còn có các anh Tôn Thất Vỹ, Quỳnh Dao và nhiều bạn khác, thỉnh thoảng lại đến chơi.

Căn nhà tôi nườm nượp, bộ bàn ghế mây cổ hữu bị nhiều bàn chân gác lên, trần trở ọp ẹp thật tội nghiệp. Bùi Tuân ở luôn đó, áo quần bừa bãi, mẹ tôi phải thu gom giặt giũ.

Đầu năm 1936, anh Trí đi Tuy Hòa, nói là xin anh Mộng Châu tiền in sách, nhưng không nghe nói kết quả. Có lẽ anh Mộng Châu đang gom vét tiền để mua cho Mẹ căn phố.

Cuối tháng 3 năm ấy, anh Mộng Châu mất trong một tai nạn xe hơi, một chuyến đi thăm công trường, mới có ba mươi hai tuổi.

Tôi phải bỏ dở hết mọi công việc vào Tuy Hòa quản lý những công trình mà anh Nhân bỏ dở, đồng thời thu xếp trang trái mọi dư thiếu cho Anh để trở về Qui Nhơn.

Lúc bấy giờ, mẹ tôi bị ám ảnh về cái chết của anh Nhân, nên bà rời bỏ căn nhà gác đường Khải Định – Odend Hale dọn về 20 Khải Định.

Giữa bao nhiêu thất bại, buồn thương đó, anh Trí xin Mẹ hai trăm đồng để in tập thơ “**Gái quê**”. Thật là nghiệt ngã quá.

Những năm qua, sống với nhau, Anh thường tâm sự, nhờ tôi chuyển đạt đến anh Nhân, hay Mẹ tôi, những điều Anh dự định. Nhưng bây giờ Anh đi thẳng với Mẹ tôi về việc in thơ. Anh biết tôi đang giữ hầu bao của gia đình từ ngày anh Mộng Châu qua đời. Nói với tôi chắc khó hơn rồi.

Mẹ tôi nóng ruột hỏi ý kiến tôi. Tôi lặng thinh luôn mấy ngày, anh Trí giận lắm, nhưng không dám nói gì, chỉ bứt tóc, bức tai, đá bàn đá ghế, làm Tần, làm Sở với bất cứ cái gì anh gặp ở tầm

tay.

Tôi dẫn đo mãi. Từ ngày ông cụ tôi mất đi, gia đình bị thất bại trong kế hoạch buôn đồ cổ bị nhà sập, đền tiền gần 4.000 đồng. Tiếp đó, chồng chị Nghĩa làm mất một số vốn của anh Mộng Châu, mà mấy năm trường trong cây vào rường cột của anh. Bây giờ thì hết chỗ dựa nổi, mà ý định của anh Nhân là phải mua cho Mẹ căn nhà. Nhà đó tôi đã đặt cọc khấu trừ vào tiền thuê. Nay bỗng dưng mất đi gần một nửa để in sách. Phiêu lưu quá !

Tôi bảo anh Trí : “Anh lựa chọn kỹ việc mua nhà cho Mẹ và việc in sách của Anh đi”.

Tôi cũng cho Anh thấy hoàn cảnh gay go của gia đình : Một bà mẹ già yếu, một bà chị trên tay hai đứa con dại còn mẵng sữa, từ ngày chồng bỏ đi nói là làm Cách mạng và một thằng em “vô tích chi sự” chỉ rất nghệ sĩ mà thôi.

Tôi không nói đến nguy cơ mà Anh phải đương đầu cấp bách.

Nghe xong, Anh lặng thinh, cái im lặng khuất phục.

Tôi bỗng thương Anh quá, trông Anh ngơ ngác, giống như hồi đi tắm biển suýt chết. Tôi không nỡ để Anh nhìn lại bản thân Anh, nhìn lại nguy cơ đang đe dọa Anh. Ôi ! Anh tôi bơ vơ quá chừng.

Tôi bảo Anh : “Thôi được rồi... nhưng không biết tôi có đương nổi hoàn cảnh này không. Tôi giao Anh 200 đồng đây, giá nửa căn nhà mà tôi tính phải mua cho Mẹ. Anh đừng quên điều đó”.

Anh không nghe thêm gì nữa, vụt ôm tôi hôn hít lung tung. Chạy đi tìm hôn Mẹ tôi, rồi... hôm sau đi thẳng Saigon.

Tôi ngao ngán nghĩ đến cái gánh tôi đang kê vai vác lấy một mình và cũng... bơ vơ không kém gì Anh.

Tôi không lạ lòng gì những đam mê nồng nhiệt, nhưng ngăn ngủi của Anh, chỉ còn biết chấp nhận an bài định mạng. Ước mong đây là đam mê chót.

CHƯƠNG III

BẠN BÈ VÀ ẢNH HƯỞNG

Hàn Mặc Tử ở trong gia đình ít tha thiết đến anh chị em ruột thịt nhưng bạn bè là cả một sức sống năng động của Anh, và cần thiết cho Anh, bất cứ lúc nào, ở đâu.

Bạn bè chi phối Anh dễ dàng chỉ vì Anh dễ dãi, chiều bạn và sẵn sàng chấp nhận phần thua thiệt.

Còn bạn bè thì thương yêu Anh như ruột thịt, không nề hà câu nệ.

Anh Trí chưa bao giờ biết trong nhà sống thiếu đủ ra sao, nhưng lại rất quan tâm đến đời sống của bạn.

Nghe nói, hồi ở Saigon, Anh tự xem như có bốn phận lo lắng cho tất cả “như triết triết gia Mặc Dịch, thời chiến quốc chủ trương thuyết Kiêm ái”.

Có lần Hoàng Diệp nghe Mẹ tôi kể chuyện những chuyến ra đi của Anh, bao giờ cũng có một va-li đầy ắp áo quần mềm gối, nhưng khi trở về chẳng có gì bụng xách nặng tay cho phiền toái. Xuống xe kéo là xin năm xu trả tiền.

Diệp hỏi anh : “Ở Saigon, tiền bạc làm ra nhiều lắm, sao về nhà không có một xu dính túi ?” Anh cười một cách cố hữu : “Tụi nó đói nhăn răng ra mà để dành tiền làm chi”.

Không phải chỉ ở Saigon, Anh mới biết làm cái việc nghĩa hiệp đó, mà ngay ở Qui Nhơn cũng vậy.

Một lần đang ăn tối, nghe một ám hiệu nào đó ngoài đường, Anh bỏ đĩa đứng dậy đi vào phòng, mang ra một bọc giấy lớn, thản nhiên bước ra cửa. Tôi nhìn theo, thấy rõ người bạn thân nhất của Anh đang đứng bên kia lề đường.

Biết Anh thường tiếp xúc ngoại lệ, ngay cả những ngày anh Mộng Châu còn ở nhà, không ai để ý làm gì.

Mẹ tôi thì quán xuyến hơn, thỉnh thoảng lưu ý đến áo quần Anh, bà cho tôi biết có nhiều bộ đồ còn mới biến đi đâu mất, kể cả bộ nỉ nâu, Anh thừa hưởng của anh Mộng Châu để lại.

Tôi hỏi Bùi Tuân, người mà Mẹ tôi xem như con cái, thường sống với chúng tôi nhiều hơn ở nhà anh (cách năm cây số).

Tuân hời hợt : “Có lẽ để giúp một vài người bạn vừa đi tù về”.

Tôi tò mò nhận xét những ai mặc âu phục và những ai mặc nam phục. Về sau tôi biết rõ hơn. Kể ra thì cũng xứng đáng được anh Trí giúp đỡ.

Ở Saigon về, Anh tiếp xúc với nhiều bạn hữu, xa có gần có. Ngoại trừ nhóm Phong Đình thừa thốt, còn toàn là lớp trẻ mà là cựu học sinh College Qui Nhơn. Họ đều là bạn anh Trí, có người như Trọng Quy cùng lớp với tôi biết nhau thân nhau từ ngày còn đi học.

Quây nhất đám là mấy tay Thúc Tể, Trọng Quy, Bùi Tuân thì chất phác, Yến Lan hiền lành e ngại, Chế Lan Viên như cô nữ sinh then thò nhưng đôi mắt có nhiều ánh lửa vàng tinh tế. Hình như anh Trí đặc biệt mến Hoan hơn cả. Còn Hoàng Tùng Ngân, tôi gọi là trầm ngâm vì ít nói mà Mẹ tôi khen có cái miệng sang tướng. Hoàng Diệp thì có dáng dấp thì sĩ đa tình. Tôn Thất Vỹ khắc khổ như một nhà tu. Còn anh Mỹ (hay Thống gì đó) một người bạn đến sau, hơi ngờ ngàng một chút, thỉnh thoảng đưa bài thơ cho anh Trí phê phán mà vẻ áy náy bồn chồn khiến Anh bật cười nói đùa : “Nghe nói Anh có bài thơ tuyệt vời lắm, còn làm bài khác làm chi nữa. Sao không mang xuống cho anh em xem với”.

Anh chàng đỏ mặt, Bùi Tuân quay nói nhỏ : “Hắn mới cưới vợ.”

Nếp sinh hoạt thật vui thích và nhẹ nhàng.

Thỉnh thoảng anh Trí nhận được thơ Bích Khê, Trần Thanh Dịch hay Quách Tấn.

1. QUI NHƠN VỚI ĐƯỜNG KHẢI ĐỊNH.

Ở Qui Nhơn có con đường Khải Định chạy băng qua thành phố Duyên Hải đó như một nét cắt ngang. Con đường mà anh em Hàn Mặc Tử xem như thắm thiết mặn mà, chỉ vì liên quan đến anh Trí một cách kỳ diệu.

Con đường đó ràng buộc vào định mệnh gia đình tôi.

Vẫn ở nhà thuê từ ngày cha tôi mất đi, sống với anh Mộng Châu gần như nghèo nàn.

Dọn đi đâu rồi cũng trở lại đường Khải Định. Ở phía tả, dọn qua phía hữu. Ở số lớn lại quay về số nhỏ. Tôi còn nhớ lúc bên cạnh bà Phán Hạc, không có ngày nào những anh học trò đã lớn sầm lên rồi, lại không tạt vào phá phách. Họ xem như nhà họ, nên tha hồ.

Thỉnh thoảng như cơn gió lốc kéo nhau vào lục phá vang cả phố, hò hét giành giựt nhau từ cái kẹo còn sót lại trong thùng bánh của chị Như Nghĩa, đến nồi cơm nguội dưới bếp, không thềm che đậy cốt cách của mình. Họ thương nhau, cả những lúc dấm đá nhau, để rồi ôm nhau cười ha hả.

Con đường Khải Định! Nơi đây nhiều tài hoa vụt sáng lên rồi rơi rụng.

Nơi đây, màu sắc dị biệt, tương phản đó rồi lại hòa hợp dễ dàng trong một bức tranh lạ, mà nét tình từ xôn xao không phản sắc, không phản tượng với đám mây mù mà họa sĩ thiên nhiên đã báo trước một phong vũ bất ngờ.

Người ta nghe tiếng ngâm thơ, sang sảng hào hùng, khi thì suýt xoa não ruột, phê phán nhau, cãi cọ nhau chung quanh một bộ bàn ghế mây cũ kỹ chưa biết nằm xuống lúc nào. Những cặp giò che nhau gác lên cái bàn nhỏ xíu như trong một cuốn phim các lãng tử miền Tây Hoa Kỳ, để mơ màng quên đi một chốc, chị bán chè đậu ván đang chờ trả tiền trước cửa.

Nếu có ai để ý sẽ thấy sau hàng dâm bụt căn nhà đối diện với số 20 những nường con gái Huế, Cẩm Thăng... đang lắng nghe mấy vần thơ tuyệt diệu đó trở thành bất hủ.

Càng về khuya, càng huyền hoặc với tiếng đàn tranh thánh thót, thoát ra từ khuê phòng, quện lấy tiếng tơ xa vắng khi đầy khi vơi, trong các điệu Nam Ai, Nam Bằng, rồi nhẹ nhàng lem vào giấc mơ hồ điệp những kẻ đang yêu.

Đó là vùng trời tuyệt đẹp của cái thành phố nhỏ bé mang tên Qui Nhơn. Vùng trời mà Hàn Mặc Tử và các bạn dành riêng cho họ, bao nhiêu triu mến không quên được cho đến ngày nay.

50 năm rồi, bạn cũ anh Trí, kẻ mất người còn có ai nhớ đến bầu không khí thương yêu ràng rịt mà không khỏi luyến tiếc băng khuâng.

Một thời mà không ai hờn giận ai, oán trách ai.

Những đau thương nhức nhối, nếu có, thì cũng được cảm nhận như cơn say sưa dằng dặc mà thôi.

Họ sẵn sàng quên đi, đánh loãng đi mối lo âu khủng khiếp đang đe dọa mà có những đêm, cao hứng nổi dậy, xem nhẹ mọi dè dặt, vứt bỏ mọi áy náy, để rồi rủ nhau ôm mền gối ra bờ biển, có cát trắng, có thông reo, nằm gác chân lên nhau, ngắm vùng sao bốn mạng đang chói sáng hay lu mờ, khoan khoái ôm nhau bình thản ngủ một giấc ngon lành, dưới bầu trời đầy tin tưởng của họ.

Ôi! Có tình bạn nào đẹp dễ sáng ngời hơn, cao quý hơn thế hệ đó không?

Làm sao mà anh Trí không dám sống cho họ hoàn toàn được.

Làm sao có thể hối tiếc những gì Anh đã làm cho họ mà chỉ vì họ mà thôi.

Ngay cả Mộng Cầm, thiếu nữ nổi tiếng một thời trong các huyền thoại, cải lương tiểu thuyết, trong các bản tân cổ nhạc chỉ vì anh Trí say sưa viết:

*Nghệ hỡi nghệ, muôn năm sầu thảm
Nhớ thương còn một nắm xương thôi
Thân tàn ma dại đi rồi...*

Và:

*... Nhớ hàm răng, nhớ hàm răng
Mà ngày nào đó vẫn khăng khít nhiều...*

Người con gái của lâu ông Hoàng đã thật thà tâm sự: “Coi hai tai đã dày lên rồi! Triệu chứng phong cùi đó”.

Đau đón chưa!

Có lẽ nào những người con trai tình nghĩa của thành phố Qui Nhơn không nhận ra hia tai Anh đã dày lên rồi sao?

Mẹ tôi, mỗi lần nghe ai nhắc đến tên một người nào đó trong đám tình nghĩa mà bà đã thuộc lâu, thì mắt bà rướm lệ, ghen ngào rồi...

Bà có biết đâu, những người con trẻ đó, còn dám làm nhiều việc không ai dám. Họ dám xô ngã, dám đập phá những gì đang chặn đứng họ.

Đó là những chàng trai thời loạn, ít nữa là ở ngưỡng cửa thời loạn, mà từ văn hóa, chính trị, xã hội đều chen lấn nhau, chiếm cho mình một chỗ đứng.

Anh Trí cũng vậy, với huyết thống Cần Vương xa xưa, Anh viết:

*Đạp chân lên đường máu
Anh gây chuyện ly kỳ
.....
Không có nhà ai cho nghỉ bước
Vì anh là kẻ chẳng giàu sang
.....
Ban đêm anh ngủ, túp lều tranh*

*Chỗ tạm dừng chân khách bộ hành
Đến sáng hôm sau anh cất bước
Ra đi với cái mộng chưa thành.*

Họ coi thường dư luận, phế phán lỗi thời, sống buông thả, đánh đổ một quan niệm, dựng lên một lá cờ. Dù lá cờ đó mang hai chữ “khoái lạc” hay là gì đó nữa... miễn là làm nghiêng ngả hết, để dựng lại hết, ngay ngắn hay không là chuyện khác.

*

“Đám quý xú”, mà Mẹ tôi hay mắng yêu, chia ra làm hai nhóm.

Trong khi một bọn kéo vào miền Nam để dụng võ như những tên lãng tử đi tìm địa bàn đánh đấm, thì ở miền Trung lặng lẽ dụng văn. Họ đem thi phú văn chương tác động tinh thần dân tộc, yêu cái yêu của quần chúng, thù cái thù của dân tộc. Anh Trí viết:

Trong bài **Làng Quê**:

*Từ khi trong quán khách
Anh bút áo ra đi
Nước mắt em ràn rụa
Lòng anh xiết sầu bi
Thương em không dám nghĩ
Trong lúc nước nhà nguy*

*.....
Theo em bên giấc ngủ
Theo em bên bánh xe
Nước mây còn quyến luyến
Tiếng lòng còn lâm ly*

*.....
Đi, đi, đi mãi nơi vô định
Tìm cái phi thường cái ước mơ*

Chế Lan Viên nhắc lại lời trời trong **Điều tàn**:

*Cả sự nghiệp của đời ta rục rĩ
Cả muôn dân Lâm Ấp, chiến binh ơi
Cả non nước Chiên Thành cửa rục rĩ
Ta chỉ còn nhìn được một lần thôi*

*.....
Rồi trong tay người ta xin giao phó
Hãy vui lên dần bước hát vang trời
Hãy bước đi trên gió hùng sóng cả
Mà đón ngày xuân thắm với trời tươi.*

Những chàng trai Qui Nhơn đã đón cái Xuân thắm ấy trong **Nắng xuân** của Tôn Thất Vỹ, của Hàn Mặc Tử trong **Mùa Xuân chín** “Gái Quê”, và không hẹn mà cùng nằm bên nhau trên sạp báo ông Hồ Văn Bá đường Khải Định.

Người bạn Bình Định thế đấy! Vẫn tình nghĩa tha thiết như ngày xưa.

*Chiều chiều, mây kéo về kinh
Ếch kêu giếng loạn, thảm tình đôi ta.*

Và luôn luôn hãnh diện hướng về địa phương mình những xóm làng, con sông, bờ đập:

*Thung thăng bèo nước, bến Dương Lăng
Nước chảy bèo trôi đã mấy trăng
Sông Đá, Hàn kia, xa xác nhĩ
Đập bờ Dộ ấy nhớ nhung những?*

(Văn An)

*Rồi những con cò lặn lội bờ sông:
Khách xa gặp lúc mùa xuân chín
Lòng trí băng khuâng sực nhớ làng
Chị ấy, năm nay còn gánh thóc
Dọc bờ sông trắng nắng chang chang.*

(Hàn Mặc Tử)

*Và họ cũng chuẩn bị những gì có thể xảy ra.
Một sáng hoa không nở
Một đêm trăng không trong
Một chiều mây bờ ngõ
Ôm chặt lấy đầu thông
.....
Không lẽ mùa thu lạnh
Mà vắng vẻ trước sau*

**Chim bạch cầu
(Yến Lan)**

2. SAIGON VỚI ĐƯỜNG ESPAGNE.

Những bài thơ nhẹ nhàng, những mối tình bờ ngõ, và ngay cả ý niệm một cuộc cách mạng, cũng lặng lẽ âm thầm, khác với những ồn ào xáo trộn của miền Nam, mà riêng Saigon là trung tâm điểm, trong đó, chúng ta đang có bạn bè sống chật vật trên cái chòi gác trọ nhỏ hẹp bẩn thỉu, con đường Espagne. Khoan nói chuyện đâm đá làm ăn gì.

Trần Thanh Mai viết về họ có phần nặng tay, trong cuốn **“Hàn Mặc Tử”**

“Kể là bọn làm báo, nhưng kỳ thực chỉ có Trí là có chỗ làm, còn thì đang đợi việc, hay cũng tin thế đi, chứ suốt đời họ cũng không làm cho một tờ báo nào.

Dầu sao, bây giờ thì họ là những “vị vũ chi giao long” đã, và trong tư cách ấy, họ có quyền ăn bám mà không thẹn”.

Thật ra, thì không ai thẹn, vì họ có thói quen sống với nhau không kiểu cách gì, mà chính anh Trí lo sợ họ. Mỗi lần, lãnh tiền về là phải trả lời chất vấn: “Còn đủ không? Có đem cho ai ăn nhậu không?”. Khiếp chưa?

Ông Mai viết: “Hàn Mặc Tử dễ dãi, ai cũng thân được, ai cũng lợi dụng được, và đối với ai chàng cũng chịu chuộng như phải chịu ơn họ”.

Anh vốn nhút nhát, không hề biết chuyện “chơi bời”. Họ đưa anh đi “ăn nhậu”, đưa anh vào đông “tiên nâu”, ổ “nhền nhện”, Anh càng sợ hãi, họ càng lôi kéo. Anh la hoảng lên: “Đồ quỷ sứ”. Rồi tháo chạy về nhà.

Nếp sống Saigon vốn buông thả, lại còn viết phóng sự xã hội nữa chứ.

Và họ có đủ lý do ra vào vùng truy lạc mà không sợ ai phê phán về tư cách, đạo đức.

Người dân Saigon chỉ sợ không có tiền tiêu, còn thì mặc thân họ, không ai để ý ai.

Nếp sống đó đưa những người bạn trẻ chúng ta vào thế giới truy lạc, họ tranh nhau, tặng nhau những bài thơ cuồng loạn, khiêu dâm trắng trợn.

Anh Trí cảm thấy rối loạn tâm thần, trở thành mục tiêu cho họ thí nghiệm, phá phách.

Họ là những đứa con giòng giới thể phiệt hản hoi, (giòng Baudelaire rồi!) nhưng tự ném mình vào rác rưởi bẩn thỉu ô trọc, nói là để tìm cảm hứng trong thi văn. Và họ nghĩ, thiên tài phải đặc biệt như vậy. Họ muốn anh Trí cũng nên đi vào con đường đó. Âu cũng là hảo ý của họ. Họ quyến rũ anh, mời mọc anh bước vào thế giới ma loạn của họ, bằng những câu thi tuyệt đẹp, cảm dỗ như ru:

*Ô! Đừng có ngợp, mời anh hãy bước
Qua nơi này là cách biệt trần gian
Bước đi anh, sa gấm trải lòng đường
Trời tôi rộng. Đây đây, tầng cửa khác*

.....
*Anh đừng run, đừng dại, cũng đừng điên
Lệ làm sao, địa ngục hiện ra liền
Anh đừng khờ, lòng tôi mang địa ngục.*

Họ cố đuổi theo anh, lôi kéo anh vào trác táng:

*Tứ thuốc phiện, thu nhập khí hồn ma
Ồ! Tôi chỉ ta không vào địa ngục
Giám chung thân mà sướng quá thiên đường*

.....
*Phà hơi lên, truyền nhiễm thối trần ai
Hoan hô xác thịt chiếm ngôi thần.*

Sống bên anh tử thuở bé, tôi nhận thấy anh luôn trong sạch, từ cảm nghĩ cho tới nếp sống. Chiều bạn rất thật thà, không hề có hậu ý. Và cũng chưa hề có phản ứng nào có thể làm mất lòng bạn. bây giờ thì, anh sợ họ như một thứ ma quỷ, tìm cách lẩn tránh họ.

Từ ngày anh suýt chết ngoài biển Qui Nhơn, anh thu mình lại, sống nội tâm, trầm mặc xa vắng,

không có phản ứng tích cực.

Vậy thì lần này **nhắc** anh **nhớ** lại tai nạn xưa, vì anh suýt bị nhận chìm trong hố sâu sa đọa, tội lỗi.

Trong bài **AVE MARIA** mà anh đã xuất thần sáng tác những lời tạ ơn nồng nàn, tha thiết:

*Lạy bà là Đấng tinh tuyền thánh vẹn
Giàu nhân đức, giàu muôn lộc từ bi
Cho tôi dâng lời cảm tạ phò nguy
Cơn lâm ly vừa trải qua dưới thế
Tôi cảm động rưng rưng hai hàng lệ*
.....
*Cho tình tôi nguyện vẹn tợ trăng rằm
Thơ trong trắng như một khối băng tâm
Luôn luôn reo trong hồn, trong mạch máu*

*

Hoàng Trọng Miên, trong một bài báo về sau đã thú nhận: “Có cảm dỗ anh Trí vào nếp sống buông thả nhưng tâm hồn anh trinh trắng quá, ngay cả cái Saigon ăn chơi tội lỗi này cũng không cảm dỗ anh sa ngã được?”.

Mặc dầu anh đã né tránh được những cơ hội sa ngã nhưng hình ảnh và ngôn ngữ có tác động con người xác thịt của anh không?

Có lần, trong lúc tâm sự tôi hỏi: “Ý thơ Bích Khê đậm loạn quá mà sao anh khen ngợi? Có quá đáng lắm không? Có phải vì Mộng Cầm không?”

Anh nói: “Bích Khê có tài, lại dám phơi bày trần trường những điều gớm ghiếc đã làm, mà lâu nay chưa ai dám”.

Tôi nghĩ: À! Thì ra anh cũng thích nghe những gì anh không dám nói, những điều anh chưa từng nghe một cách sống sượng như vậy. Phải chăng anh cũng có một thứ khoái cảm nào đó như B.S Verrier viết về tình dục con người (Veluptes).

Bích Khê viết trong bài thơ:

NGỌC

*Ôi thôi rồi, ngọc vỡ cả màng trinh
Nguồn phúc lộc trắng rợn một dòng tình
Ta muốn uống cho nư cơn khoái lạc
Cho mê mê, mà lên cung trụy lạc.*

Trong bài

XÁC THỊT

*Tôi vờ người như một miếng mồi ngon
Miếng ngậm hồn xiết chặt lấy môi son*

*Mắt đỏ lửa lờm qua hàng sóng sắt
Tôi giật nảy rồi cười lên sắc sắc
Hai tay cào đôi vú trắng như bông.*

Anh Trí cũng nhận ngay ý thơ dâm loạn, nhưng không thể không ca ngợi nghệ thuật cấu trúc tài tình của thi sĩ.

Chính với nguồn cảm thụ lực mạnh, anh đã sống với ý thơ thật đầy đủ, nên thấy rõ cái *trần truồng khả ố đến ghê rợn (Tựa tình huyết)*.

Anh bám vào Baudelaire để bào chữa cho Bích Khê: “Tìm mãi cái đẹp không thấy, vì mọi sự đều tầm thường, thi sĩ nhận ra chỉ có cái gì đời đời, cái gì hằng sống (Éternité) mới thỏa mãn được nỗi khát khao vô hạn... Phải đưa những gì thanh cao như hương thơn nhân đức các vị á thánh, hay say mê cái gì hết sức tội lỗi mà loài người thế gian chưa từng phạm (**Tựa tình huyết**)...”

(Grigori Raspoutine một nhân vật huyền thoại, dưới triều đại Nicolas II từng gây xáo trộn triều đình Nga Hoàng với nhiều phép lạ, nổi tiếng như thánh sống. Ông này dạy các đệ tử: “Hãy phạm tội đi! Phạm tội (cuồng loạn) đến tột độ đi! Lúc ấy mới cảm thấy ghê gớm tội lỗi thực sự, để cho lòng ăn năn thống hối được chân thành”. Đó là giáo điều của ông để đi đến tìm “Hằng sống”).

Trong **Tựa tình huyết**, Hàn Mặc Tử viết: “Sau khi đã chán chê tất cả khoái lạc của xác thịt, đã ớn ớn với phong vị trắng sao, gái, rượu... Thi sĩ sẽ tự giác ngộ, tự thấy tâm hồn thanh sạch quá chừng, đâm ra ghê rợn những điều tội lỗi, thì thi sĩ liền nâng thần trí lên trời ca ngợi cái “*Nhân đức sạch sẽ*”.

Anh nhắc lại bài thơ Bích Khê:

*Có say khướt mới dào muôn tử ngọc
Có điên rồ mới hợp ý trắng sao
Có dâm cuồng mới dâng cả lên cao
Nơi chu du một nguồn thơ bất tuyệt
Nơi trí người tạo ra rồi xóa hết
Nghiễm nhiên người là chúa tể vô biên.*

Phần anh, nhờ nguồn thụ lực, anh đã giác ngộ trước cái ghê rợn trần truồng đáng sợ đó qua thơ của Bích Khê, cho nên ảnh hưởng thác loạn của Saigon, không nhập được vào nguồn thơ trong trắng của anh, và anh tự tách rời với thơ thác loạn.

Rất thật thà, trong bài

BẾN LỄN

*Trăng nằm sóng soãi trên cành liễu
Đợi gió đông về để lả lơi
Hóa lá ngây tình không muốn động
Lòng em hồi hộp chị Hằng ơi.*

Rồi cuống quýt:

*Ô, kìa bóng nguyệt trần truồng tắm
Lộ cái khuôn vàng dưới đáy khe
Vô tình để gió hôn lên má*

Bẽn lễn làm sao lúc nửa đêm.

Ở bài khác, để lộ vẻ ngô ngố:

*Để cho hoa lá thì thăm
Để cho mây nước nôn nao
Quên câu thương nhớ rồi sao
Em ơi, thế nghĩa là sao?*

Ngoại trừ đôi bài mang hơi hướm ướt át như bài “**Dấu tích**” dưới đây, còn thì yêu đương của Hàn Mặc Tử chỉ thể hiện với trăng. Nào là ngủ với trăng, say trăng, đi chơi với trăng v.v...

DẤU TÍCH

*Trăng dầu sáng, còn thua đôi mắt ngọc
Trời tuy xa, lòng thiếu nữ xa hơn
Ái ân là hơi thở của van lơn
Và thú thiệt cũng không thích bằng khóc
Vườn chối lợi thì tình yêu phải ngợp
Tiết trinh còn em phúc hậu hơn thơ
Hoa nín lặng là hoa giả đồ mơ
Tôi nín lặng âu là tôi mắc cỡ*

*.....
Xưa thứ gì dính dáng ở đầu môi
Nay trả lại để tôi làm dấu tích
.....*

Tuy nhiên, trong không khí tự do yêu đương được xem là tiến bộ đáng cổ vũ như một nền văn minh mới ở Saigon, anh Trí có bạo dạn hơn trong nếp xử thế với phái đẹp.

*

Ở Qui Nhơn, mối tình đầu của anh với Hoàng Hoa rất thi vị và lãng mạn, mà anh muốn nó kỳ diệu như tình Thôi Oanh Oanh và Trương Quân Thụy, anh yêu Hoàng Hoa mà “*kính nhi viễn chi*”.

Ở Saigon, anh dám bao xe khứ hồi Saigon – Phan Thiết để gặp Mộng Cầm nữ sĩ thì là chuyện khá hấp dẫn rồi.

Điều này, làm cho tôi suy nghĩ.

Khi gặp Thúc Tề trong một lần đi Saigon hiếm hoi ngắn ngủi, tại chỗ trọ anh Trí con đường Espagne. Thúc Tề cho tôi biết Mộng Cầm là nữ sĩ, có tinh thần tự do phóng khoáng, cháu kêu Bích Khê bằng cậu ruột ở Phan Thiết, cùng Hàn Mặc Tử biết nhau trong thi văn rồi dần dần đi đến hẹn hò ở Phan Thiết mà phong cảnh có vẻ rất Đào nguyên.

Tôi hỏi Thúc Tề: “Các cuộc hẹn hò xa hàng mấy trăm cây số thì tốn kém lắm, lấy tiền đâu mà chi tiêu. Đừng nói chi chuyện ăn uống, nội cái khoản bao xe khứ hồi là đủ chết rồi”.

Tề cười lên hô hố: “Mi nghĩ có cuộc chi tiêu nào chính đáng hơn không? Tài tử giai nhân tái ngộ nan mà! Không tốn sao được!”.

Tôi ở lại chỗ trọ chờ anh Trí. Trong nhà chỉ có Thúc Tề và một người lạ. Họ đánh trần, nằm dài ra sân mà viết.

Đến 10 giờ đêm, anh Trí mới về. Anh hỏi tôi: “Vào bao giờ đó?” Rồi không hỏi han chi chuyện ăn uống cả, ngã mình lên chiếc ghế bố độc nhất mà có lẽ lũ bạn dành riêng cho anh.

Tôi nói: “Anh về khuya quá”. Tề cười: “Rửa là sớm rồi, chắc không ăn uống gì đâu”.

Tôi lặng thinh suy nghĩ, không biết anh sống như thế nào, và được bao lâu nữa ở đây.

Hôm sau tôi sửa soạn ra về. Anh Trí hỏi: “Còn tiền không?” Tôi tưởng anh cho tiền xe, thật thà trả lời: “Thôi, tôi còn dư đây” Anh cười vui vẻ: “À, thì cho anh ít đồng”. Tôi kêu lên: “Trời ơi! Vậy thì...” Rồi vội vàng lấy tiền trao cho anh.

Tôi hiểu ngay, anh Trí không thể sống mãi như thế này được.

Về nhà, tôi sợ Mẹ tôi thêm chua xót, nên không kể lại điều tai nghe mắt thấy làm gì.

Câu chuyện Mộng Cầm làm cho tôi suy nghĩ lo âu và linh cảm có những gì không được lành mạnh trong đó.

Tôi đoán là mưu mô thủ đoạn của đám bạn bè.

Biết không cảm dỗ được anh vào nếp sống ăn chơi ở Saigon, vì anh rất sợ dĩ điểm, thì một thiếu nữ như chị Mộng Cầm thật hợp “gu” của anh. Cũng nữ sĩ mà. Không có gì đáng sợ cả.

Biết anh thích những mối tình thơ mộng.

Thì có đây! Một chuyến đi Phan Thiết thăm Mộng Cầm thật rất nên thơ, mà thi sĩ lại sẵn sàng chỉ tiêu một cách chính đáng (nói theo kiểu Thúc Tề).

Sống như Lưu Thần Nguyễn Thiệu là mơ ước của hết thảy những chàng nghệ sĩ giang hồ. Chỉ cần tìm cho họ một chiều thứ tư của không gian (Quatrième dimension) để họ lọt vào cảnh tiên thoát tục đó.

Vậy thì đường đi Phan Thiết không phải là chiều thứ tư sao?

Lầu Ông Hoàng không phải là động Đào nguyên sao!.

Mộng Cầm một nữ tài tử phiêu lưu thủ vai nàng tiên mới tuyệt diệu làm sao?

Còn lại, chỉ cần đạo diễn.

Hãy nghe nhà thi sĩ, đạo diễn, tả cảnh:

.....
Ồ! Đừng có ngóp, mời anh hãy bước
Qua nơi đây là cách biệt trần gian
Đây bát ngát và thơm như sữa lúa
Mùi tô hạp quện trong tơ trắng lụa
Đây bài thơ không tiếng của đêm tơ
Của hồn thơ đi lạc ở trong mơ.

Và giới thiệu nàng tiên:

*Nàng bước tới như sông trắng chảy ngọc
Nư nắg thom hóp đặc cả nguồn hương...
Dáng tằm xuân uốn trong tranh Tố nữ
Ô! Tiên nương nay lại ghé nơi đây...
Suối tóc mát nhúng trong vùng mộng tuyết
.....*

Về sau anh Trí thú nhận trong bài Phan Thiết:

*... Như phép lạ, có một nàng tiên nữ
Hao hao như nàng Nguyệt cỏi Đào nguyên.*

*

Và cứ như thế, một chuyến đi Phan Thiết, rồi chuyến khác. Cố nhiên là phải có Tả phù Hữu bật, tốn kém đến phải vay nợ để rồi bị xiết hết đồ... trở về Qui Nhơn hai tay không.

Một trong những chuyến đi đó, anh Trí đã phải trả giá bằng cả cuộc đời đang xuân, đang nổi tiếng và huy hoàng của anh.

Thơ anh còn ghi lại một niềm đau đớn *muôn năm sầu thảm* để lại một kỷ niệm tái tê mà anh hận thù:

*Hỡi Phan Thiết, Phan Thiết
Mi là nơi ta chôn hận nghìn thu
Mi là nơi ta sầu muôn ngất ngư.*

*

Tuy nhiên, phải công bằng mà nói, thì hầu hết bạn bè anh đều yêu mến anh như ruột rà chỉ muốn anh nổi tiếng, không ai có ý hại anh.

Bằng đường này, hay đường khác, họ luôn có thiện chí muốn đưa anh trở nên thiên tài bất diệt của môn phái họ.

Có lẽ họ đã đạo diễn những cuộc gặp gỡ giữa anh và chị Mộng Cầm ngay giữa Saigon buông thả, tạo môi trường để dãi cho anh phát huy tiềm năng thi phú của anh. Nhưng anh khó chấp nhận được vì định mạng đã lựa chọn anh để đưa anh vào một hướng khác, hướng “Hằng sống” mà “thiên tài” Bích Khê không tìm thấy.

Ở Huế, Trần Thanh Địch cũng đem tên tuổi người cháu ruột đang độ cài trâm, giới thiệu Hàn Mặc Tử giữa lúc anh đang sống pha trộn mộng và thực.

Chỉ cần nghe nói đến hai tiếng Thương Thương tình tứ, chỉ cần đọc một lá thư “ngụy tạo” thôi là anh Trí đã vội thoát ra ngoài thực để sống với mộng.

Vì vậy phải công nhận Trần Thanh Địch tài ba khi chọn đúng giai đoạn bệnh hoạn và thời điểm cô đơn đưa Thương Thương đi tìm anh đang bơ vơ dẫn hồn chu du trong quỹ đạo Thượng thanh khí, sống với trăng, sao, mây gió.

Những sáng tác trong **Duyên Kỳ Ngộ, Quần Tiên Hội** là những áng văn chương trác tuyệt để lại cho nền thi phú của Đất nước.

Giấc mộng anh tuy ngắn ngủi, nhưng, như anh đã viết trong đoạn văn xuôi “**Chiêm bao và sự thật**” thì anh đã sống hẳn hoi như Lý Thái Bạch vờ trăng trên mặt nước.

Anh tin đó là thực. Có hay không, hư hay thực là những huyền bí chấp chờn trước mắt:

“Nếu Đường Minh Hoàng phục sinh, chắc cũng rĩ tai tôi là nói chuyện lên chơi cung trăng hay xuống âm ty để gặp Dương Quý Phi là có thực, tôi cũng tin là có chứ sao?”

Tiếc thay, giữa lúc anh đương hào hứng sáng tác, người đời còn đang đợi anh nhả ngọc phun châu, nghe suối biết đàn, chim biết ca, hoa lá đêi tò mò một cách thông minh như “ngàn năm một thuở” thì... được tin ông Trần Tài Phùng, anh ruột “Nàng tiên Thương Thương”, yêu cầu anh ngưng lại mọi thi cảm, vì lý do riêng.

Trên bình diện một nền giáo dục nghiêm chỉnh, sự dập tắt nguồn thơ anh Trí nơi đây, không phải là điều đáng trách mà còn là điều rất chính đáng.

Ai cũng biết thơ anh truyền cảm dào dạt. Cảnh trí anh vẽ ra rất tình tứ phong lưu, như một đoạn dưới đây trong “**Duyên Kỳ Ngộ**”

Nàng:

*Mây bay, theo với mây bay
Mình sao ra nước non này mà chơi
Sao ơi, dịu dặt chơi vơi
Buông mau âm điệu để rời nhân gian.*

Tiếng tiêu:

*Vàng bay theo vàng, đuổi theo vàng bay
Tiếng vàng này vừa mê, vừa say
Dồn qua phương Đông, mặt trời chưa nóng
Dồn về phương Tây, màu sắc hây hây.*

Lời chim họa theo:

*Tiếng tiêu nào từ phương xa bay vắng
Tiếng thanh thanh mà rất mực tương tư.*

Lời suối reo:

*Xin mời chàng tài hoa thi sĩ đó
Ngồi xuống đây bên thảm ngọc vương châu
Hai tay chàng thử vốc vào nước nọ
Mát tê đi như da thịt nàng dâu.*

Nàng:

*Ôi chao! Thơ ngằm bay theo dải nắng
Lồng vào trong xiêm áo mỏng manh sao!*

Chim anh vũ bảo họa mi:

*Mi, mi, mi, có nghe trong gió thổi
Có nghe chẳng tình lạ thoảng mùi trai.
Có nghe không lòng ai ra âm ỉm
Không như lòng cô gái ở Bồng lai.*

Những bài thơ đó ngâm lên với âm điệu nôn nao, dịu dặt, thì làm sao mà một thiếu nữ đang độ cài trâm mơ mộng, không ngăn ngơ bằng khuâng cho được.

Trong bài “**Nỗi buồn vô duyên**”, người ta không khỏi bùi ngùi thương cảm số phận một người con trai tài hoa, mà xã hội ruồng rẫy, gia đình e ngại, chỉ còn bám víu vào một ảo ảnh nào đó cho qua ngày đoạn tháng...

Rồi ảo ảnh đó cũng tan biến, nhìn lại cái thân tàn héo hắt...

Trời hỡi!...

*Sầu lên cho tới ngàn khơi
Ai đâu ráo lẽ chưa lời nói ra
Chiều nay tàn tệ hồn hoa
Nhớ thương thương qua xót xa tâm bào
Tiếng buồn đem trộn tiêu tan
Bóng em chờn chờ trong bao nhiêu màu
Nghe ai xé lụa mà đau
Gió than niềm gió, biết đâu hẹn hớ
Đừng ai nói: để thương cho
Lỡ ra lạnh nhạt đền bù sao cam
Chiều nay chẳng có mưa dầm
Mình sao nước mắt lại dầm đìa tuôn
Ồ ra lụy ngọc nôn nôn
Có bao giờ hết nỗi buồn vô duyên...*

CHƯƠNG IV

NHỮNG MỐI TÌNH

Trong cuộc đời nổi tiếng của Hàn Mặc Tử, thơ văn gắn liền với tình yêu, như bóng với hình, mà thơ thì lại là sự sống của anh. Hễ có thơ là có tình và có tình chắc chắn là có thơ.

Thế nhưng tình của anh không biểu lộ giao tiếp song phương để cụ thể hóa mối tình đó, mà chỉ

toàn là cảm ứng giữa những tâm hồn nghệ sĩ, kể cả với trăng.

Tình của anh là một thứ tình tưởng tượng, ước mơ trong bao nhiêu ngày tháng, trên bao nhiêu giấy mực và bao nhiêu thương nhớ chơi vơi.

Có vậy thôi, không đi đến đâu cả!

Vậy mà cũng tạo được cho người đời, những suy cảm say sưa, để rồi cũng xót xa với anh, nhức nhối với anh, từ nửa thế kỉ nay.

Tưởng tượng của anh phong phú kỳ lạ, ước mơ của anh thiết tha chân thành, đến nỗi người ta xem anh là một thi sĩ đào hoa, phong lưu lãng mạn, mà vẫn không hề lưu lại tiếng hờn tủi cho bất cứ ai.

Cứ nghe anh thành thật:

*... Bao giờ, ai hóng hơi hương báu
Ngoài cõi tâm tư sẽ lỗi nghi
Chắc đâu đi lụy cho nhân quả
Thôi cứ say mềm với nữ nhi.*

Nếu viết lại cho hết những người bạn gái tạt ngang qua đời anh, như **mộng lớn, mộng con** của thi sĩ Tản Đà, thì không tài nào nhớ hết được.

Chẳng hạn như:

*Ta đồ chữ NGOC lên tàu lá
SƯƠNG ở cung thiếu nhỏ chẳng thôi.*

Hoặc:

*Ta đuổi theo trăng, ta đuổi theo trăng
Trăng bay là là, ngã lên cành vàng
Tới đây là tôi được gặp nàng*

(Cành vàng lá ngọc)

Trong chương này, tôi chỉ xin chép lại bốn mối tình của anh mà bóng dáng còn lưu lại đậm đà trong văn thi anh, và cũng là bốn mối tình anh mang nhiều ray rứt trong tâm tư.

Anh Trí vốn ít nói, sống thâm lặng, nhất là sau tai nạn ở bờ biển, lại càng khép kín hơn.

Gần bên anh lâu ngày, tôi biết anh có nhiều tâm sự chưa hề tiết lộ với ai. Bên ngoài có vẻ như lặng lẽ vô tình nhưng bên trong lại rất nồng nàn mãnh liệt mà anh đang sống bằng cảm thụ.

Giá như anh không làm thơ để “bài tiết” cái tâm sự của anh, thì thật nguy hiểm vô cùng, nhất là với tình trạng mà tôi cho là bất bình thường sinh lý sau đây:

Từ thời còn đi học giáo lý, anh chịu ảnh hưởng sâu đậm của cha Thiềng, một linh mục nhân đức có nếp sống đơn sơ mà anh rất cảm phục yêu mến.

Có hai điều giáo lý của cha mà anh ghi nhớ rất cẩn thận và tuân thủ vô cùng chặt chẽ. Đó là:

– Nhân đức sạch sẽ (có nghĩa tinh khiết) mà cha hay nói: “Điều răn thứ sáu (tình dục) rất đáng sợ, thậm chí các Thánh ngày xưa không dám nói đến tên.

– Đừng bắt chước bọn Pharisiêu mà kinh thánh cho là giả hình. Cần phải sống bằng nhân đức khiêm nhường kín đáo (humilité).

Trong đời anh, người con gái duy nhất mà anh dám trò chuyện vui đùa là chị Như Lễ, ngoài ra anh không hề mở miệng với bất cứ thiếu nữ nào đồng trang lứa dù là để chào hỏi, kể cả láng giềng hay bà con.

Chị Lễ có học, ít nhiều có khiếu văn chương, rất hợp với anh. Nhưng hễ ngồi lại là hay tranh cãi, nhất là cãi giáo lý, và chị Lễ thường bị anh chỉ trích là Pharisiêu, vì chị có thói quen đứng hàng giờ bên bàn thờ sau buổi kinh tối (tôi nghĩ hai chị em không có đề tài để nói chuyện ngoại trừ tranh cãi giáo lý).

Và chị Lễ cũng là người con gái đầu tiên được anh ca ngợi tán dương trong bài “**Chơi giữa mùa trăng**” như một pho tượng trinh nữ.

Ở Huế về, đã mười chín tuổi, cái tuổi của những thanh niên khí lực sung mãn mới lớn, đáng lẽ anh phải có những giây phút mơ mộng, hoặc bị những đòi hỏi khát khao của tuổi trẻ chi phối. Nhưng anh đã dồn hết vào khoảng thời gian đó những đam mê thể thao thể dục, và có lẽ vì thế anh rất ít bận tâm đến sinh lý thông thường chẳng?

Thế nhưng, thời gian đó qua đi rồi, mà vẫn không thấy anh thay đổi tính tình, không thấy anh trò chuyện với thiếu nữ nào, đừng nói là có bạn gái.

Nói đến chuyện lứa đôi là đỏ mặt.

Không biết có phải vì anh có những nét nhân đức thật sự, hay vì e ngại tôi lỗi, mà cha Thiềng nhắm muốn đỡ đầu cho anh đi tu, xem anh như có ơn kêu gọi, cho nên anh rất sợ bị dòm ngó đạo đức của anh mà vốn dĩ anh là đứa trẻ nghịch ngợm nhất nhà. Ngay cả những khi đọc kinh anh cũng rất kín đáo, tràng hạt trong túi áo, hai tay thọc sâu vào đi đi lại lại im lặng. Không ai biết anh lẩn tràng hạt hay làm thơ. Thế rồi, anh biết yêu. Khi anh tiến sâu vào địa hạt văn thơ.

Bạn bè đều biết anh bắt đầu yêu sau khi tiếng tăm thơ văn anh được báo chí nói đến, cũng đồng thời có nhiều cảm ứng trong giao thiệp văn chương với một số nữ sĩ. Tôi hay đùa: Thơ và tình đến với anh cùng một lúc.

Vì vậy, anh ước mơ người đẹp một cách cổ điển: “**Thư trung hữu mỹ nữ**”.

“Để rồi một buổi trăng sáng nào đó yên lặng, anh chờ người đẹp từ từ trong sách hiện ra với anh”.

Cho nên gần suốt cuộc đời anh, vẫn chưa gặp được người yêu mơ ước và cuối cùng phải thở than:

*Đời không có ngọc trong pho sách
E hết khô nguyên ở Thượng Trì.*

1. TÌNH ĐẦU : HOÀNG HOA

Năm 1933, anh Trí vào làm việc ở Sở Địa Chánh (Cadastre), nơi đây anh bắt đầu quen với một số bạn bè yêu thích văn thơ.

Trước hết là Hoàng Diệp và Hoàng Tùng Ngâm. Ngâm là cháu ruột cụ Thương tá Hoàng Phùng, giám đốc Sở Địa Chánh.

Hoàng Tùng Ngâm có người chị thúc bá (ái nữ cụ Hoàng Phùng) cũng rất yêu thơ Hàn Mặc Tử, thường viết báo làm thơ với bút hiệu Hoàng Hoa nữ sĩ, tên thật là Hoàng Thị Kim Cúc, một thiếu nữ khuê các mà phong thái nhàn hạ, thoáng đôi chút kiêu sa khiến anh Trí say mê và... sợ sệt. Trong nhà cũng phong phanh biết anh Trí yêu cô Kim Cúc.

Theo anh, thì tình yêu phải sáng sủa quân tử như đôi chim thư cưu ở trong Kinh thi “Quan quan thư cưu, tại hà chi châu”, mà anh thường tâm niệm “tương thân nhi tương kính” cho nên anh yêu mà “kính nhi viễn chi”.

Anh thường tỏ ra, bối rối mất cả bình tĩnh mỗi khi người thiếu nữ đó đi ngang qua nhà.

Chị Kim Cúc là một thiếu nữ rất “Huế”. Nghiêm đường thuộc giòng dõi thế gia ở Võ Dạ, một vùng mà nếp sống như xa xôi với thôn quê, vùng dành riêng cho các vị hưu quan, các ông tham, ông thị. Nếp sống quan dạng kiêu cách đó được biểu lộ rõ ràng.

Ông Quách Tấn khi được tin ấy cho là điều không may cho anh Trí, vì không được xếp vào môn đăng hộ đối.

Thật thì, không hẳn như vậy, nếu xét về tông tích dòng họ.

Chính chị Cúc cho biết: “Cụ Thị Phùng cũng đã từng quen biết với cha tôi năm 1901 ở Điện Bàn, khi cha tôi bàn giao công việc ở Tòa sứ để chuyển ngành qua Thương chánh Hội An”.

Cụ Phùng có ghi vào phả là ông Nguyễn Văn Toàn về sau đậu Tham Tá đổi vào miền Nam.

Như vậy thì gia đình cụ Thương ta không phải không biết là bà Tham Toàn mà địa phương hay gọi là “bà Thương” khiến có nhiều lần khách vào thăm nhà chị Cúc và ngược lại.

Cũng như anh Mộng Châu, anh Trí có dính dáng đến một hôn ước từ nhỏ với một gia đình vọng tộc mà trong lúc thân thiết vui vẻ, hai nhà giao ước với nhau.

Anh Mộng Châu không tính chuyện lấy vợ, toan xuất dương nối chí ông cha. Một phần, anh cũng tin vào lời dịch số của cậu tôi (học trò ông ngoại tôi) rằng: “Khi mẹ tôi có đích tôn thì chết”.

Anh Trí đi học Huế rồi về Qui Nhơn, ít khi có cơ hội gặp gỡ người em học, nên cũng xao lãng. Dù vậy, anh cũng không hề tâm sự với ai, dù chỉ để nói đùa.

Duy có lần, anh bất thần hỏi tôi về chuyện hôn ước đó: “Còn mi thì sao đây? Hay là cũng bỏ hết cả ba anh em”.

Tôi không biết gì vì còn học. Chỉ đến kỳ nghỉ hè mới lại được dịp gặp go84 ở Qui Nhơn. Anh Trí gọi đó là nhịp cầu “Ô thước” để nhớ những ngày còn bé ở chung nhà.

Có lẽ vào tuổi 19 – 20 cũng có đôi chút băng khuâng hay kỷ niệm gì đó, anh làm thơ vẽ lại mấy nét:

NHỚ CHĂNG

*Nhớ chăng, anh cùng em nô đùa
Ngây thơ như đứa trẻ lên ba
Anh đứng bên cạnh nhìn em thêu thùa*

*.....
Nào có phải anh với em
Tự kết mối lương duyên
Đó chẳng qua
Vì cha mẹ đôi bên
Chung kết mối tình riêng
Rồi ba em lại mất
Rồi ba anh chẳng còn
Mẹ em giàu có
Mẹ anh nghèo khó
Rồi lời hứa năm xưa
Cùng dòng nước chảy qua
Đi biệt
không về.*

Tôi hỏi anh: “Viết cho ai đây?” Anh cười: “Cho ai cũng được”.

Quả thật về sau đều dang dở.

Vì vậy mà tôi nghĩ mối tình đầu của anh phải là Hoàng Hoa. Và mối tình đó cũng chưa hề được đáng ứng song phương.

Hoàng Tùng Ngâm là bạn rất thân của anh Trí, đã chuyển đạt đến Hoàng Hoa nỗi lòng rạo rực của anh qua mấy vần thơ tán tỉnh.

VỊNH HOA CÚC

*Thu về nhuộm thắm nét hoàng hoa
Sương đầm trắng lồng bóng thướt tha
Vẻ mặt khác chi người quốc sắc
Trong đời tri kỷ chỉ riêng ta.*

Trong bài khác:

TRỒNG HOA CÚC

*Thích trồng hoa cúc để xem chơi
Cúc ngó đơn sơ lắm mặn môi
Đêm vắng, gần kề, say chén nguyệt
Vườn thu vắng vẻ đủ mua vui.*

Và anh thổ lộ tâm sự như chưa bao giờ bày tỏ trong

ÂM THÂM

*... Em có ngờ đâu trong những đêm
Trăng ngà giải bóng mặt hồ êm
Anh đi thơ thần như ngáy đại
Hứng lấy hương nồng trong áo em
Bên khóm thùi dương em thướt tha
Bên ni bờ liễu anh trông qua
Say sưa vương phải mùi hương ướp
Yêu cái môi hương chẳng nói ra.*

Chỉ trong bài thơ anh mới viết đôi mắt, đôi môi nhưng không bao giờ nói ra được hay diễn tả cái đẹp với một người khác.

Những bài thơ dễ thương như anh học trò bỡ ngỡ, làm cho chị Cúc cảm động không ít.

Hoàng Hoa có vẻ như không từ chối tính anh, nhưng rất nặng về lễ giáo, chị nói với Hoàng Tùng Ngâm một cách lo lắng:

“Cái ngăn cách lớn nhất của chị không thể nào vượt qua được là vấn đề *lượng giáo*.”

Riêng chị rất chua xót mà không thể nói ra được.

Gia đường theo Phật giáo rất nghiêm chỉnh, chắc không thể nào để cho một người con có lễ nghĩa, đi ra ngoài khuôn khổ mực thước của giòng họ.

Anh Trí nghe được rất buồn, thơ anh bắt đầu bài hoải, nhưng vẫn còn hy vọng.

Trong bài thơ “**ĐÔI TA**”, anh bầu víu vào mối tình thực tiễn của Hoàng Hoa:

*... Mà anh hay em trong tim đều rạn
Dầu chôn sâu hình ảnh một người mơ
Bây giờ đây quẩn quít hiện bây giờ
Chỉ có biết đôi ta là đang sống
Đang cho nhau ngọt ngào và đang mộng
Cứ làm ngơ không biết đến thời gian
Đến bông hoa tàn tạ với trăng nhân
Đến những tình duyên chung quanh thất vọng.*

*.....
Cứ nhắm mắt, cứ yêu nhau như chết
Cứ sửng sốt mê mải mà rũ liệt
Đừng nghe chi âm hưởng địa cầu đang
Vỡ tan ra từng mảnh cả không gian
Cả thời gian từ tạo thiên lập địa.*

Mối tình vô vọng, nhưng vẫn kéo dài khi đầy khi vơi, liên lạc bằng văn thơ cho đến ngày anh mất.

(Năm mươi năm rồi, Hoàng Hoa vẫn còn giữ nguyên bút tích văn chương của anh. Nhờ đó mà các nhà viết văn có tài liệu về mối tình đầu của anh).

Sau một thời gian bị ngắt quãng vào Saigon làm báo. Anh lại trở về Qui Nhơn, mà tình hình có vẻ thuận lợi hơn cho anh tiếp tục mối tình Hoàng Hoa, khi gia đình dọn về số 20 đường Khải Định, chỉ cách nhà chị Cúc có vài căn phố.

Anh sống lại mỗi tình đầu nồng nàn với ít nhiều bạo dạn hơn. Anh viết bài:

HỒN CÚC

*Bấy lâu sát ngõ chẳng ngăn tường
Không dám sờ tay sợ lấm hương
Xiêm áo hôm nay tẻ chĩnh quá
Muốn ôm hồn cúc ở trong sương*

Trong bài **Tình thu** anh nhắc lại tình xưa khi trông thấy chị Cúc buồn gầy:

*Đêm qua ả Chúc với chàng Ngâu
Nhắc chuyện yêu đương ở dưới cầu
Kể lẽ một năm tình vắng vẻ
Sao em buồn bã suốt canh thâu*

Rồi cũng thẹn thò như ngày nào:

*... Sao ta không dám nhìn nhau rõ
Gặp gỡ bên đường vẫn thản nhiên.*

Có nhiều hôm anh ngồi thừ trong chiếc ghế mây, nhìn qua bức màn tre sáo trước cửa, đợi chị Cúc đi ngang qua, trông anh đến thiếu nảo.

Chị Cúc biết điều đó, về sau kể lại với con gái chi Như Lễ mà rằng: “Nghĩ tội nghiệp anh quá”.

Bạn bè đến chơi trông thấy anh ngồi buồn bã như kẻ thất tình, nên thường trêu cợt anh là con người sau bức rèm lạnh và gọi đùa anh là *Hàn Mạc Tử*.

Chữ Hàn ở đây có nghĩa là *lạnh* và chữ *mạc* không dấu là *bức màn*, Hai chữ *Hàn Mạc* là *bức rèm lạnh*. Anh chỉ cười, không nói gì, cũng không để ý đến nữa.

(Mãi về sau khi anh qua đời còn nhiều người vẫn tưởng lầm bút hiệu của anh là *Hàn Mạc Tử*).

Những người bạn thân đều biết rõ, nhưng nghĩ không quan trọng gì, nên không ai lên tiếng.

Ngay cả ông Trần Thanh Mại, khi viết cuốn **HÀN MẶC TỬ** vẫn lầm anh là Hàn Mạc Tử, chỉ vì thấy có những bức thơ anh Trí viết cho Trần Thanh Địch, thường hay ký tên nguyên cả chữ mà không chấm dấu gì hết.

Bởi thế cũng có một dạo tranh luận ít nhiều về tên Hàn Mạc Tử, nhưng ông Quách Tấn, người có trách nhiệm bảo thủ văn thơ anh, lên tiếng cải chính cặn kẽ rồi.

Theo chỗ tôi biết, thì bút hiệu đúng của anh là Hàn Mặc Tử, trước hết anh tự nhận là nhà thơ nghèo nàn (Hàn Mặc, chữ Hàn của anh là *nghèo*, không phải *lạnh*).

Chữ *Mặc* là thổi mực, ngụ ý “tao nhân mặc khách” (con người của bút mực, văn chương, thi sĩ).

Anh Trí vốn rất ngưỡng mộ triết gia Mặc Dịch thời Chiến Quốc, nổi tiếng chủ trương thuyết Kiêm ái, nên anh cũng tự nhận thuộc môn phái Mặc Dịch, thương yêu hết mọi người.

Chữ Mặc Tử khi ghép đôi mới có ý nghĩa là môn đồ Mặc Dịch.

Chữ Mặc Tử thì không có ý nghĩa gì.

Chữ *Hàn Mặc Tử* nói lên ý nghĩa một thi sĩ nghèo nàn, nhưng tình thương rộng rãi bao la.

*

Có lần anh nhờ Ngâm chuyển đến chị Cúc một bức thơ, Ngâm nói: “Không nên tiếp tục mối tình vô vọng đó làm gì, chỉ để khổ cho nhau thôi.”

Lúc ấy chưa ai biết anh đau yếu gì.

Có những đêm không ngủ được, nghĩ đến mối tình yêu chưa nói với nhau được câu nào cho thỏa lòng mơ ước, anh toan bước qua nhà cụ Thương, nhưng lại không dám phiêu lưu. Anh viết:

*Đêm nay ta lại phát điên cuồng
Quên cả hổ ngươi cả thẹn thường
Đứng rủ trước thêm nghe ngóng mãi
Tiếng đàn the thé ở bên song.*

Chỉ ít lâu sau, anh Ngâm báo tin cụ Thương về hưu: Cả nhà dọn về Võ Dạ, chị Cúc cũng sắp đi theo, anh Trí buồn bã viết:

*Và được tin sắp bỏ đi
Chẳng thềm trở lại với tình si
Ta lau nước mắt, mắt không ráo
Ta lấy tình nương, rửa biệt ly*

Hai câu sau bài thơ này, thường được nghe anh ngâm lên mỗi khi ngồi trầm ngâm trên chiếc ghế mây nhìn ra bức màn tre, tôi hiểu anh xót xa với tình đầu biết chừng nào.

Năm 1936, anh về Hội chợ Huế, gặp chị mà cả hai đều rụt rè e thẹn. Anh Trí mang sách **Gái quê** tặng các em chị, nhưng lại không dám trao cho chị.

Chị Cúc kể lại và ân hận về thái độ rụt rè đó: “Càng tội nghiệp hơn là hôm sau anh xuống Võ Dạ đứng trước cổng hồi lâu rồi lặng lẽ bỏ đi”.

Cho đến khi anh đau nặng rồi 1939 chị Cúc còn gửi cho anh một phiếu ảnh cỡ 6x9: Chị Cúc mặc áo dài lụa trắng như những cô gái Huế thời bấy giờ đứng trong vòm cây xanh mát. Anh làm ngay bài:

ĐÂY THÔN VỸ DẠ

*Sao anh không về chơi thôn Vỹ
Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên
Vườn ai mướt quá xanh như ngọc
Lá trúc che ngang mặt chữ điền.*

*Gió theo lối gió, mây đường mây
Dòng nước buồn thiu hoa bắp lay
Thuyền ai đậu bến sông trăng đó*

Có chớ trắng về kịp tối nay

*Mơ khách đường xa, khách đường xa
Áo em trắng quá, nhìn không ra
Ở đây sương khói mờ nhân ảnh
Ai biết tình ai có đậm đà.*

– Nếu anh biết, chị đã quy y, dành riêng một căn phòng ngày đêm hương hoa tụng niệm, tưởng nhớ mối tình bất diệt của anh mà cũng là tình đầu của chị, đang quyện theo trầm hương dâng lên anh nơi miền cực lạc. Nơi đây không còn ngăn cách giáo lương, không còn tham sân si trần tục.

Ôi! Tình Hoàng Hoa đậm đà biết chừng nào!

– Nếu anh biết, từ ngày nghe anh đau, chị đã dành dụm một số tiền nhỏ, toan nhờ Ngâm gửi tặng anh thuốc thang, nhưng gia phong nghiêm cẩn, không thực hiện được (các con chị Lễ ở Huế đều biết).

“Đây thôn Vỹ Dạ” là bài thơ cuối cùng chị nhận được của anh, chỉ ít lâu sau anh qua đời, đến nay vẫn còn được truyền tụng.

Chị rất cảm động khi biết anh vẫn không quên vườn cau tươi mát, vẫn nhớ đám bắp bến đò Cồn nhìn sang Vỹ Dạ, mà dòng nước buồn thiu lặng lẽ trôi...

Gió và mây không cùng về một hướng, thì tình anh làm sao không ngang trái. *“Gió theo lối gió, mây đường mây...”*

Mùa thu năm Bính Dần, chị Cúc vào Saigon, ghé lại thăm thành linh làm cho tôi xúc động:

*Chao ơi! Người xưa đây Hoàng Hoa!
Bao nhiêu thu rồi, chưa phai pha
Áo trắng vườn cau thôn Vỹ Dạ
Thương Hàn Mặc Tử nhận không ra*

Cùng ôn lại chuyện cũ làm cho gia đình tôi vô cùng thương cảm, càng kính trọng chị như người thân bao năm xa cách.

Thay lời Hàn Mặc Tử, tôi viết tặng chị một bài thơ mượn ngôn từ nhà Phật, chị rất vui vẻ.

HOÀNG HOA CẢM TÁC
(Thay lời Hàn Mặc Tử)

*Áo trắng ngày xưa nay áo nâu
Khen ai khéo chọn cảnh đời sau
Vàng son đoạn tuyệt bôi nhân quả
Dưa muối trường trai diệt khổ đau
Trần tục may rời vòng nghiệp chướng
Căn cơ ráng giữ mối duyên tu
Buồn vui thế sự, thôi đừng nhắc
Để chút tình thơ đáp nghĩa nhau.*

Tôi xem chị Cúc như chị Nghĩa, chị Lễ tôi.

Một lần tôi về thăm mộ Cụ tôi ở Huế, ghé lại thăm chị ở Vỹ Dạ. Đời sống tu hành khổ hạnh của

chị làm cho tôi xúc động càng quý trọng chị hơn.

Khi nhắc lại các mối tình của Hàn Mặc Tử, chị Cúc cười độ lượng:

“Tiếc quá, phải chi trời để anh sống thêm mười năm nữa, tình anh càng nhiều, thì thơ của anh để mô cho hết.

Bốn người đàn bà trong đời, thật là quá ít đối với Hàn Mặc Tử”.

*

2. MỘNG CẦM

Tôi biết được chị Mộng Cầm chỉ qua lời giới thiệu nửa đùa nửa thật của Thúc Tề. Anh Trí thì dấu kín, ở nhà không ai hay biết gì.

Thúc Tề cho tôi biết, Mộng Cầm tên thật là Nghệ, cháu kêu thi sĩ Bích Khê bằng cậu ruột, quen biết Hàn Mặc Tử qua văn thơ trên báo chí Saigon.

Mộng Cầm ở với cậu, lúc bấy giờ dạy học tại Phan Thiết.

Trong chương II tôi có dịp nói đến trong bối cảnh Saigon hoa lệ mà anh Trí và các bạn đã sống một thời gian làm báo tại đó.

Mối tình giữa hai người đã có một sôi nổi trong giới văn nghệ sĩ. Họ bàn tán thêu dệt theo cảm ý hay suy đoán của mỗi người.

Có người thương Hàn Mặc Tử thì trách Mộng Cầm bạc bẽo vội ôm cầm thuyền khác, khi vừa nghe tin anh mắc ác bệnh, nhất là khi nghe những lời thơ cay đắng trong những bài:

MUÔN NĂM SẦU THẨM

*Nghệ hỡi Nghệ, muôn năm sầu thẩm
Nhớ thương còn một nắm xương hôi
Thân tàn ma dại đi rồi
Rầu rầu nước mắt bời bời ruột gan
Nghe hơi gió ôm ngang lấy gió
Tưởng chừng như trong đó có hương
Của người mình nhớ mình thương
Nào hay gió tạt chẳng vương vấn gì
Nhớ lắm lúc như si như dại
Nhớ làm sao bãi hoải tay chân
Nhớ hàm răng, nhớ hàm răng
Mà ngày nào đó vẫn khăng khít nhiều
Dấu đau đớn vì điều phụ rầy
Nhưng mà ta không lấy làm đều*

*Trần năm vẫn một lòng yêu
Và còn yêu mãi rất nhiều em ơi.*

Hoặc khóc than não ruột như trong:

PHAN THIẾT, PHAN THIẾT

*Ôi trời ôi! Là Phan Thiết, Phan Thiết
Mà tang thương còn lại mảnh trăng rơi
Ta đến nơi nương ấy vắng lâu rồi
Nghĩa là chết từ muôn trăng thế kỷ*

... Mà âm hưởng thương đau tạo nhiều ai oán trong giới nghệ sĩ Saigon để trở thành huyền thoại.

Cũng có người bệnh vực Mộng Cầm còn quá trẻ mà nghiệp chướng hồng nhan đẩy đưa vào một cuộc tình hữu thủy vô chung tạo nhiều tai tiếng cho nàng.

Chưa ai biết rõ mối tình đó ra sao cả. Gia đình của chị cũng không hề hé răng tiết lộ, dù là để thanh minh.

Chỉ nghe mang máng một chuyện tình khá du dương, khi thì lâu Ông Hoàng, khi thì Cù lao Mũi Né.

Mộng Cầm cũng có lần nhắc nhở anh Trí đừng quên:

*Rồi có khi nào trong phút giây
Trăng lên khỏi núi gió đùa mây
Thì anh nên nhớ người năm nọ
Đã được cùng anh sống những ngày*

Mộng Cầm cũng là nữ sĩ, nhưng tôi chưa có cơ hội đọc thơ chị, nên không biết thế nào là: “Sống những ngày...”

Đối với anh Trí chỉ cần đọc thơ Anh, cũng có thể hiểu được ít nhiều những gì anh muốn nói hoặc tâm sự. Nghe giọng văn anh rụt rè tình tứ trong mối tình đầu với Hoàng Hoa, cũng biết mối tình đó, thì sĩ chưa đạt được. Lòng anh muôn mơ ước mối tình nguyên hương trinh bạch, như nhiều lần anh thổ lộ trong thơ anh để cho hợp tình nghĩa trong trăng tâm hồn anh, như trong các bài: **Ưng trăng, Tình hoa...**

*Chỗ đây khí hậu còn nguyên
Không ai chạm đến mà đến sao đang...
Tôi ưng nàng, tôi ưng nàng
Nàng xa xa quá ơi nàng nàng ơi*

Hoặc giọng thơ dễ dãi, bạo dạn thì hiểu được cuộc tình bắt đầu không khó khăn, không ngăn cách vì lễ giáo gia phong

*Em tôi thở hỗn hển
Áo xiêm lấm tẩm vàng
Em tôi đã hiểu chưa*

.....
*Trăng lại dầm mình xuống nước
Trăng nước đều lặng nhìn nhau*

Đôi ta bắt chước thì sao

Hoặc lời thơ chán chường gượng ép, như trong mỗi tình khi bắt đầu quen với Mai Đình mà ông Tấn đạo diễn cho vui.

Tuy nhiên, ai cũng biết tánh anh không hề muốn mất lòng ai. Tim anh luôn mở rộng đón lấy tình yêu của bốn phương trời. Thơ anh vẫn không thiếu phần tình tứ say sưa, khi mà máu nghệ sĩ tìm được mạch thơ, và mạch thơ đó dẫn dắt đến đâu, anh không cần biết.

Đối với chị Mộng Cầm, tôi chắc tình anh suông sẻ.

Với ít nhiều tư tưởng tiến bộ, có học trong bối cảnh văn minh, phóng khoáng, thì Mộng Cầm làm quen với anh Trí không khó khăn gì (xin đừng nghĩ là buông thả). Cho nên thơ anh không giữ gìn ý tứ.

Vả lại phong cách hào hoa của chị, có thể đã làm cho anh không theo kịp cảm nghĩ của người con gái mới đó.

Những cuộc du ngoạn lâu Ông Hoàng, Cù lao Mũi Né đối với anh còn lạ lẫm ngỡ ngàng trong nếp sống văn minh.

Anh viết trong:

SAY NẮNG

*Mặt trời mai ấy đỏ ong
Nàng tiên tiên hóng mát trên hòn Cù lao
... Gió ơi lại đẩy mà ngửa
Tôi đứng xa lắm xin chừa tôi đi
Hồn tôi mắc cỡ là vì
Không quen thưởng thức cái gì ngất ngây
Như là ánh nắng vàng lây
Mà thơ sắp sửa phô bày yêu thương...*

Dù vậy cái hôn đầu tiên còn lưu lại một thứ hương vị lạ lẫm mà anh khó quên, trên đôi môi trinh bạch:

*Nhớ hàm răng, nhớ hàm răng
Mà ngày nào đó vẫn khăng khít nhiều*

Và tự an ủi:

*Hương không ngọt xuân sớm lẽ nào tham
Mật không đắng ân tình không thú vị*

Nhưng rồi cũng tiếc nuối hờn dỗi như những chàng trai bị tình phụ:

*Xưa những gì đích đáng ở đầu môi
Nay trả lại để tôi làm dấu tích*

Mỗi tình Mộng Cầm chỉ có thể thôi mà cũng đã làm cho anh quên mất đi cái cốt cách phượng hoàng vĩ đại.

*Rồi ngậy đại nhờ thất tình chỉ hướng
Ta lang thang tìm đến chốn lầu trang
Lầu Ông Hoàng người thiên hạ đồn vang*

Và cũng tầm thường nguyên rửa, khi cảm thấy cuộc đời tươi đẹp dừng lại trước đe dọa tàn phá của ác bệnh

*Hỡi Phan Thiết, Phan Thiết
Mi là nơi ta chôn hận nghìn thu
Mi là nơi ta sầu muộn ngất ngư*

*

Ở trên, tôi viết không hề biết đến Mộng cầm, chỉ qua lời giới thiệu của Thúc Tề.

Cho đến năm 1936, sau khi anh Mộng Châu qua đời, thì khoảng tháng năm chúng tôi dọn về số 20 đường Khải Định. Không lâu sau đó chị Mộng Cầm ghé lại Qui Nhơn có đến thăm.

Nghe nói chị có gởi thơ chia buồn về cái tang anh Mộng Châu, mà về sau cuốn sách **Hàn Mặc Tử** tiết lộ chị có xin phép để tang, xin anh Mộng Châu phù hộ cho hôn nhân hai người.

Tôi xin đem câu chuyện dưới đây kể lại trong tập Hồi ký này ngõ hầu giúp các nhà văn rộng đường khảo cứu cuộc đời Hàn Mặc Tử.

“Đêm trước, anh Trí đang trầm ngâm suy tư, bỗng chợt nói với tôi: “Nè nè Tín, ngày mai em tiếp khách giùm anh”. Tôi hỏi: “Vậy thì anh đi đâu?” “Không đi đâu cả nhưng anh muốn em giúp anh.”

Tôi hơi lấy làm lạ, bởi vì ở nhà chỉ khi nào có chuyện gì quan trọng phải nhờ cậy, anh mới lịch sự anh em, còn thường thì tao mi thân mật thôi.

Hôm sau, anh dậy sớm sửa soạn thay bộ đồ “tussor soie”, áo chemise trắng cổ “danton”, mang giày verni đen trông ra vẻ lắm.

Tôi hỏi: Ai mà quan trọng vậy – Anh chỉ cười, làm cho tôi có nhiều suy đoán ngờ vực, vì ngày thường anh ăn mặc rất lồi thối.

Mới bảy giờ sáng, anh đã ra ngồi khoanh tay lại, thói quen cố hữu, thu mình trong chiếc ghế bành bằng mây. Không nói năng gì với ai nữa. Tôi bảo người nhà pha trà sẵn.

Mẹ tôi nhìn tôi dò hỏi. Tôi lắc đầu. Vậy là cả nhà chờ đợi một “biến cố” không ai đoán được cái gì cả.

Tám giờ hơn, một thiếu nữ nhỏ nhắn, tóc hót ngắn ngang ót kiểu “bom – bê” khá xinh đẹp, duyên dáng trong chiếc áo cẩm châu đen trang nghiêm. Nhìn thấy đôi guốc cao gót tôi giật mình, suýt nữa thì tôi đánh giá cao tay lắm là em nữ sinh lớp nhì, lớp nhứt nào đó thôi.

Vậy là tôi phải đóng vai trò tiếp khách chu đáo cho anh Trí. Anh không giới thiệu gì cả. Cũng không biết anh chào hỏi ra sao, vì lúc ấy tôi đang quay lưng lại.

Chị chào hỏi rất tự nhiên, không có chút gì ngượng ngập, tự giới thiệu là bạn văn thơ của anh Trí, xưng là Mộng Cầm (À! Ra chị Nghệ đây mà. Ôi chao, chị còn nhỏ quá). Giọng nói pha trộn

hiều tỉnh, không cứng như tiếng Quảng Ngãi, rành rẽ. Có vẻ rất mới, nhất là mái tóc chị, mà thời bấy giờ ít ai dám mạnh dạn cắt ngắn như thế.

Chị nói chuyện tự nhiên, ngỏ lời chia buồn với gia đình và anh Trí như những người thành thạo nếp sống giao tế thông thường.

Chị cũng vui vẻ hỏi tôi biết làm thơ không. Chị khen thơ anh Trí rất hay và chị cũng đang chờ anh chỉ điểm thêm cho.

Trong lúc nói chuyện, thỉnh thoảng chị nhìn về phía anh Trí. Hình như chị hỏi anh có trở lại Saigon không. Anh lí nhí gì đó tôi không nghe rõ, vẫn luôn cười nhẹ, không tham gia câu chuyện.

Mượn cớ để cho hai người tâm sự, tôi cuống nhà dưới lấy thêm nước chế trà. Mẹ tôi hỏi: Ai đó? Tôi thưa nhỏ: “Chị Mộng Cầm”. Bà cụ muốn ghé mắt xem. Tôi nói: “Để yên đã”.

Chưa cạn chén trà, nghe trên nhà vắng hoe.

Tôi trở lên thì vừa kịp thấy chị quay lưng lại chào rồi đi ra. Mẹ tôi lên theo, chỉ được trông thấy sau lưng. Anh Trí vẫn không thay đổi vị thế ngồi.

Bà cụ nói: “Còn trẻ mà dạn dĩ hé!” Tôi ngẫu hứng đọc mấy câu làm anh Trí bật cười:

*Cô bé nhà ai dạn dĩ ghê
Áo đen quần trắng tóc bom – bê
Đến thăm anh Trí mà tôi tiếp
Hỏi chuyện thì ra chị Nghệ nè.*

Mẹ tôi rầy: đừng nói bậy, mất lòng. Anh Trí cũng cười.

Về sau một người bạn ở Nha Trang nghe chị kể chuyện: Anh Trí hình như mắc bệnh vì thấy hai tai anh đã dày lên.

Sau khi chị Mộng Cầm ra về, tôi suy nghĩ về thái độ của hai người trong suốt cuộc nói chuyện tại nhà.

Xét bề ngoài, cuộc viếng thăm có tính cách xã giao giữa hai người bạn quen biết. Không có gì để gọi là hẹn hò thân mật.

Anh Trí không hề thay đổi thái độ thường ngày: ngồi khoanh tay thỉnh thoảng lại cười nhẹ, sợ mất lòng khách, đôi khi như xa vắng không biết trước mặt mình đang có người bạn tình mà mình thương nhớ.

Tuy nhiên, có sửa soạn trong ăn mặc mà ngày thường rất lười thôi.

Về phần chị Mộng Cầm cũng không có vẻ gì khác lạ. Khi gặp lại người mà chị từng viết: “Đã được cùng anh sống những ngày”. Nét mặt cũng không biểu lộ vẻ mặt thân mật của người tình, vẫn lịch sự vừa phải.

Từ lúc vào đến lúc đi, không hề nhắc đến một câu nào, tôi có thể nghe được về kỷ niệm Phan Thiết. Có lần tôi toan nhắc hỏi chuyện Lầu Ông Hoàng, nhưng kịp nghĩ lại sợ bất lịch sự chẳng, nên lại thôi.

Tuy nhiên, tôi cũng cố tình dò xét mối tình hai người đã thể hiện ra sao, mà rốt cuộc vẫn chịu

thua không hiểu nổi.

Có thể là nếp sống của chị Mộng Cầm phóng khoáng tự do đã quen, nên không thể nhìn thấy đổi thay trong cảm xúc khi chị tiếp xúc với bạn trai, dù là bạn tình.

Đó là những người đàn bà khó hiểu, mà đàn ông thường hay lầm lẫn khi nghe họ nói những lời ngụ ý. Hoặc thái độ có vẻ như buông thả nhưng lại đóng rất chặt. Đó là những thiếu nữ lạnh cảm bất thường.

Hoặc đã quá từng trải trong tình trường.

Mà Mộng Cầm thì quá trẻ, không thể xếp vào hai hạng nói trên. Chỉ còn phải xem chị ngây thơ, bắt chước nếp sống mới, thạo đời của Saigon văn minh thời bấy giờ. Vậy thì thật đáng thương hơn đáng trách.

Nếu ông Trần Thanh Mai được gặp chị sớm hơn, chắc phải dè dặt khi phê phán có phần trách móc chị.

Vì vậy, tôi không thể hình dung được những gì đã xảy ra trong các cuộc du ngoạn mà người đời đã thấu dết. Dù sao thì cậu ruột Bích Khê vẫn còn là đệ tam nhân có trách nhiệm.

Tôi cho là đúng, vì sự thể anh Trí khẩn khoản nhờ tôi tiếp chuyện với chị Mộng Cầm như một nhân chứng để anh bớt hồi hộp. Tình trong trắng của anh còn được thấy rõ qua vẻ bối rối khi đối diện với chị Mộng Cầm.

Tuy nhiên đọc bài **“Say chết đêm nay”**, tôi không khỏi cảm thương cho mối tình lỡ dở của anh, mà nhớ thương còn đọng lại, ray rứt trong tâm tư con người bạc số đó.

*... Trăng cổ độ hết vương cảnh trúc
Hẹn đoàn viên tình thực chiêm bao
Đêm nay lại giống đêm nào
Nhấp xong chung rượu buồn vào tận gan.
Say thôi lại muốn nâng nâng đỡ
Nhưng nâng xa từ thuở vu quy
Nhớ thôi lòng những sầu bi
Lệ rơi vào rượu hàng mi lơ dờ.
Ta là khách bơ vơ phàm tục
Nhớ cầm trăng cung bậc tiêu tan
Không ai trang điểm má đào
Cho ta say chết đêm nào đêm nay.*

Không lâu sau đó, nghe nói chị lập gia đình. Từ đó tôi không nghe ai nói gì về chị, ngoài trừ những chuyện huyền thoại về sau này.

Tôi cũng không biết hai người đã giải ước ra sao và lúc nào, vì bấy giờ tôi đã ở Đà Lạt. Nhưng tôi vẫn linh cảm cuộc viếng thăm lần ấy có tính cách quyết định cho chị.”

Đến nay, nhiều bạn hữu ngày xưa của anh, nghe nói còn gặp chị Mộng Cầm, nhưng chị sống kín đáo không muốn tiếp xúc với ai.

Viết lại câu chuyện chị Mộng Cầm, tôi ghi chép trung thực cảm nghĩ tôi lúc bấy giờ mà thôi, tuy ký ức cũng có thể có nhiều chỗ sai lạc về thời gian.

Mong chị thông cảm. Năm mươi năm rồi còn gì.

*

3. MAI ĐÌNH NỮ SĨ

Khác với những mối tình âm thầm kín đáo, hoặc dè dặt của Hoàng Hoa, của Mộng Cầm, chị Mai Đình là người yêu thơ cũng như yêu con người phong cù đó, một cách ồn ào, sôi nổi và tha thiết nhất.

Thơ của chị cảm ứng với hàn Mặc Tử rất nhiều.

Chị Mai Đình làm thơ rất có khiếu và dễ dàng, ý thơ tình nghĩa, súc tích gắn bó với thơ Hàn Mặc Tử gần năm mươi năm nay. Tôi nói gắn bó với thơ anh Trí, vì hiện nay chị đã có gia đình.

Từ thời tiền chiến, và suốt thời kỳ kháng chiến, thơ chị được truyền khẩu hoặc trao tay người này qua người khác, mà toàn là các bạn làng văn.

Có lẽ chị chất phác dễ thân mật. Bất cứ chỗ nào có vài người họp lại để nói về thơ anh Trí là có chị tham gia. Cho nên có rất nhiều bài thơ nghe nói là của chị sáng tác, vẫn còn chờ đợi được minh xác chưa ai dám tự tiện phổ biến.

Tôi cũng có dịp đọc được, thơ hay, tình nghĩa và tự nhiên.

Nhà văn Trần Thanh Mai từng viết về chị trong cuốn **Hàn Mặc Tử** rằng: “Về người đàn bà này (Mai Đình) ta có thể nói nhiều hơn, kể rõ ràng hơn, mà không ngần ngại phải chạm đến danh giá của một kẻ nào, đến cái mà họ trương lên làm danh giá.

Một người đàn bà không cần dư luận, một người trong hạng người thành thật nhất xã hội. Họ đáng nhíp vào chế độ lễ nghi, mọi thứ do người bày đặt ra để che lấp cái giả dối của người.”

Lời phê bình trên đây thật rộng rãi đủ để không cần phải dè dặt, lịch sự nữa.

Những năm 1938-1939, tôi nghe nói chị đến thăm anh Trí tại nhà, lúc bấy giờ đã dọn về đường Odend'hall vì anh bắt đầu đau nặng, mà mẹ tôi không muốn cho ai biết. Việc chị Mai Đình đến thăm anh Trí như một tin sốt dẻo được loan đi rất nhanh trong những người bạn thân. Vì thế đã làm ồn ào lên một dạo mà mẹ tôi lo sợ tai tiếng cho chị.

Thế nhưng sự dè dặt đó không cần thiết gì đối với chị. Chị Như Lễ nói với tôi: “Chị Mai Đình do ông Tấn giới thiệu cho anh Trí kết bạn thơ.”

Theo chỗ tôi biết qua bạn bè anh Trí, thì chị Mai Đình đã ham mê thơ anh từ lâu, nhưng không ai giới thiệu. Đến khi gặp anh thì lại yêu luôn anh, mặc dầu thấy tận mắt anh đang bệnh.

Thật sự thì bệnh anh cũng không có vẻ gì đáng sợ, nếu nhìn về bên ngoài.

Năm 1939, anh đau nặng nhất, thì cũng chỉ là dấu hiệu khô chết lớp da bên ngoài. Tay anh cầm muỗng ăn hay viết lách, chỉ khó khăn khi kéo mấy ngón tay co lại. Bàn tay như mang một chiếc găng da khô cứng. Da dễ đen sạm đi không lở lói gì.

Với chị Mai Đình, thì hình như chị cũng không thấy “cái bên ngoài “ đó nữa, mà chỉ cần nghe anh ngâm thơ, chỉ cần ở gần bên anh.

Nhiều người bạn, nói theo thời bấy giờ là chị Mai Đình bị tiếng sét ái tình đánh gục (Coup de foudre). Người đàn bà đã từng phen lưu lạc phong trần mà thơ viết lên nghe như cô gái mới được yêu.

Nghe nói chị vẫn dạy nữ công cho nhiều trường ở Saigon, nhưng thỉnh thoảng lại động lòng bốn phương, tìm bạn bè ngâm thơ vịnh nguyệt. Mai Đình viết cho Hàn Mặc Tử lá thơ nũng nịu đủ thứ khiến anh Trí buồn cười đem xếp lại thành bài thơ dưới đây...

*... Thôi em chán quá, em buồn quá
Anh của em giờ cười với ai
Vớ những gì đâu tức tối lạ
Em hồ nghi mãi giận không thôi...
Nhưng xa xôi quá biết làm sao
Lấy Trí tương tư đo được nào
Em mới vùng vằng em thở dốc
Tình thương trong dạ cứ xôn xao.*

Năm 1939, tôi về thăm nhà, nghe chị có ghé lại ở chơi mấy ngày.

Trong nhà, hình như ai cũng yêu mến chị, vì chị đơn sơ thành thật, không nề hà khách sáo, có lẽ cuộc đời “phiếm thủy đào hoa” của chị nhiều trôi nổi quá, nên sống cách nào cũng được, không thấy khó khăn gì, nên ai cũng thương.

Anh Trí cho tôi xem bài thơ tặng chị mà lời lẽ trong thơ có vẻ chán chường. Tôi trách anh đã xem nhẹ tình chị. Những câu như: “Đây Mai Đình, tiên nữ của vu sơn” đã làm cho người đọc chữ vu sơn khó chịu rồi lại còn”

“Nàng là mật của muôn tuần trăng mật”

(Thì thật là chán chường quá).

Toàn bài thơ không xứng đáng tặng chị, một người đang sống với mối tình cao đẹp nhất chưa bao giờ được sống như thế.

Anh Trí hối hận, chắc là anh nghe dư luận về chị không còn gì đáng ca tụng nữa.

Bài thơ ý không tao nhã lắm:

*Đây Mai Đình, **tiên nữ của vu sơn**
Đem mộng xuống gieo vào muôn sóng mắt
Nàng, ôm Nàng hai tay ta ghì chặt
Cả bài thơ êm mát lạ lòng thay
Ta là người uống muôn hận sầu cay
Nàng là mật của **muôn tuần trăng mật**
.....*

May thay, tình yêu làm chị mù quáng, nên không nhận thấy. Hoặc như Trần Thanh Mại viết:

“Người đàn bà đó không có gì tự ái cả.”

Về sau anh Trí viết lại bài **Đánh lừa**

*Tôi thương em không cần phải so đo
Vì trinh tiết há hẳng hương vạn đại*

.....
Sơn phấn cũ thơm bằng sơn phấn mới.

Tuy nhiên tôi áy náy tội nghiệp cho chị, nên có làm lại bài thơ đánh loăng bốt nghiệp chương của chị (không biết ở nhà có trao lại chị không).

*Mai Đình tiên nữ chốn vu sơn
Vướng nghiệp vẫn chương trở xuống trần
Oan trái tào khang vừa tháo gỡ
Nợ nần xướng họa lại đã mang
Giang hồ ánh bướm không lo mối
Mưa gió đời hoa chẳng ngại tàn
Còn chút duyên thừa dâng trọn thuở
Cho tình sống mãi với thi văn.*

*

Khoảng cuối năm 1941, tôi ở Lào về nhiệm sở cũ ở Đà Lạt ghé lại Qui Nhơn thăm nhà.

Vừa bước xuống xe, một người đàn bà còn trẻ, nước da ngăm đen, mau mắn bước ra chào: “Kìa! Chú Tín về đây à! Được điện tín hôm qua cả nhà trông chú lắm.” Tôi ngỡ ngàng một giây, nhưng đoán được là chị Mai Đình rồi.

Chị Như Nghĩa cũng ra theo, cả nhà tíu tít. Tôi để ý một người đàn bà trẻ, sang trọng cũng đứng lên chào tôi, chị Mai Đình vội vã giới thiệu: “Đây là cô Lan (hay Liên gì đó) bạn tôi ở Saigon ra chơi!”. Chị lại chỉ về tôi: “Chú Tín đây em anh Trí làm việc ở phòng kiến trúc Đà Lạt bị động viên qua Lào vừa mới trở về”.

Trông chị, tôi bật cười, tuồng như chị đóng vai chính trong gia đình tôi.

Trong câu chuyện trao đổi, chị không e dè hay sợ mất lòng ai hết. Thái độ đối với người bạn gái, chị cũng không úp mở, chị oang oang nói:

“Tuy chưa biết chú, nhưng nghe nói chú lo lắng cho anh Trí mấy năm nay, làm cho tôi cảm phục quá”, rồi tiếp tục phân bua, không rào đón: “Không chịu lấy vợ ở như vậy để lo cho gia đình. Chú thật quân tử quý hóa quá”.

Tôi lịch sự: “Chị mới thật là người đàn bà đáng quý trọng. Tôi chưa hề biết có ai dám đem cuộc đời tốt đẹp của mình đánh đổi một mối tình đầy bất trắc tai tiếng như chị với anh Trí. Chị thật là siêu nữ nhân”. Chị cười thích chí lắm.

Tôi ngẫm nghĩ, thương chị, thì ra chị biết hết việc nhà tôi. Chị lại thông cảm cả cuộc sống của tôi ở Đà Lạt. Khi chị hạ giọng bảo tôi: “Chú ở Đà Lạt lạnh lẽo quá, mà tiền lương gởi về cả làm sao đủ sống? Chú đừng ngại, nếu cần hàng nỉ may đồ lạnh, chú cứ bảo tôi. Để tôi lo cho” – Trời!

bà chị ở đây rơi xuống đây, thật là vượt xa các chị ruột tôi hết. Dù sao, tôi cũng được người chia sẻ nỗi khó khăn, và cũng cảm thấy được an ủi.

Về sau chị Nghĩa cho biết Mai Đình muốn làm mối cho tôi, bạn gái của chị, một quả phụ hai mươi ba tuổi đó là một nữ chủ nhân tiệm hàng vải cỡ lớn ở Saigon.

Tôi rất buồn cười nhưng cũng quý chị lắm. Chị Mai Đình như thế đó, ở trong gia đình tôi. Là chưa!

*

Mùa thu năm 1942, chị Mai Đình lên Đà Lạt, nhấc tôi xuống nhà ga xe lửa gặp chị.

Tối hôm đó, ngồi ở bàn cà phê, chị nói với tôi rất nhiều về chuyện in thơ **Hàn Mặc Tử**. Chị hỏi tôi: “Chú có biết thơ anh Trí được bao nhiêu bài?”

Tôi nói: “Từ năm 1935 anh Trí ở Saigon về ở chung với tôi một phòng, không có sáng nào không thấy thơ anh vút bừa bãi, trên bàn, trên giường, dưới nền nhà. Tôi phải dùng hai “kết” dựng bia để xếp vào.

Những khi đi vắng, tôi vẫn dặn người nhà nhặt hết tất cả giấy tờ gì trong phòng anh đều bỏ vào đó”.

“Cuối năm 1937, tôi đổi lên Đà Lạt, rồi ở luôn 7 năm. Tôi nghĩ thơ anh nhiều lắm. Thỉnh thoảng anh giờ ra xem rồi chép lại, mang đi đánh máy, tặng bạn bè, mà tôi biết anh đã gửi cho Trần Thanh Địch và Trần Tài Phúng nhiều hơn hết. Coi như gần đủ bộ thơ anh. Bút tích vẫn để lại trong hai thùng gỗ đó.”

“Tôi chỉ thuộc một số, chú Hiếu thuộc nhiều vì ngâm thơ hay, nên bạn bè thường đến nghe chú ngâm.”

Khi tôi ở Lào về, thì chú Hiếu đã chuyển giao bút tích văn thơ tất cả cho anh Tấn. Chú sợ lây nên không sao chép, không kiểm nhận. Vì thế không biết đích thực là nhiều hay ít.

Tôi rất bực mình về việc đó, nhưng mẹ tôi ngăn tôi không cho hỏi lại vì sợ mất lòng anh Tấn.

“Bây giờ, chị Mai Đình muốn biết phải hỏi lại anh Tấn.”

Chị trầm ngâm hồi lâu rồi nói: “Chú biết không? Thơ anh Trí khó mà xuất bản được. Tôi đến nhắc anh Tấn mấy lần, cả chị Như Lễ cũng viết thư nhắc lại lời hứa xuất bản thơ Hàn Mặc Tử, anh đều không trả lời.” (Tôi nghĩ, anh Tấn hẳn phải có lý do chính đáng nào đó nên anh chưa in được).

“Tôi (chị Mai Đình nói) có đưa một người bạn quen chủ nhà in và xuất bản ở Hà Nội vào để thương lượng với anh Tấn (hình như ông Doãn hay gì đó). Nhưng anh Tấn đưa ra nhiều điều kiện *khó nghe, chưa bao giờ có*.

Anh Tấn còn nói là thơ anh Trí không phải bài nào cũng hay cả đâu, mà cần phải sửa lại mới in được. Vả lại những bài hay in được, thì ông Mạ đã trích lấy hết rồi. Còn lại không bao nhiêu...”

Những lời chị Mai Đình nói với tôi tại ga xe lửa Đà Lạt nay đã 45 năm rồi, mà tôi còn nhớ rõ, vì liên quan đến một câu chuyện đã xảy ra lúc tôi còn ở Lào:

“Bấy giờ vào khoảng lễ Giáng sinh 1940, tôi đang ở lại Paksé đợi chuyển xe “công voa” đi Muồng Cầu (Attopeu) Lào. Tôi ở trọ lại nhà ông Tú Vọng, một cụ tú tài thất chí quê ở Quảng Bình. Sáng hôm ấy, chờ xe, rảnh rỗi giờ bản tử vi của anh Trí (mà cậu Bá tôi đã chấm) ra nghiên cứu đỡ buồn. Cụ Tú đi ngang trông thấy, ghé mắt nhìn hỏi tôi: “Lá số của ai đó Thầy?” – Tôi thưa của Anh tôi. Cụ nhìn tôi rồi nhìn cái băng đen mang bên cánh tay. Cụ nói: “A! ra Thầy để tang cho ông này a”. Biết gặp tay “thương thừa”, tôi mời Cụ ngồi xuống lấy mực kính xem lại, Cụ bảo: “Chà! Đại hạn xấu quá, năm Thìn gặp Trúc la, mà mạng Mộc thì tuyệt địa rồi.”

Tôi cũng nói theo: “Có phải hạn *Liêm sát* mà gặp hung tinh là “lộ thương mai thi” không” (chết chôn bên đường). Cụ cười: “Vây ra Thầy biết rồi. Tôi sợ mất lòng không dám nói. Thầy này chết không gặp thân nhân đúng là lộ thương mai thi – Tai nạn xe cộ à? – Thưa, đau bệnh.

Cụ xem một hồi nữa rồi nói: “Thầy này không có vợ con gì. Mà cũng lạ *Lưu niên* lại ở Tứ Túc.” Ông Cụ tiếp: “Có con rơi con rớt chi không? Vây thì ông ta lưu cái chi lại cho dòng họ.” Tôi đáp: “Anh tôi là thi sĩ”. Ông cụ vỗ đùi: “À, phải rồi. Vây thì thơ hay đó. Nhưng bị mất mát ngăn chặn gì đó mà phải trên 50 năm mới tìm lại được. Vì *Văn tinh* bị *Tuần triệt* chặn hết.” Cụ lại bảo: “Con cái là tác phẩm mà thơ văn cũng là tác phẩm”.

Câu chuyện trên đây thật kỳ lạ, vì thơ anh Trí bị thừa kiện (Triệt) rồi mất mát, thất lạc (Tuần).

Và bây giờ là đúng 50 năm.

Tôi không bao giờ quên được con người kỳ lạ đó.

Hai chị em ngồi đến khuya, chị buồn buồn ngâm lại bài **Lưu Luyện**:

*Chưa gặp nhau mà đã biệt ly
Hồn Anh theo dõi bóng em đi...*

Rồi chị sụt sùi mãi. Tôi im lặng tôn trọng mối thương lòng chị. Hồi lâu, chị đọc bốn câu:

*Lòng ta, sầu thảm hơn mùa lạnh
Hơn cả u buồn của nước mây
Của những tình duyên thương lỡ dở
Của lời rên xiết gió heo may.*

Chị lại hỏi: “**Bài sầu vạn cổ** anh Trí tặng ai chú biết không?” Tôi nói: “Lòng anh Trí mênh mông, tình anh cũng rất mênh mông. Trong đó chắc có chị rồi. Nhưng... ở đây lại có gió heo may...” Chị nhìn tôi: “Chú nói đúng. Anh Trí yêu nhiều, nhưng mùa Thu nhắc nhớ Anh hơn.”

(Chị muốn nói, chị chưa được yêu sâu đậm bằng Hoàng Hoa).

Lúc ấy hình như có ai gọi.

Đứng dậy, chị nói: “Không biết còn gặp lại không”. Rồi chị từ biệt ra đi. Bóng chị đi hơi lụp chụp, thất thểu qua màn sương đêm khi mờ khi tỏ.

Tôi nhìn theo thương hại, người đàn bà nặng kiếp, “Khước tác phiêu bồng” này đang trôi dạt về đâu?

*

Sau ngày giải phóng miền Nam, nghe nói chị có mặt ở Saigon, nhưng mãi đến 83-84 gì đó mới gặp chị.

Chị vẫn thế, dáng đi vẫn chồm chồm như luôn luôn vội vã, hay lo lắng suy tư gì.

Tôi nghe nói chị sống hạnh phúc với chồng con và có nhiều công lao cách mạng.

Đọc lại tập hồi ký này, chắc chị vui lắm.

Mong như thế.

*

4. THƯƠNG THƯƠNG

Anh Trí vốn mơ ước một mối tình nguyên hương trinh bạch, mà cho đến bây giờ anh cũng không gặp được. Anh đã đi tìm và đã thất bại trong mối tình đầu bị ngăn cách chỉ vì *mây và gió không cùng bay theo một chiều*.

Những khi vô vọng, với ác bệnh hoành hành, anh vẫn còn bám vào sức tưởng tượng để tìm cho kỳ được.

Bằng tâm tư, bằng thần phách, anh đùa với Trăng, ngủ với Trăng, chu du trong quỹ đạo thần tiên.

Nhưng Trăng cũng tan vỡ :

*Gió rít tầng cao, trăng ngã ngửa
Vỡ tan thành mảnh đọng vàng khô
Ta nằm trong vũng trăng đêm ấy
Sáng dậy điên cuồng máu máu ra*

Có khi Trăng chỉ còn một nửa :

*Hôm nay có một nửa Trăng thôi
Một nửa Trăng ai cần vỡ rồi*

Thất vọng, anh quay về với Hồn, đi chơi với Hồn, tìm ở nơi Hồn một hình ảnh ước mơ. Nhưng Hồn chỉ thể hiện được người Anh, cũng đau đớn sượng sần, cũng thổn thức như Anh :

*Tôi đau vì rừng rợn đến vô biên
Tôi chìm Hồn xuống một vũng Trăng êm*

*Cho Trăng ngập Trăng dồn lên đến ngực
Hai chúng tôi lặng yên trong thốn thức*

.....

*Hồn là ai, là ai tôi không hay
Dẫn hồn đi rông rã một đêm nay
Hồn mệt lả còn tôi thì chết giấc*

Thế là cả Trăng và Hồn không mang lại ước mơ đích thực. Anh bơ vơ, càng bơ vơ hơn trôi giạt vào bến bờ mộng và thực.

Và Anh cố giảng giải mối tình say mê đó :

« Tôi đang say tình, say Trăng, say người thực nữ

“Tình còn tiết ra ở đầu mày cuối mắt, trên môi

“Tình thoát ra ở điệu nhạc, mệnh mang, trong bờ bến chiêm bao, yếu đuối run rẩy trước làn gió ngọt ngào.”

“Tình tiết ra theo tiếng hát của chim non, phối hiệp với sóng điện không gian...

“Khi ngòi bút tôi đã thấm nhuần ý nghĩ cao cường, truyền sang ở điện tinh truyền của trí tuệ, tôi phơi lên mảnh giấy thanh sạch này, tình cảm nóng ran, tràn trề và thâm lặng.

“Hỡi quý nhân, người có nghe thấy đến gì mới lạ, tinh khôi, reo lên, hiện lên và sử linh tư tưởng của người...”

“Người thấy gì trong ánh sáng ? Một chất cao quý thanh khiết, trắng hơn hàm răng của người đẹp.”

Thôi !

ĐỪNG CHO LÒNG BAY XA

*Thượng thanh khí, tiết ra nguồn tinh khí
Xa xôi đời trắng mọc nước huyền vi
Đây miên trường, đây vĩnh cửu đề phi
Cao cao vượt vờn hai hàng bóng vía
Trời nhật nguyệt cầu vòng bất tứ phía
Ôi ! Hoàng Hoa, hồn phách đến nơi đây.*

.....

*Sang chơi thôi, sang chơi thôi, mà ai ?
Thu đây rồi bước lên cầu ô thức
Sao ? Vàng sao, rơi đầy trên sông nước
Đừng ngửa tay mà hứng máu trời sa
Thôi ! Kéo về đừng cho lòng bay xa.*

.....

*Tiếng huyền dịch gò theo tia yến nguyệt
Đầy đưa dài, hơi ngào ngát trâm anh
Thân không tan như bào ảnh hư vô.*

“Như cô ma lực vô song đưa tôi đến bờ huyền diệu

“Đêm nay là đêm hào hoa, nên mùa trăng bát ngát

“Giờ bốn phương thôi cầu nguyện mà lòng tôi rạo rực lên cảm hứng.

“Hễ là hơi khói càng nhẹ, hơi trắng càng trong, thì hơi thở của tôi càng thơm tho không khác gì một mùi hương.

“Chiêm bao rồi rời trong khi ánh sáng sự thực dọi tới như :

TÌNH HOA

*Tứ rung rung cho quá trí dật dờ
Rồi bay từ diệu vợi đến xanh mơ
Từ bên ngọc dờn sang châu Dủ Lý
Từ Minh Triết lần lần theo ý chí*

“Bây giờ ngoại cảnh và nội tâm đều hòa rung lên như nhịp Tiêu chiều, thanh bai”

Và thơ Anh dâng lên trong :

VÀNG TRẮNG

*Hãy nâng lên, nâng lên chút nữa
Sáng thơm tho như ánh ngọc hừng đông
Nhưng cao quá và càng lên dữ quá*

.....

*Bao nhiêu tư chuyển được tiếng thơ bay
Êm êm hơn, đừng cho xanh lờn lợt
E so le ý nguyện giữa đêm nay.*

Rồi anh viết về chiêm bao :

“Từ sự thực đó đi tới bào ảnh, từ bào ảnh đi tới huyền diệu, và từ huyền diệu tới chiêm bao. Mông lung trùm lên sự vật, và cõi thực bị ánh sáng chiêm bao vây riết.

“Tôi gặp nhiều người lạ, cũng như tôi chưa từng thưởng thức những mùi hương quý trọng. Ở chỗ này không biết là chỗ nào...”

“Có khi thần phách của tôi đến rồi rời mê, vì đột nhiên có đôi môi người đàn bà nào cọ vào môi tôi.

“Tôi cảm thấy khoái lạc vô biên...” và Anh kể lại trong :

DUYÊN KỲ NGỘ

Mãi vui tìm cánh hoa trên cánh bướm

*Ai đưa ta lạc đến nước non này
Mùi cỏ lạ thơm như mùi nhụy chớm
Cùng tiếng tiêu đồng hợp sức nồng say
Đến đây rồi ta mơ niềm hận cũ
Đã bao năm, nào thấy bóng giai nhân
Hoa lá bỗng xôn xao tìm lấy thú
Trong khi này lòng lấy nhạc tường vân...*

Trong bối cảnh lạ lùng này thì Thương Thương xuất hiện mơ hồ trong mộng và thực của anh Trí, như một nàng tiên.

(Thương Thương nàng chỉ là một cái tên mà Trần Thanh Địch, bạn anh bắt gặp đâu đó giữa mây trời để giới thiệu với Anh).

Mỗi tình kỳ diệu với Thương Thương đã làm cho thơ Anh trong tập **Duyên Kỳ Ngộ** trở thành bất hủ.

Một mối tình huyền hoặc mà anh đã sống hoàn toàn như thực trong cõi mộng bao la, với sức tưởng tượng phong phú lạ lùng chỉ dựa vào các bức thơ ngụy tạo, nhưng tình tứ say sưa để rồi anh nghe được cả suối reo, chim hót, cả gió núi thông ngàn, dịu dặt như tiêu thiên phảng phất hoàn nhập vào thơ anh, thành bản nhạc tuyệt vời rung cảm ...

*Ôi chao! Mê toàn thân như khoá cấm
Như đêm xuân uống phải rượu Quỳnh tương
Không đâu mà có điều chi vừa chạm
Đến tâm linh để báo hiệu phi thường...*

Và hình như có môi đàn bà nào vừa lướt qua môi anh... rồi tiếng ai từ xa đưa lại...

*Mây bay theo với mây bay
Mình sao ra nước non này mà chơi
Sáo ơi, dịu dặt chơi vui
Buông mau âm điệu để rời nhân gian
Nặng cao, ý muốn tràn lan
Ở đây vắng vẻ cây ngàn suối reo...*

Và tiếng gió rì rào :

*Chim ơi, hót khúc tương giao
Có người thực nữ lần vào thiên thai
Không gặp ai, chữa gặp ai
Duyên còn ngậm kín tình hoài miên man
Tiểu dao đến nổi bể bàng
Đi trong hieu quanh gặp toàn bơ vơ*

Suối reo lên :

*Ồ sự lạ, đã muôn đời thế kỷ
Đất Lĩnh Sơn in dấu vết phàm nhân
Ta reo lên với đàn thông rủ rỉ
Cho lay bay tình tứ ở xa xăm*

Suối lại reo khi bóng dáng nàng tiên xuất hiện :

*Hay a! Người lựa sông Tầm
Ai dân, ai dúi đến gần gần tiên
Ở đây có suối Đoàn viên
Có cây phối hợp, có duyên ngọc vàng
Nước ta trong trắng ời Nàng
Độ xem trình tiết cổ phần thanh cao*

Nàng tiên :

*Ôi chao ! Thơ ngấm bay trong giải nắng
Lồng vào trong xiêm áo mỏng manh sao
Tiếng ai cười vang lên trong im lặng
Khiến lòng ta hồi hộp biết đường bao*

Chim phụ họa :

*Tiếng tiêu nào từ phương xa bay vắng
Tiếng thanh thanh mà rất mực tương tư*

Tiếng tiêu :

*Ta là khúc phương cầu hoàng năm trước
Đem ân tình trải khắp cả trời duyên
Cho Quân Thụy lấy nàng Thôi thuyền duyên*

Nàng :

*Em là Trần Thương Thương
Ngụ ở bến Tầm Dương
Đi tìm chàng thi sĩ
Trong pho sách kim cương*

Thi sĩ :

*Em là Trần Thương Thương
Anh là Hàn Mặc Tử
Không phải cách âm dương
Có khi còn hội ngộ...*

Chim hót :

*Hỡi ôi! Người tục khách tình
Đến đây nhìn sững cho mình thêm ghen
Má ời má núng đồng tiền
Môi sao, ướt đỏ ta thêm biết bao
Nắng ời, nắng có lên cao
Làm sao da thịt hồng hào thế kia
Mùi thơm ai nở bay là
Xem duyên tác hợp rồi về mà đang*

Thi sĩ :

Thương Thương em, trời cho ta kỳ ngộ

Nói cho ra thần diệu của vàng bay
Đôi nhụy thắm in trên màu rục rở
Đây đôi chim gù gật với niềm say.

Nàng :

Tất cả là trần châu vô giá
Dành cho anh riêng hưởng hạnh phúc này...

Và đã có một khoảng thời gian nào đó, dù là ngắn ngủi, Hàn Mặc Tử cũng đã sống đầy đủ những ước mơ của mộng đẹp. Anh viết :

Non nước tâm tình rộng bốn phương
Để em làm nhạc, tôi làm hương
Đêm nay đại yến Lâm xuân cát
Điều Thuyền đàn khúc Tề tuyên vương

Xong rồi, đôi ta qua Đào nguyên
Em làm rượu ngọt, anh làm men
Tiên cố không đợi không duyên mời mọc
Say thôi gò má đỏ rần lên

.....

Nàng :

Tình quân hỡi, muôn năm em chỉ muốn
Sống bên anh cho thắm đượm tình yêu
Mùa xuân em sẽ rất nhiều hoa bướm
Bởi thơ anh tô điểm đẹp trăm chiều

Thi sĩ :

Gặp em đây, khác gì trong giấc mộng
Biết làm sao cho thỏa hết tình thương
Tiếng lòng anh vẫn luôn luôn đồng vọng
Luôn luôn reo kêu gọi đến tình nương
Chỉ có em làm thơ anh mãnh liệt
Tình anh vang như luồng gió vùn vòn
Chỉ có em lòng anh yêu tha thiết
Yêu điên cuồng không một phút nào hơn

Nàng :

Nói làm chi, những câu mê sảng quá
Nói những câu khờ dại cả người em...
Phải chăng anh tài hoa cao trọng lắm
Đã bao lần thét tiếng ở đền vua
Bao lời ngọc đắm say, lời ngọc thắm
Bao giai nhân hâm mộ tấm tình thơ

Chim hót :

*Ôi chàng kia! Thực ra chiều phong vận
Hãy nghe ta cao hát khúc bình an*

Tiếng tiêu :

*Song le nàng vẫn luôn luôn cách biệt
Bến Ô Giang lạnh lạnh khóc Sâm Thương
Ta vẫn còn ngân bao lời tha thiết
Trong nắng mai dịu dặt mối sầu vương.*

Trong hạnh phúc no đầy, Hàn Mặc Tử linh cảm có ngày cách biệt : «Thình không tan như bào
ảnh hư vô », anh viết :

*Lá muôn năm còn no trong khoái lạc
Anh còn run cho đến phút chia lý...
Bây giờ đây khóc than niềm ly hận
Hỡi Thương Thương người ngọc của lòng anh
Ta nhìn em với bao lời ta thán
Khiến hoa, chim nghe được cũng không đành*

Nàng :

*Người mộng hỡi, từ nay ta mới biết
Sao thơ anh nhuộm toàn màu ly biệt
Rên không thôi, nước nở cả ban đêm
Nói chi anh những câu buồn xa cách
Đoàn viên đây còn nắm chắc trong tay
Yêu nhau thôi, nguồn thơm chan chứa mạch
Cho em lau mắt lệ thể niềm say...*

Thi sĩ :

*Than ôi! Hỡi lời biệt ly chan chứa
Anh sắp đi rồi hai hàng lệ ứa
Cả đau thương dồn dập xót tâm bào
Khi xa em đã bao lần vọng tưởng
Mơ trong mơ làm hoảng hốt đêm trăng*

Nàng :

*Em quyết níu với bao tơ nắng dịu
Níu thơ anh và níu cả hồn anh
Hoa cỏ sẽ làm ơn theo chứng kiến
Biệt ly nào rút được mối thâm tình*

Thi sĩ :

*Anh chỉ ngó say em trong chốc lát
Để hồn thơ rào rạt với mây bay
Gần bên em để hưởng bao khoái lạc?
Thưa em không, anh đâu dám mê say
Một mai kia ở bên khe nước ngọc
Với áo sương anh nằm chết như trăng*

*Không nhìn thấy nàng tiên mò đến khóc
Đến hôn anh và rửa vết thương tâm*

*Tiếng tiêu duổi theo vắng vắng :
Bến Ô Giang còn lâm ly khúc hát
Trong sương bay gởi nỗi buồn tiêu tao.
Bỏ nàng đi để hồn ta man mác
Ta theo nàng von vót lẳng trên cao...*

Duyên Kỳ Ngộ là một thiên tình sử tráng lệ nhưng bi đát mà người đời sau vẫn còn nhắc nhở.

*Thương Thương, hai tiếng thoảng bên tai
N như lời thề hẹn yêu ai
Lâng lâng hồn phách theo vào mộng
Để viết nên trang đẹp tuyệt vời*

*Ai đưa tiên nữ đến vùng đau
Nghe tiêu diu dặt suốt hòa reo
Ôm trắng say chết bên bờ mộng
Chờ gió ngàn phương gọi đón nhau
Nơi đây hò hẹn tuổi trắng thơ
Sóng nước trùng dương gởi ước mơ
Cô nàng tiên nhỏ đi mô mất
Bỏ mặc thi nhân đợi dưới mồ.*

*

Cuộc tình của Hàn Mặc Tử với nàng Thương Thương “tiên” bị gián đoạn tức tưởi vì gia đình Thương Thương “đòi” xin anh ngưng lại nguồn hứng cái tình thơ xao xuyến đó và đã cảm thấy bị ngợp rồi.

Anh nhả nhặn vui lòng chấm dứt, giữa lúc anh đang sáng tác một vở kịch thơ “**Quần tiên hội**”, một cuộc gặp gỡ khác trong cảnh Bồng Lai, mà anh nhờ cải trang thành tiên nữ để đi lọt vào “chiều thứ thư của thế giới có bốn mùa xuân cả bốn”.

Cũng như Đường Minh Hoàng du Nguyệt điện với Dương Quý Phi hay Orphe xuống địa ngục tìm lại Eurydyce trong thần thoại, mà trong bài **Chiêm bao và sự thực**, anh đã mơ hồ chứng minh là có thực.

Anh viết: *Có hay không, hư hay thực là những huyền ảo chập chờn trước mắt.*

Và, anh đã sống trong mối tình huyền ảo chập chờn với Thương Thương mà **Duyên Kỳ Ngộ** đã ghi lại những hình ảnh tuyệt vời rất thần tiên đó.

Giấc mộng qua đi, anh lại trở về với thực để chê trách đời thường tầm thường quá, không hiểu được anh.

Anh phân trần :

NÓI TIÊN TRI

Ta muốn làm quen phong vị mới
Sao người trưởng thượng nói tiên tri
Chơi cho rất mực tài hoa ấy
Để thấu tai người áo cổ-y (quan lớn)

Bao giờ lời hát tan ra nhụy
Mới biết duyên ngậm ở Quý Phi
Bao giờ ai hồng hởi hương báu
Ngoài cõi tâm tư sẽ lỗi nghi

Chắc đâu di lụy cho nhân quả
Thôi cứ say mềm với nữ nhi
Đời không có ngọc trong pho sách
E hết khôi nguyên ở Phụng Trì

Không, không, thánh chúa mê nhan sắc
Quên màu trang điểm ở Kinh Thi
Có tội vô sự trong thiên hạ
Cưới hết thuyền duyên tuổi dậy thì

Tương tư ai thiếu bao nhiêu lệ
Cứ khóc cho hoàn mộng biệt ly.

Thương Thương, cho đến nay cái tên đáng yêu đó chỉ là một thứ trò đùa tao nhã, không ác ý của một gia đình thượng lưu, mà người bạn tâm giao của Hàn Mặc Tử đã mở cho anh một chân trời mới để xem thiên tài anh dẫn đưa đến đâu.

Người bạn đó đã thành công lớn với sức tưởng tượng vô cùng phong phú và đa dạng của Hàn Mặc Tử.

Vì vậy, những tác phẩm xuất phát từ mối tình Thương Thương đã đưa tên tuổi Thương Thương gắn liền với tên tuổi Hàn Mặc Tử, sáng chói trong lịch sử Thi văn của đất nước.

*

CHƯƠNG V

BỆNH HOẠN VÀ THI VĂN

Hơn năm mươi năm nay, nhiều người vẫn cho bệnh nan y đã ảnh hưởng thơ Hàn Mặc Tử. Không ai để ý đến một chứng bệnh đã ảnh hưởng đời sống và văn thơ Anh từ trước khi chưa mang ác bệnh.

Trong quá trình sống chung bên Anh, tôi ghi nhận Anh có hiện tượng tâm thần, phát sinh, có lẽ, sau tai nạn xảy ra kì lạ trong đời Anh và ảnh hưởng sâu đậm vào trí óc Anh khiến hình thể Anh

cũng thay đổi. Bệnh đó đã được nhiều người bạn tôi, chuyên khoa tâm lý sau này xác nhận là hiện tượng “névrose”, một chứng rối loạn thần kinh nào đó, mà con người vẫn còn sáng suốt và suy cảm bén nhạy. Vẫn làm chủ được trí óc mình.

Khi còn nhỏ, tôi được biết một nhà nho hổng thi, đi đâu, ngồi đâu, cũng lảm nhảm đọc ngũ kinh, tứ truyện không đầu không đuôi, nhưng làm thơ vẫn nhớ đủ niêm luật.

Gặp ai cũng lễ phép hỏi : “Lay ngài, chữ TIÊN viết mấy nét ?” thơ chỉ làm đến nửa bài, dừng lại lẩm bẩm “Không biết chữ TIÊN viết mấy nét đây”.

Ai cũng thương ông, thường gọi đùa là “Tiên ông thiếu nét”, ông chỉ cười bao dung nhưng không chấp xét kẻ phạm tục.

*

1. BỆNH TÂM THẦN ?

Trong chương II, tôi đã cẩn thận ghi lại nhiều đổi thay nơi người Anh khi từ Huế rời.

Những đam mê thể thao, thể dục có phần kì dị đến các hiện tượng sinh hoạt khác thường sau khi tai nạn bị chìm ngoài bờ biển.

Anh thay đổi cả tâm tính cả hình thể, trở nên ít nói, sống nội tâm xa vắng. Mọi người không ai hiểu tâm sự Anh, ngay cả những người bạn thân nhất.

Tuy nhiên, Anh nói *rất nhiều* và *rất thật thà* trong văn thơ Anh :

Mặc dầu, lời thơ rất đẹp, ý thơ rất tình, nhưng xuyên qua, vẫn có đôi chữ, đôi lời với nhiều ngụ ý, bày tỏ nỗi lòng Anh. Nếu không theo dõi nếp sống hằng ngày, thì nhận xét về Anh không khỏi có phần phiến diện.

Tôi hiểu được phần lớn tính nết và ước mơ Anh, nên nghĩ Anh có thể mang một thứ bệnh tâm thần nào đó.

Vốn từ nhỏ được giáo dục theo tư tưởng Khổng Mạnh sống theo niềm tin Kytô giáo, Anh hầu như bị ảnh hưởng sự gò bó của giáo lý, của đạo đức quân tử, trong cảm nghĩ và ngay cả trong vấn đề sinh lý tự nhiên.

Tình cảm Anh rất bén nhạy. Những xúc động mạnh rất ảnh hưởng đến tinh thần Anh.

Rõ ràng nhất là những thay đổi về tính tình sau tai nạn suýt chết ở bờ biển (nói ở chương II) mà tôi đã được chứng kiến.

Có thể là một ảo ảnh kì lạ in sâu vào tâm trí Anh mà gia đình nghĩ Anh đã được trong thấy Đức Mẹ hiện ra với Anh, khiến Anh xuất thần sợ hãi. Đó là giây phút Anh đã chết đi mà sống lại và mỗi lần nghĩ đến Anh run sợ đến ớn lạnh. Anh đã ghi lại cảm giác đó trong **Ave Maria**.

*Maria ! Linh hồn tôi ớn lạnh.
Run như run, thần tử thấy lòng nhan
Run như run hơi thở chạm tơ vàng*

Một thứ run rẩy toàn thân, khi Anh cảm ứng với hiện tượng mà ánh sáng lạ nào làm mờ hẳn ánh mắt Anh. Và tôi đã trông đôi mắt Anh đó lạc thần ngơ ngác.

Thơ Anh tuy tình tứ say sưa, nhưng chỉ gói ghém trong quan niệm đạo hành, không hề buông thả thác loạn. Tôi ghi nhận Anh hay ngâm câu Kinh thi.

*Quan quan thư cư.
Yếu điệu thực nữ v.v...*

Với Anh, yêu đương là sự triu mến, quấn quít bên nhau, như đôi chim. Người tình phải là trang thực nữ, tương thân nhi tương kính. Và Anh đã chọn Hoàng Hoa nữ sĩ, một thực nữ như vẽ lại tình Thôi Oanh Oanh và Trương Quân Thụy.

*Ta là trai khí huyết ước nữ
Người thực nữ sinh giữa thời vô thượng*

Đó là tình yêu trọng lễ nghĩa, không phải tình xác thịt, như kinh thánh nói về Tôbia và người vợ.

Một sự gặp gỡ giữa Khổng giáo và Thiên Chúa giáo.

Trong cuốn **Hàn Mặc Tử**, ông Trần Thanh Mai xem Anh là một nhà thơ có nguồn cảm thụ lực mạnh, thậm chí con người Anh có thể rung động theo giây tơ để rồi như chính Anh có thể phát ra âm thanh của điệu đàn.

Những lúc Anh ngâm thơ, trạng thái như xuất thần, toàn thân run rẩy, buông thả theo ý thơ để cảm thụ đến tận cùng.

Anh thường khen những bài thơ thác loạn của môn phái Baudelaire, mà cấu trúc tài tình của thi sĩ đã dẫn dắt Anh đến tận cùng ý thơ với nguồn cảm thụ kỳ lạ đó.

Có lẽ Anh đã khám phá ra tình yêu xác thịt thật là ghê rợn chẳng ?

Anh viết ra cảm nghĩ đó trong đề tựa cho tập thơ « **Tinh huyết** » của Bích Khê. Bấy giờ là giai đoạn Anh vào Saigon sống giữa một xã hội buông thả trụy lạc.

Và đó cũng là giai đoạn đấu tranh nội tâm đầu tiên của Anh giữa hai nguồn thơ dâm loạn và trinh trắng.

Anh đã thắng, vì thơ Anh vẫn giữ được khoảng cách với ý thơ cuồng loạn của thời đại.

Tuy nhiên sự giằng co nội tâm trong chiến trường tình dục càng làm anh trở nên thâm lặng hơn, nhất là sau cuộc thử thách lớn với mối tình Mộng Cầm, trong đó cảm dỗ xác thịt đẩy Anh đến gần bờ sa ngã.

Dẫu vậy, Anh vẫn còn bình tĩnh tự vệ.

Vườn chói lọi thì tình yêu phải ngợp

Tiết trinh còn em phúc hậu hơn thơ

.....

Tôi nín lặng âu là tôi mắc cỡ...

Trong lứa tuổi đôi mươi, những chàng trai mới lớn trong tình trạng sức khỏe bình thường, đều muốn tìm hiểu vấn đề sinh lý với người khác phái. Anh Trí cũng vậy. Anh đọc « Les fleur du mal » và nhiều tác giả môn đồ phái Baudelaire nên rất giàu tưởng tượng.

Thế nhưng, tôi ví Anh là một cao thủ nội lực. Anh chế ngự tài tình những dồn ép để rồi phát tiết ra những bài thơ tình tứ cao đẹp.

Anh đã thất bại trong mối tình Mộng Cầm, chỉ vì Anh *không theo kịp* cảm nghĩ người con gái mới đó, vì một phần khác Anh sợ phạm tội, mà sợ phạm tội thì đúng hơn.

Anh không thể ngồi yên mà không nói lên những khát khao dồn ép. Những điều mà sách vở nói về tình yêu, về xác thịt, có thể ám ảnh dễ dàng Anh. Cho nên lòng Anh ngày càng nén chặt mơ ước không được thỏa mãn. Những hiện tượng rút rè lo ngại của Anh, theo tôi nghĩ là ảnh hưởng của nền giáo lý nghiêm khắc mà một linh mục như những linh mục thời bấy giờ, quan niệm vấn đề tình dục *ngoài lề luật giáo hội* là trọng tội, gớm ghiếc đến *đổi các thánh chẳng dám nói đến tên*. Thời bấy giờ dù có trao đổi, hiểu biết cận kề sinh lý trong lề luật Hội thánh mà thôi, giữa người tín hữu và vị lãnh đạo tinh thần (Linh hướng) cũng đã rất hiếm hoi rồi. Chỉ còn sách vở và bạn bè. Sách vở thì ảm ố trong lối hành văn, bạn bè thì dửng hòng mà anh Trí tâm sự.

Về mặt xã hội, những tiếp xúc giao tế với bạn bè khác phái, mà hơi có vẻ thân mật một chút, cũng đủ để bị phê phán, dòm ngó như đã phạm tội chùng lén rồi, mặc dù giữa thanh thiên bạch nhật, cố nhiên, trở thành đề tài cho dư luận đàm tiếu.

Bởi vậy, nếu Anh không có một căn bản giáo dục vững chắc, cộng với cảm nghĩ nghiêng ngửa chữa chứng bệnh tâm thần đó, Anh có thể trở thành kẻ đói khát tình dục mà hậu quả khó có thể đo lường.

Lòng Anh luôn tràn đầy cảm nghĩ yêu đương, chỉ một tấm ảnh, một cơn nắng sáng, một buổi chiều thu, hay chiếc áo vàng thoáng qua cũng khơi mạch thơ Anh ào ạt tuôn ra như suối dữ. Chứng bệnh mà Anh đang sông với nó, theo tôi nghĩ nằm trong một thứ giây thần kinh mong manh, nhưng tie61thu bền nhạy và ghi đậm mãi trong đầu óc Anh. Thơ Anh vì vậy mang nhiều cảm ứng, nhiều từ ngữ lạ lùng, khó hiểu mà bệnh hoạn ghi nhận và bắt nhớ lâu dài.

Tôi xin đơn cử một ví dụ : Đó là chữ Phượng Trì mà thỉnh thoảng thấy xuất hiện trong nhiều bài thơ Anh.

« Hôm ấy, hai anh em chúng tôi đi xem một cuốn phim Tàu « Hỏa thiêu Hồng Liên tự ».

Nội dung là một câu chuyện kiếm hiệp được dựng lên trong bối cảnh mà vua Càn Long lợi dụng các môn phái võ hiệp để đánh phá ngôi chùa Hồng Liên, một cứ điểm quan trọng nhằm chống lại triều đình Mãn Thanh thời bấy giờ.

«Xong trận chiến, Cam Phượng Trì người anh hùng lỗi lạc, phái Nga Mi, lên đỉnh núi cao, nhìn xuống chiêm ngưỡng chiến công đã đạt .

Anh rùng mình khí thấy bao nhiêu bạn bè anh đã bị tàn sát. Buồn rầu quay gót phi thân lên ngọn núi lấy đà dùng thuật phi hành bay mãi lên cao cho đến khi mất dạng.

Một nữ hiệp là Diệp Tiểu Thanh, vốn yêu mến anh chạy theo tìm. Tiếng nàng gọi : Phượng Trì,

Phượng Trì... vang dội khắp nơi mà con phượng hoàng vĩ đại đó không quay trở lại. »

Hai tiếng Phượng Trì ám ảnh anh Trí một cách kỳ lạ say đắm, đến nỗi đêm sau Anh đi một mình xem chiếu lại. Anh xuýt xoa khen ngợi liền mấy hôm. Anh nói « Phượng Trì, cái tên thật là tuyệt, nghe như bay lên ! Bay lên cao ! Hay quá ».

Hai tiếng đó đã tạo cho Anh ý niệm bay về trời mà trong bài thơ Ave Mari ở đoạn cuối. Anh lặp lại bốn lần, một cách gắm bó ước ao tha thiết.

Phượng Trì, Phượng Trì, Phượng Trì, Phượng Trì
*Thơ tôi **bay** suốt một đời chưa thấu.*
*Hồn tôi **bay** đến bao giờ mới đậu.*
Trên triều thiên ngời chói vạn hào quang

Đoạn cuối bài thơ này, anh Trí đã phỏng dịch theo bài hát rất quen thuộc hồi đó trong nhà thơ. Bài Au ciel ! Au ciel (Cantiques de la Jeunesse) mà cũng là bài hát trong gia đình, cha tôi đã dạy các con hát với cây đàn harmonium nhỏ.

Bài **AU CIEL ! AU CIEL**

Couplet :

J'irai la voir un jour
Au ciel dans ma patrie
Oui j'irai voir Marie
Ma joie et mon amour.

Refrain :

Au ciel, au ciel, au ciel
J'irai la voir un jour
Au ciel, au ciel, au ciel
J'irai la voir un jour

(Đại ý : trên trời nơi quê hương tôi, tôi có ngày gặp lại mẹ Marie, niềm hoan lạc và yêu mến của tôi).

Anh có vẻ rất thích chí, khi tìm được hai chữ « Phượng Trì » để thay thế « **Au ciel, au ciel** », mà Phượng Trì lại rất gần gũi với biểu tượng Phượng Hoàng của Anh, âm điệu lại nhịp nhàng ăn khớp với bản thánh ca nhịp 6/8 đó.

*

Khẩu khí Phượng Hoàng được ông Trần Thanh Mại cho là siêu phàm tiên cốt. Nói về lối dùng chữ của Hàn Mặc Tử ông Mại viết :

“Tài nghệ diễn tả ấy sở dĩ tài tình là vì thi sĩ có một khoa dụng ngữ tuyệt phẩm dồi dào. Nó dung hòa được danh từ xưa và nay, những ngôn pháp Á và Âu, lại ảnh hưởng ở cả hai nguồn văn hóa Phật giáo và Thiên Chúa giáo.

“Anh thỉnh thoảng đưa vào thơ những chữ mà người đọc bất thần bị lúng túng, nếu không đọc trọn bài thơ để nắm vững ý chính của Anh.

“Anh dùng cả Đạo lý, Đâu suất hay Ngạ quỷ của Phật giáo trong câu :

*... Bay từ Đạo lý đến Đâu suất...
Đàng Ngạ quỷ phơi nhiều trong gấm vóc
Bước êm ru như hoan lạc mời đưa...*

Anh còn dùng cả những danh từ Đẩu số, đưa vào các bài thơ mà ý nghĩa đôi khi rất ngộ nghĩnh, chẳng hạn như trong bài thơ :

TRƯỜNG THỌ

*... Đưa tay vợ cùng cầm nguyệt mệnh mang
... Chan chứa ý lý tao sảng sốt
Chế Lan Viên quỳ dâng tràng chuỗi hột
Cầu khúc tinh hằng chiếu mạng người thơ*

Đọc bài này, tôi không nén cười được : “À, Anh lại lộn xộn rồi !” Chế Lan Viên quỳ dâng tràng chuỗi hột ? chuỗi gì đây mà lại cầu nguyện với tử vi đẩu số ! Anh tính chuyện bắt cá hai tay sao ?”.

Anh cười lớn : “Dâng tràng hạt đủ rồi ! Cầu với ai cũng được”.

(Khúc tinh là hai sao Văn Khúc, Vũ Khúc thuộc cánh văn chương uy dũng nổi danh quán thế của khoa Tử vi).

Cũng như khi Anh viết bài **Ave Maria**, Anh cũng mở đầu bằng câu chào mừng :

“Như song lộc triều nguyên ơn phước cả”

Đây là một lời chúc tụng đặc biệt Á Đông mà Anh táo bạo dùng để thay thế lời sứ thần Gabriel khi cố gắng truyền tin Thánh nữ :

“Kính mừng Bà đầy ơn phước, Thiên chúa ở cùng Bà”.

Anh Trí cho câu song lộc triều nguyên cũng có một ý nghĩa cao trọng như thế mà lại còn có màu sắc Đông phương, gần gũi hơn với dân tộc.

Thời bấy giờ, người ta cố đưa tinh thần dân tộc vào trong các lĩnh vực văn chương mỹ thuật để dần dần tiến sâu vào mục tiêu chính trị, xã hội.

Phong trào thơ mới bành trướng mạnh mẽ trong hướng đổi mới đó và cụ thể hơn nữa là Trường thơ loạn của nhóm bạn bè Hàn Mặc Tử cũng muốn làm một cái gì cho dân tộc.

Tôi còn nhớ Sở kiến trúc Đông Dương cũng đã chuyển hướng về ý thức dân tộc Đông Phương trong cái cách lại kiến trúc cho hòa hợp với Âu và Á. Một mẫu nhà rất được tán thưởng là kiểu “Eurasien” (Âu – Á) để thay thế cái kiểu mẫu của Pháp và châu Âu đang áp dụng.

Ngay cả trong hội họa, ảnh tượng Đức Trinh nữ Maria ít còn rập theo mẫu của nước ngoài, mà được minh họa với nét và màu nhẹ nhàng trong bóng dáng một Người Mẹ Việt Nam hiền từ tươi thắm.

Bởi vậy cho nên, khi viết bài **Ave Maria**, Anh cũng đã làm một chút cách mạng bằng những

ngôn từ đặc biệt mà Anh nói là *Kính mừng riêng của Anh dâng cho Đức Mẹ Việt Nam*.

Bốn chữ “Song lộc triều nguyên” này Hàn Mặc Tử mượn trong khoa Tử vi đấu số có từ đời Đại Tổng bên Tàu, nói về *Đại Quý cách* của người được Trời ban cho nhiều ân sủng cao trọng không ai bằng :

- Song lộc là *Hóa lộc* và *Lộc tồn* đều là Phúc lộc tinh.
- Hóa lộc nói về lợi lộc trần thế và vinh quang.
- Lộc tồn là sao Thiên lộc, lộc bởi trời vô tận, có một ý nghĩa thiêng liêng ơn phù trợ và cứu giải. Ngoài ra còn ban ơn thông tuệ về văn chương uyên thâm quán thế.
- Triều là hương về, châu về.
- Nguyên là bản mệnh.

Hàn Mặc Tử rất thích bộ sao này, vì chính Anh cũng có bộ sao đó trong bản số. Mặc dầu không đặc sách lắm nhưng Anh rất hãnh diện và tin tưởng sẽ được nhiều ơn phù trợ bởi Trời.

Vì vậy mà lòng Anh tràn ngập nỗi vui sướng, hồ hởi như là đã được Mẹ nhận lời lòng biết ơn và yêu mến của Anh.

Cho nên suốt bài thơ, Anh không hề bày tỏ một lời nào bi lụy có thể làm mất đi nét trong sáng huyền diệu mà Anh dâng lên.

*Như song lộc triều nguyên ơn phước cả
Dâng cao dâng, thần nhạc sáng hơn trăng
Thơm tho bay cho đến cõi thiên Đang
Huyền diệu biến thành muôn kinh trọng thế.*

Anh tự hào có đầy đủ ơn thánh mà Mẹ đã biết rồi. Trí khôn Anh cũng thừa hưởng thần trí của các vị Thánh, cho nên Anh tự xem Anh cũng là Thánh :

*...Tôi no rồi ơn vô lộ hòa chan.
Tấu lạy Bà, Bà rất nhiều phép lạ
Ngọc như ý vô tri còn biết cả
Huống chi tôi là Thánh thể kết tinh...*

Nhớ lại một hiện tượng trên bờ biển xa xưa, mà ánh sáng chói lòa đã làm cho Anh Trí ớn lạnh run rẩy đến lạc thần vì mơ hồ có Mẹ đến quá gần:

*Maria Linh hồn tôi ớn lạnh
Run như run, thần tử thấy long nhan
Run như run, hơi thở chạm tơ vàng
Nhưng lòng vẫn thấm nhuần ơn triu mến*

Anh xúc động đến rơi lệ và thì thầm cảm tạ ơn phù trợ Mẹ đã cứu thoát Anh trong tai nạn đó.

*Lạy Bà là Đấng tinh tuyền thánh vẹn
Giàu nhân đức, giàu muôn học từ bi
Cho tôi dâng lời cảm tạ phò nguy
Cơn lâm lụy vừa trải qua dưới thế.*

Rồi say sưa cuồng mạn, so sánh bài thơ Anh, kinh **Kính Mừng** của Anh, đang bay đến cõi Thiên Đàng hiệp với lời chúc tụng của thiên sứ Gabriel

*Hỡi sứ thần Thiên Chúa Gabriel
Khi người xuống truyền tin cho Thánh nữ
Người có nghe xôn xao muôn tinh tú
Người có nghe náo động cả muôn trời
Người có nghe thơ mầu nhiệm ra đời.*

.....
*Giòng thao thao bất tuyệt của Nguồn thơ
Bút tôi reo như châu ngọc dền vua
Để ca tụng bằng hương hoa sáng láng
Bằng tràng hạt bằng sao mai chiếu sáng
Một đêm xuân là rất đổi Anh linh*

Vì bài thơ này là tràng hạt mân côi đầy tình yêu mến Mẹ.

*Đây rồi, đây rồi, chuỗi ngọc vàng kính
Thơ cầu nguyện là thơ quên tử ý*

.....
*Cho tình tôi nguyện vẹn tơ trắng rằm
Thơ trong trắng như một khối băng tâm...*

Trong trạng thái xuất thần, bài **Ave Maria** đưa Anh đi rất xa trong cõi trời mênh mông mơ ước, pha trộn mộng và thực với những hình ảnh quen thuộc của Đức Trinh Nữ, của sứ thần Gabriel. Những kinh kính mừng trong tràng hạt vang dội mãi không dứt trong đầu óc Anh: Ave, Ave, Ave...

Ave Maria! Reo như châu ngọc thơm tho như hoa hương, sáng như thất bảo, làm xôn xao tinh tú, náo động muôn trời và vạn vật.

Ave Maria dài bất tận mà “*thơ tôi bay suốt một đời chưa thấu...*”

Chưa bao giờ, có bài thơ nào mà Anh biểu lộ được hết tiêu phong đạo cốt như trong bài Ave Maria mà Anh nói là bài thơ đặc ý nhất trong cuộc đời Anh.

AVE MARIA

*Như song lộc triều nguyên ơn phước cả
Dâng cao dâng, thần nhạc sáng hơn trăng
Thơm tho bay cho đến cõi Thiên Đàng
Huyền diệu biến thành muôn kính trọng thể.
Và Tổng lãnh thiên thần quỳ lạy Mẹ
Tung hô câu dường hạ ngớt châu sa
Hương xông lên lời ca ngợi sum hòa
Trí miêu duệ của muôn vì Rất Thánh
Maria linh hồn tôi ớn lạnh
Run như run, thần tử thấy long nhan
Run như run hơi thở chạm tơ vàng
Nhưng lòng vẫn thấm nhuần ơn triu mến
Lạy Bà là Đấng tinh tuyền thánh vẹn
Giàu nhân đức, giàu muôn học từ bi
Cho tôi dâng lời cảm tạ phò nguy
Cơn lâm luy vừa trải qua dưới thế
Tôi cảm động rung rung hai hàng lệ
Giòng thao thao bất tuyệt của Nguồn thơ*

Bút tôi reo như châu ngọc đèn vua
Trí tôi hớp bao nhiêu là khí vị...
Và trong miệng ngậm câu cá huyền bí
Và trong tay nắm chặt nạm hào quang.

Tôi no rồi ơn vô lệ hòa chan
Tấu lạy Bà, Bà rất nhiều phép lạ
Ngọc như ý vô tri còn biết cả
Huống chi tôi là Thánh Thể kết tinh
Tôi ưa nhìn Bắc đẩu rạng bình minh
Chiếu cùng hết, khắp ba ngàn thế giới
Sáng nhiều quá cho thanh âm vời vời
Thơm đường bao cho miệng lưỡi không khen

Hỡi sứ thần Thiên Chúa Gabriel
Khi người xuống truyền tin cho Thánh nữ
Người có nghe xôn xao muôn tinh tú
Người có nghe náo động cả muôn trời
Người có nghe thơ màu nhiệm ra đời
Để ca tụng bằng hoa hương sáng lóng
Bằng tràng hạt, bằng sao mai chiếu rạng
Một đêm xuân là rất đổi anh linh.

Đây rồi, đây rồi, chuỗi ngọc vàng kính
Thơ cầu nguyện là thơ quên tử ý
Trượng phu lời và Tông đồ triết lý
Là nguồn trắng yêu mến Nữ Đồng Trinh
Là nguồn đau châu lạy Nữ Đồng Trinh
Cho tôi thấp hai hàng cây bạch lạp
Khói trang nghiêm sẽ dâng lên trần ngập
Lút trí khôn và ám ảnh hương lòng
Cho sốt sáng cho đề mê nguyện ước.

Tấu lạy Bà, lạy Bà đầy ơn phước
Cho tình tôi nguyện vẹn tơ trắng rằm
Thơ trong trắng như một khối băng tâm
Luôn luôn reo trong hồn, trong mạch máu
Cho vỡ lở cả muôn ngàn tinh đấu
Cho đề mê âm nhạc và thanh hương
Chim hay tên ngọc đá niết tuổi vàng
Lòng vua chúa cũng như lòng lê thứ
Sẽ ngậy ngất bởi chưng thơ đầy ứ
Nguồn thiêng liêng yêu chuộng Mẹ sầu bi.

Phượng Trì, Phượng Trì, Phượng Trì, Phượng Trì
Thơ tôi bay suốt một đời chưa thấu
Hồn tôi đến bao giờ mới đậu
Trên triều thiên ngời chói vạn hào quang.

(Sao lục nguyên bản)

Sống bên cạnh Anh, hiểu biết tâm bệnh Anh, dò xét những trạng thái xuất thần của Anh, tôi hằng lo sợ không khéo Anh lại trở thành một “Tiên ông thiếu nét” nói ở trên chăng? May thay Anh ngày càng minh mẫn và sâu sắc.

Phải chăng thân xác phàm tục Anh bị huỷ hoại tàn phá, như phá đi một thứ rào cản, cho tâm trí Anh được khai thông, mà hiện tượng tâm thần bệnh hoạn chỉ là những giây thần kinh bén nhạy giúp Anh rung cảm dễ dàng trước những hình ảnh tuyệt vời trong cõi mộng bao la mà bài **Ave Maria** đã ghi lại khi Anh lần hạt mân côi.

Những ngôn từ thể tục cũng được Anh nâng cao và thánh hóa như những lời chúc tụng cao trọng vì chính Anh cũng tự nhận là Thánh.

*

Ngoài kỹ thuật vay mượn từ ngữ xuất xứ từ nhiều nơi, hoặc do cảm nhận một ý niệm, Anh Trí còn tế nhị và sâu sắc trong lối thơ tả tình.

Thơ Anh tuy say sưa lai láng nhưng dùng chữ rất khéo léo, sắp xếp thật rõ ràng để đánh giá mỗi bài thơ, mỗi mối tình cho khác biệt nhau.

Ở Hoàng Hoa thì Anh tình nghĩa rụt rè, thật thà trong **Hồn Cúc**

*Khăn áo hôm nay tề chỉnh quá
Muốn ôm hồn cúc ở trong sương*

Ở Mộng Cầm, quen thuộc trong bài **Say Nắng**

*Hồn tôi mắc cỡ là vì
Không quen thương thức cái gì ngất ngây*

Ở Mai Đình, suồng sã hơn:

*Nàng, ôm nàng hai tay ta ghì chặt
Ôi! Khoái trá...*

Ở Thương Thương, cảm nghĩ trần tục được chuyển qua tình tứ của hoa lá tuổi chim, mà hình ảnh vẫn dựa vào cảnh trí đã sống qua.

Dựa vào Mộng Cầm:

*Suối reo:
Mát tê đi như da thịt nàng dâu
Cởi xiêm cởi áo ra nào.*

Dựa vào Hoàng Hoa:

*Chim hót:
Chim ơi hót khúc tương giao
Có người thực nữ lần vào thiên thai.*

Dựa vào Mai Đình:

*Chàng:
Em là hoa mười phương
Anh là mây tứ xứ
Gặp nhau ở cạnh tường*

Tưởng tượng về Thương Thương (có vẽ huyền hoặc)

*Thương Thương em, trời cho ta kỳ ngộ
Nói cho ra thần diệu mà vàng bay.*

*

Một trong những giây thần kinh (nói là bệnh hoạn đó) rất bén nhạy về âm nhạc.

Thơ Anh viết ra, lời thơ ngâm lên như điệu nhạc.

Ông Trần Thanh Mai cùng nhóm bạn thân gần Anh, đều công nhận như thế. Có nhiều người bạn ngâm thơ hay như một bài ca nhạc, chú Hiếu, em tôi cũng nổi tiếng ngâm thơ Hàn Mặc Tử rất hay.

Ông Mai còn nói: “Nhạc trong cả lối dàn chữ, trên mặt giấy cũng giống y n hư những dấu hiệu trên bản đàn.

"Trong các bài thơ khác của Hàn Mặc Tử, không có bài nào không giống theo âm nhạc. Mặt khác, thơ tám chữ của Anh được lựa chọn theo kỹ thuật ngắt quãng ở chữ thứ ba, đều thuộc trường bình thanh hoặc đoản bình thanh. Vì vậy, thơ Anh nghe như nhạc.

"Riêng về phương diện nhạc trong thơ, Anh đã ảnh hưởng to lớn đến làng thơ Việt Nam”.

Thường có những bài ưa thích, Anh Trí hay ngâm lên giọng trầm buồn, khi thì xuýt xoa tha thiết, khi thì đều đều như tụng kinh.

Có lẽ Anh ngâm theo gương tượng một bản nhạc Huế cổ điển quen thuộc mà Anh rất ưa thích, thường bảo tôi đàn cho Anh nghe với cây đàn nguyệt trong nhà.

Tuy Anh không biết đàn, nhưng rất thính tai, nghe được cả âm ba của tiếng đàn nguyệt khi giao thanh nổi điệu. Nhất là trong hai bản Nam Ai và Nam Bằng, đặc biệt là bản Nam Bằng mà Anh say mê kỳ lạ.

Nam Bằng là bản cổ nhạc Huế, được tương truyền do một cung nữ theo hầu Công chúa Huyền Trân đời Trần vào làm dâu Chiêm quốc, sáng tác phỏng theo âm điệu Khơme của các sư sãi đã tấu lên trong lễ nghi phụng vụ ở đền Vua.

Âm điệu nhịp nhàng, lơ lửng như giọng “Khèn”, khi thì trầm vọng như Hồ Huyền, rời rạc và đều đều như tụng niệm gần xa.

Thời bấy giờ, hai bản Nam Ai và Nam Bằng được ưa chuộng nhất ở miền Trung do hai cô Nhơn và cô Dung (quen gọi là “Mệ Dung” đơn ca).

Một người Đức, chủ hãng đĩa hát Béka thường hay ra Huế thu âm các bản ca Huế gửi về nước.

“Mê Dung” (không biết có phải thuộc hoàng tộc hay không) nổi tiếng với bản Nam Bằng, người Quảng Trị, trong bài ca “**Nước non ngàn dặm ra đi**” giọng hơi đục đục rất trầm, khiến nhiều người nghe say đắm, trong số đó có anh Trí.

Nam Bằng khác với Nam Ai ở chỗ không lả lướt trữ tình mà lại nghe như niềm tiếc hận xa xưa, vì vậy khó đàn cho hay.

Thời ấy, ít người đàn được xem là tuyệt kỹ, ngoại trừ Cả Soạn có thể xem là mẫu mực, còn lại Đội Trác và Tôn Út là hai cây đàn nguyệt theo được giọng ca cô Dung.

Bản đàn theo nhịp ba, ngón tay trên phím chỉ nhấn nửa vơi để lướt vơi âm hưởng qua phím khác, mà vẫn giữ nguyên âm bình thường.

Tiếng đàn vì vậy nghe hơi “dựng” như nhạc Khome, không gấp nhưng không lơ.

Nhiều đêm đang ngủ, anh Trí gọi dậy: “Bây giờ yên lặng, đàn vài bản chơi Tín nghe”. Anh thường nói: “Tao thích bản Nam Bằng. Nghe nó như sống lại với dân Hời trong ghen ngào tiếc hận” rồi anh ngồi thừ ra, im lặng để tận hưởng hết âm thanh.

Về sau, Anh có ghi nhận những cảm xúc đó trong bài “**Đàn Ngọc**” bài thơ tám chữ, ngắt quãng ở nhịp chữ thứ ba.

.....
*Rồi muôn xuân, đã nư chiều thốn thức
Đều run lên, như thể tấm hồn mơ
Ai reo chi, thương tiếc giữa đường tơ
Cho lở đỏ vang lên từng tiếng nấc.
Nguồn ánh sáng lờ đi trong sự thực
Trong ảo huyền và trong cả mê ly
Ai nở nào cắt nghĩa tới hàng mi
Là ứ lại là trào ra nước mắt
Bằng trăm tiếng vẽ ra trăm màu sắc...*

Có lẽ anh đã thực sự bị ảnh hưởng trầm buồn của bản nhạc Nam Bằng, mà Anh nghe hơi hám nhạc Hời.

Đã vậy mà hai tiếng Chăm hay Hời cũng dễ đụng chạm đến cảm xúc đó. Anh nói: “Hoan có cái tên cũng hay, nghe hơi Chăm, chắc vì vậy mà anh ưa Chế Lan Viên và hay gọi anh là Chế Bồng Hoan”.

Do đó, lối thơ 8 chữ, có chỗ bắt nguồn từ điệu Nam Bình mà “hời” bình thanh nghe cũng “dựng” như nhạc Hời.

*Đây, vườn trắng, tình căng lên muốn đứt
Thương toàn thương, đương vây muôn giây hương.*

.....

Nhạc điệu trong thơ tám chữ của bài Trường tương tư mà chú Hiếu hay ngâm lên như bài ca nhạc, Anh rất thích.

*Hiếu gì không ý nghĩa của trời thơ
Của hương hoa, trong trắng làn lọt bảy
Của lời cảm muôn vì sao ấy náy
Hiếu gì không, em hỡi, hiếu gì không?*

*.....
Cho rằng hường vấn vương muôn ngàn sợi
Cho em buồn trời đất úa sương khuya
Lệ Kiều ơi, em còn giữ ý thơ
Trong đôi mắt mùa thu, trong lẻo lẻo.
Ở xa xôi, lặng nhìn anh khô héo
Bên kia trời, hãy chụp cả hồn anh.*

*.....
Một khối tình, nước nở giữa âm u
Một hồn đau rã rời theo mây khói
Một bài thơ, cháy tan trong nắng dội
Một lời run hoi hóp giữa không trung.*

*

2. BỆNH NAN Y

Khoảng đầu năm 1935, khi anh Trí từ Saigon trở về Qui Nhơn, trông Anh có vẻ trắng trẻo đẹp ra, nhưng nhìn kỹ thì bên má trái, có nhiều đám đỏ hồng hồng bằng đồng xu.

Ban đầu không ai để ý, nhưng một hôm Anh thay áo, Mẹ tôi trông thấy phía sau lưng có nhiều chỗ nổi dát đỏ như vậy, trông như dị ứng khi ăn phải các thứ tôm cá có độc mà vốn Anh không hề ăn được.

Bà cụ hỏi những vết đỏ có từ bao giờ, Anh bảo không hề lưu ý, nên không biết đích xác. Thật ra, những vết đó khi ẩn khi hiện.

Hỏi anh Bửu Đông, anh cho là dị ứng, một thứ phong máu (allergie) gì đó, thế rồi cũng bỏ qua.

Tuy nhiên, mẹ tôi linh cảm có chuyện chẳng lành. Bà vặn hỏi mãi Anh kể chuyện một hôm cùng người bạn đi chơi Phan Thiết, gần tối băng qua một cánh đồng, thì gặp phải cơn mưa giông dữ dội. Sợ hãi quá, cùng vào ẩn trong một chòi tranh đổ nát. Hồi lâu, mưa tạnh toan ra đi, thì thấy nhiều quả cầu lửa màu xanh từ dưới đất phọt lên, bay lơ lửng. Bấy giờ mới nhận ra đang ở trong nghĩa địa, cái chòi gần bên nấm má mới.

Bà cụ hỏi anh về nhà có xông tắm gì không. Anh nói quên khuấy đi vì vội lên xe về Saigon.

Mọi người nghĩ là Anh bị mắc hơi dưới mộ.

Tuy lo thì cứ lo vậy thôi, không biết phải làm gì được vì đã lâu rồi.

Mấy tháng sau, những dát đỏ hơi sưng lên, như những đám ngứa sương sương mà người ta gọi là mề đay (Urticaire)

Mẹ tôi đâm lo, mời ông đông y sĩ có danh là Thầy phụ tử (nổi tiếng nhờ dám bốc một thang thuốc có một lượng phụ tử là đều cấm kỵ trong nghề thuốc)

Mẹ tôi tin ông giỏi vì đã cứu sống chị Như Lễ khỏi bệnh thương hàn đã “nhập lý” nhà thương Pháp chạy.

Ông đến bắt mạch cho anh Trí nói anh bị chứng phong. Chữ phong trong Đông y nhẹ thì gọi là phong sang (ghẻ ngứa v.v..) nặng là phong hủi, cũng đều là máu có chất độc. Đông y thường gọi Phong, lao, cổ, lại tử chứng nan y.

Uống mười thang bổ huyết khu phong, vẫn không thuyên giảm.

Cuối năm, lại thấy hai tai Anh, thùy châu bắt đầu ửng đỏ. Triệu chứng phong đủ nặng, nhưng Anh vẫn cảm thấy bình thường. Cả nhà bắt đầu lo sợ, nhưng không ai nói gì cho Anh biết.

Cũng thời gian đó, con trai nhà triệu phú họ Tạ, cùng lứa tuổi với Anh đang có nhiều triệu chứng phong rõ ràng như hai tai dày, mũi lớn phồng và hai môi sưng vếu.

Cả nhà đều giấu nhem không cho anh Trí hay.

Anh Bửu Đông lấy máu ở tai, ở mũi đem về bệnh viện phân tích vì anh Đồng phụ trách phòng thử sâu (Bactériologie) cũng không có Hansen, một thứ trực khuẩn có tên gọi là Mycobacterium Léprac, gây ra bệnh cùi, nhưng lại khó lây, thầy dạy của BS Hansen đã thí nghiệm chích Hansen vào máu mà không việc gì.

Phần anh Trí vẫn vui vẻ, bạn bè thường quay quần lui tới ngâm vịnh thi ca, lúc bấy giờ tại số 20 đường Khải Định. Đông đảo nhất là từ giữa năm 1936 có vẻ như các bạn anh cũng không quan tâm gì.

Cuối năm ấy Anh hồ hởi xuất bản tập thơ Gái quê, và đi lại nhiều lần giữa Saigon, Quảng Ngãi, Huế.

Ở Saigon về, Anh cho biết bà Bút Trà mời Anh vào chủ biên tờ Phụ nữ Tân văn sắp xuất bản. Anh có vẻ vội vã nôn nóng lành bệnh.

Mẹ tôi phải mời một thầy ngoại khoa tiếng tăm ở Gò Bồi xuống chữa cho Anh.

Ông xem mạch cho và bán một tể thuốc, dặn dò cẩn thận phải uống đúng liều lượng, vì thuốc mạnh lắm.

Được nửa tháng, các vết đỏ biến mất gần hết, chỉ còn hai thùy châu ửng đỏ thôi.

Anh Trí rất tin tưởng, bắt đầu nói chuyện làm báo. Anh gởi thơ cho bà Bút Trà, hẹn ngày vào nhận việc.

Vì vậy, anh càng nôn nóng muốn rút ngắn thời gian uống thuốc để kịp vào Saigon.

Bỗng một hôm, đang ngủ, Anh cong người lên ngã xuống đất. Cả nhà hoảng sợ, nhưng Anh vẫn bình tĩnh, xem như không việc gì xảy ra. Hồi kỹ, Anh thú nhận đã uống gấp đôi liều lượng quy định để cho mau hết tể thuốc.

Vội mời ông thầy Gò Bồi xuống, ông bảo phải đưa anh lên Gò Bồi để ông chăm nom, nhất là Anh bị thuốc công phạt nên trông tiêu tụy rõ hơn.

Từ đó bệnh anh như cầm chừng lại. Anh ăn rất ít và gầy sút đi trông thấy.

Năm sau, tôi phải đổi lên Đà Lạt và ở luôn trên đó chỉ thỉnh thoảng năm, ba tháng mới về thăm, nên không theo dõi được diễn biến bệnh trạng.

Bấy giờ Anh lại trở về Qui Nhơn để uống thuốc một ông Đông y sĩ chính cống khác. Ông này bảo nội tạng anh hư hỏng nặng cần phải nghỉ ngơi để bồi dưỡng.

Thuốc ông cũng công hiệu. Trong sáu tháng, Anh có da thịt lại. Thấy Anh đi hơi khập khiễng, tôi hỏi thì Anh bảo đau nhức nơi đầu gối. Có lẽ suốt thời kì anh đau, đây là lần thứ nhất tôi nghe anh kêu đau vì nhức nhối.

Hậu quả, thuốc Gò Bồi đã làm anh đau nhiều chỗ nữa mà ông Đông y cho là độc dược luyện bằng nọc độc mai gầm, rắn hổ.

Kinh tế gia đình, bắt đầu bấn loạn. Mỗi tháng tôi phụ thêm 30 đồng mà vẫn không đủ.

Thuốc đắt mà giao tế cũng tốn kém rất nhiều. Khi thì xem mạch uống đôi ba thang, lại đổi thầy khác. Đó là chưa nói “chuyện phải chăng” với ông Lý Trưởng với Cò bót, vì lâu tiếng Anh Trí có bệnh truyền nhiễm.

Vậy mà hễ nghe nói có thầy hay ở đâu là mẹ tôi cho mời có khi chữa vài tuần, có khi vài tháng lại bỏ dở.

Gia đình tôi lại phải dọn về đường Oden d’hall để tránh dòm ngó của nhà chức trách.

Tuy anh không đau đớn lở loét, nhưng thân thể gầy sòm đi, nước da thâm nâu như tô lên thứ thuốc vẽ nước màu Sépia, chỗ đậm chỗ nhạt. Người ta nhìn vào, không thể không nghi là bệnh lạ. Nhất là bạn bè hay lui tới bàn tán về Anh có thể lên tiếng gây dư luận bất lợi.

Thế rồi, một võ sư kiêm thầy lang, được ông Quách Tấn giới thiệu đến cho thuốc.

Uống thuốc của ông võ sư mấy tháng anh Trí nói không thấy đau nhức gì (như thường lệ, Anh trả lời ai hỏi Anh về bệnh trạng). Nhưng anh lại không ăn uống gì khác, ngoại trừ món canh bầu anh ưa thích vì nhẹ ruột.

Một hôm ở Đà Lạt về, tôi thấy mẹ bắn khoăn với mấy vị thuốc mã tiền, phượng vĩ là hai vị có khả năng trục huyết bầm. Cuối cùng thì cứ sắc cho anh uống.

Tôi mang mỗi thứ của thang thuốc vào Nha Trang, nhân dịp đi thăm bà con, để nhờ ông Bá Thảo Đường, thầy thuốc tàu quen biết xem lại.

Ông này bảo ngưng ngay, khi tôi tả bệnh trạng của Anh Trí. Ông nói : “Thuốc này chỉ chữa bệnh cấp thời các chứng bệnh bị đá thương, người yếu không thể dùng được, sợ khô hết huyết”.

Những năm 1938, 1939 nhất là năm 1939 Anh đau dữ dội hơn hết. Tâm trạng Anh biến đổi nhiều mà tôi đọc được qua thơ anh. Giai đoạn này. Anh sống nửa mơ nửa thực, thường hay xuất thần không biết gì. *Có lẽ nhờ vậy mà Anh không cảm thấy đau đớn chẳng?*

Theo lời em Hành kể lại, thì có nhiều giờ Anh ngồi yên lặng trên ghế không cử động, nhưng khi bị gọi, thì Anh lại tỉnh táo như thường.

Anh đau ai cũng biết, nhưng không nghe Anh rên xiết vậy mà thơ anh lại có nhiều lúc hoảng hốt

lạ lùng, như bị một ám ảnh nào đó phá phách xô đẩy Anh khủng khiếp, Anh viết trong bài :

HỒN LÀ AI

*Hồn là ai, là ai tôi chẳng biết
Hồn theo tôi như muốn cột tôi chơi.*

.....
*Hồn đã cắn đã cào nhai gấu nghiến
Thịt da tôi sượng sần và tê điếng.
Tôi đau vì rừng rợn đến vô biên*

Và Anh chống cự :

Tôi dìm hồn xuống một vũng trắng êm

.....
*Rồi bay lên cho tới một hành tinh
Cùng ngã nghiêng lẫn lộn giữa muôn hình
Để gào thét một hơi cho rợn óc.
Cả thiên đàng trần gian và địa ngục...*

Những khi di chuyển đó đây, trên bờ biển hiu quạnh, trong thôn xóm trơ vơ, Anh không khỏi có lần phải hoảng sợ vì nhiều hình ảnh ma quái bám sát bên Anh, những đêm dài vô tận mà Anh ghi lại trong bài :

CÔ LIÊU

*Tôi ngồi dưới bãi đợi nương mờ
Tiếng rú ban đêm rạn bóng mờ
Tiếng rú hồn tôi xô vỡ sóng
Rung từng không khí bạt vì lo*

*Ai đi lẳng lặng trên làn nước.
Vớ lại ai ngồi khít cạnh tôi
Mơ sao, ngậm cứng thơ đầy miệng
Không nói không rằng nín cả hơi
Chao ôi, ghê quá trong tư tưởng
Một vũng cô liêu cũ vạ đời.*

Hoặc một nỗi cô đơn dằn dặt mà Anh than thở trong bài :

NHỮNG GIỌT LỆ

*Trời hỡi ! Bao giờ tôi chết đi
Bao giờ tôi hết được yêu vì
Bao giờ mặt nhật tan thành máu
Và khối lòng tôi cứng tơ si
Tôi vẫn còn đây, hay ở đâu
Ai đem tôi bỏ dưới trời sâu
Sao bông phượng nở trong màu huyết
Nhỏ xuống lòng tôi những giọt châu...*

Có những lúc dồn ép cơn đau đến tột độ :

*... Ta muốn hồn trào ra đầu ngọn bút
Mỗi lần thơ đều dính não cân ta
Bao nét chữ quay cuồng như máu vọt
Như mê man chết đuối cả làn da
Cứ để ta ngất ngư trong vùng huyết...*

Và có những lúc Anh ngất đi, mơ hồn lìa khỏi xác, mà trong bài thơ : **Hồn lìa khỏi xác**. Anh kể lại :

*... Há miệng cho hồn vẳng lên muôn trượng
Chơi vui trong khí hậu chín tầng mây
Ánh sáng lạ sẽ tan vào hư lãng
Trời liêng thiêng cao cả gợn nồng say.
Vì không giới nơi trần gian vắng lặng
Nên hồn bay vùn vụt tới trăng sao
Sóng gió nổi rùng rùng như địa chấn
Và muôn vàn thần phách ngã lao đao
Cả hơi hám muôn xưa theo ám ảnh
Hồn chơ vơ không biết lạc về đâu
Và vương phải muôn vàn tình khí lạnh
Hồn mê man bất tỉnh một hồi lâu
Rồi sáng sớm bay tìm muôn tử khí
Và muôn sao xa cách cõi hoang sơ
Hồn cảm thấy bụi ngùi như rướm lệ
Thôi, hồn ơi ! Phiêu lạc đến bao giờ ...*

Tuy nhiên, trong những cơn mê loạn đó, Anh còn tìm được một lối thoát ra ngoài thực tại, để quên đi bệnh hoạn đang dày vò và để tìm lại cái tiên phong đạo cốt của Anh, của một trích tiên bị đầy đọa.

Anh chưa từng viết trong “**Mộng và thực**” : Tôi đang đi trên con đường sáng lạng, tìm lấy chân lý ngàn năm, mà hào quang của tinh tú, của ngọc ngà châu báu, trời tuôn xuống không biết hằng hà sa số nào... Như có một ma lực vô song, xô đẩy tôi đến bờ huyền diệu để vào một cõi vô hình...

Trong bài :

SIÊU THOÁT

*Mới thay cõi siêu hành cao tốt bậc
Giữa hư vô xây dựng bởi trăng sao
Xa lắm rồi, xa lắm, hải đường bao
Ai tới đó mà chẳng nao thần chí
Tòa châu báu kết bằng hương kì dị
Của tình yêu rung động lớp hào quang
Những cù lao trôi nổi xứ mệnh mang
Sẽ quy tụ thâu về trong một mối
Và tư tưởng không bao giờ chấp nối...
Là vì sao ? Vì sợ kém thiêng liêng
Trí vô cùng lan nghĩ rộng vô biên
Cắt nghĩa hết những ảnh hoa huyền bí*

*Trời bát ngát không cần phô triết lý
Thơ lắng lại, chấp chóa những hàng châu
Ta hiểu chi, trong ánh gió nhiệm màu
Những hạt lệ của trích tiên đầy đọa.*

Ở nơi Hàn Mặc Tử, tâm trạng biến đổi dễ dàng từ thực qua mộng, và phong thái thần tiên trong mỗi tình huyền hoặc với Thương Thương đã giúp sáng tác Duyên kỳ ngộ và Quần Tiên Hội. Lời thơ vẫn còn được xem rất thoát tục tinh khôi cho đến ngày nay.

Như một đoạn dưới đây, trích dẫn từ **Quần Tiên Hội**

Hoa khôi :

*Liên hồ tây, bốn mùa xuân cả bốn
Ngát hương đưa trong gió sớm chơi vơi
Làn nước mát và chưa bao giờ bợn
Vết phong trần đưa lại ở xa khơi...*

Cát tiên :

*Đây mùi đạo vẫn còn thơm ngan ngát
Mà ai cho các chị nói tình yêu
Ai cho thỏa bao niềm mong rào rạt
Mà ai cho lòng ngọc tỏa phiêu phiêu*

Huyền tiên :

*Nương nương ơi, biết nhau từ độ ấy
Tóc xanh thêm và tình đậm đà thêm
Tao phùng duyên đến bao giờ lại thấy
Lòng nghiêng qua sóng mắt muốn xiêu xiêu*

.....

Và những khi từ mộng quay về thực anh Trí cũng vẫn thông dong nhàn hạ mà bất cứ một nhà thơ lãng mạn nào cũng không thể nào tình tứ say sưa hơn.

Khi mà hiện tượng đau đớn hốt hoảng trong các bài rùng rợn như Cô liêu, những giọt lệ, hồn là ai, đã đi qua rồi, thì nhớ hương xa xôi lại trở về với Anh trong những vần thơ nhẹ nhàng tình tứ, mà chỉ cần nhìn vào một phiên ảnh thôi :

Bài thơ : **Đây Thôn Vỹ Dạ** là một chứng minh hùng hồn cho trường hợp đó.

Ý thơ dồi dào tế nhị như không hề bị ảnh hưởng của bệnh hoạn. Bức ảnh Hoàng Hoa gợi ý nhắc mời Anh về thăm mảnh vườn ai xanh mướt, có hàng cau tắm nắng sớm, có khóm trúc quý phái thanh cao nhất là khuôn mặt chữ Điền đoan hậu mà các cụ ngày xưa khen “diện phương tâm chính” và xứ Huế lâu đời vẫn đánh giá cao : “Mặt chữ điền tiền rửa cũng mua.”

Anh lại còn hóm hỉnh hỏi : Có chở kịp trăng về tối nay để bầu bạn cho Anh bớt cô đơn ?

Thời gian Anh sáng tác hai loại thơ nói trên, không xa cách bao nhiêu, trong một hoàn cảnh không thay đổi.

Cũng trong túp lều tranh xơ xác, dưới cây phượng vĩ tàn tạ, trên bờ biển hoang vắng xa xôi, mà cảm ứng của hai trạng thái tâm hồn hoàn toàn khác biệt nhau.

Đó là điều lạ lùng, chỉ có Anh mới sống được như vậy.

Tâm trí Anh từ ngày đau nặng, vẫn mơ ước thoát khỏi cái “ta” ghê tởm.

Anh luôn bị cám dỗ bởi một giấc mơ huyền diệu hướng về trời, vượt ra khỏi không gian. Ước mơ ngày càng mãnh liệt, và mỗi ngày lại gần hơn đến đối cảm thụ được trong bài :

NGOÀI VŨ TRỤ

*... Ra không gian là vượt hẳn thượng tầng
Tập tới đến ở ngoài kia vũ trụ
Nơi khí tượng bốc ngàn muôn tinh tú
Nơi không cho hồn lai vắng quang chiêm
Sáng vô cùng, sáng lạng cả mọi miền
Không u ám như cõi lòng ma quỷ
Vì có Đấng hằng sống, hằng ngự trị
Nhạc liêng thiêng đồn trối khắp hư linh*

*.....
Tìm tới chốn chiêm bao ngoài sự thật
Mộng là mộng tràn trề muôn vạn ước
Tình thơm thơ như ngấn lệ còn nguyên
Ta ước ao đầu đội mũ triều thiên
Và tắm gội ở trong nguồn ánh sáng
Ca những điệu ngọc vàng cao sang sáng
Lời vắng xa truyền nhiễm đến vô song
Bầu hạo nhiên lồng lộng một màu trong
Không rung động bởi tơ huyền nao nức...*

*

Cuối năm 1939, Anh gầy hằn, nhưng đôi mắt còn linh hoạt như không đau yếu gì. Có nghĩa là Anh còn minh mẫn, cho nên Anh vẫn còn sáng tác mạnh.

Xem bài tặng chị Mai Đình, ý thơ sâu sắc, những từ ngữ Anh sử dụng diễn tả rõ ràng tâm trạng Anh.

Rồi đến thời kỳ Anh sáng tác Duyên kì ngộ, Quần Tiên Hội, thì lúc ấy Anh hoàn toàn thoát khỏi ràng buộc của bệnh hoạn.

Nhiều lúc Anh tỏ ra bình tĩnh, chờ đợi những gì sẽ xảy đến cho Anh, không còn buồn lo ray rứt gì nữa.

Khoảng tháng bảy năm bốn mươi tôi nghe có lệnh động viên những công chức còn trẻ. Có thể sẽ bị đưa qua Lào làm con đường chiến lược (Routes Stratégiques).

Tôi về Qui Nhơn đến thăm Anh một nơi hẻo lánh trên bờ biển. Anh ngồi trầm ngâm bất động nhìn ra khơi. Cây phượng vĩ đã gần hết hoa. Trên cát trắng một ít cánh hoa đỏ đang tàn héo.

Bỗng Anh quay lại trông thấy tôi, mỉm cười hỏi : “Về bao giờ đó ?” Giọng Anh vẫn đều đều, nghe

như xa vắng từ đầu. Tôi nhớ lại câu hỏi của Anh. Khi tôi vào Saigon ghé lại con đường Espagne, chờ Anh về khuya. Anh cũng hỏi : Vào bao giờ đó. Cũng vẫn giọng nói đó, thanh âm đó. Không khác đi, không vui mừng hay buồn bã mà hai hoàn cảnh rất xa vời khác biệt.

Ở Saigon là lúc Anh đang nở hoa trong lòng với Mộng Cầm.

Ở đây, Anh đang viết bài thơ :

TRÚT LINH HỒN

*Máu đã khô rồi thơ cũng khô
Tình ta chết yếu tự bao giờ
Từ nay trong gió, trong mây gió
Lời thảm thương rền khắp nẻo mơ
Ta còn triu mến biết bao người
Vẻ đẹp xa hoa của một trời
Đầy lệ, đầy hương, đầy tuyệt vọng.
Ôi giờ hấp hối sắp chia phôi.
Ta trút linh hồn giữa lúc đây
Gió sầu vô hạn nuốt trong cây
Còn em sao chẳng hay gì cả,
Xin để tang Anh đến vạn ngày*

Gió biển thổi vào nhẹ nhẹ, nhưng cũng lấy hết cánh hoa khô héo còn đeo đẳng trên cây. Nhớ lại câu thơ Anh :

*Sao bông phượng nở trong màu huyết
Nhỏ xuống lòng tôi những giọt châu*

Thôi nhé ! Hoa phượng không còn rơi nữa đâu ! Và tôi cũng không cầm được nước mắt, vội lấy kính râm đeo vào.

Anh trông thấy nói lảng ra : “Lúc này Anh không lần hạt được nữa, viết đã khó khăn lắm rồi”. Trong Anh bình thản như kể chuyện kẻ khác. Không phải nói về Anh.

Da Anh đã khô cứng, nhưng hơi nhả ở bàn tay, vì phải vận dụng sức để kéo các ngón khi cầm muỗng ăn cơm. Bởi vậy, trông như mang chiếc “găng” tay bằng da thô sẫm.

Toàn hình thể như một xác ướp Ai Cập trong Kim Tự Tháp. Đó là hình ảnh cuối cùng tôi trông thấy Anh.

Trước đó, tôi có đến thăm bác sĩ G. Quản đốc bệnh viện, mang biếu ông một ít hoa Đà Lạt. Ông giữ tôi lại nói chuyện.

Ông nói : Bệnh cùi rất khó phân biệt. Giới y học (thời đó) chưa biết rõ lắm. Tuy triệu chứng giống nhau, nhưng lại có nhiều thứ. Ông quả quyết bệnh cùi không thể lây lan được, đã có chứng minh của B.S Daniel Sen, thầy dạy của nhà bác học Arnauer Hansen.

Ông ấy buồn rầu nói tiếp : “Anh ấy (anh Trí) không thể sống lâu hơn được nữa, mặc dầu kinh nghiệm ở các trại cùi, không có ai chỉ đau có mấy năm mà chết được. Anh ấy bị nội tạng hư hỏng.” Rồi giận dữ : “ces Charlatans l’ont tué (Bọn lằng bằm đó, đã giết chết Anh ấy).”

Tôi ngỏ lời cảm ơn và cáo từ. Ông nói : “Tôi rất tiếc”. Có vẻ như ông trách gia đình tôi không

đưa Anh đi bệnh viện sớm hơn để chạy chữa.

(Tôi nghĩ ông nói đúng, vì tôi biết có nhiều người chạy chữa công khai, không có mặc cảm thể thống tiếng tăm nên đã lành bệnh. Có lẽ mẹ tôi quá tể nhị về điểm này. Cũng có thể mẹ tôi không nỡ để Anh có cảm nghĩ về bệnh nan y của Anh bị ruồng rẫy).

Khi tôi nói với Anh Trí, tôi có thể bị đối qua Lào, chắc còn lâu mới trở về được. Và hỏi Anh về sổ bút tích của Anh mà tôi dồn lại ở nhà, sẽ giao cho ai lo xuất bản. Anh mỉm cười phó thác : “Thôi em đừng lo, em lo nhiều rồi. Anh không muốn làm phiền em... À, mà còn chút này, là cho Anh một pho tượng Đức Mẹ ban ơn bằng thạch cao. Anh ước ao lâu lắm rồi” (Đức Mẹ ban ơn có hình dáng cúi xuống đưa hai tay như nâng đỡ). Có lẽ Anh nhớ về câu thơ của Anh.

*...Toan ngất đi trong cơn mê khoái lạc
Mẹ dấu yêu liền vội đến tay nâng...*

Tôi nói : “Ở Việt Nam không có mẫu tượng đó, phải gởi mua ở Pháp. Để có dịp đi Saigon tìm thử”.

Thấy tôi buồn bã, Anh cười triết lý : “Đằng nào thì cũng phải đến đó. Cầu nguyện cho Anh với... Nghĩ lại mình cuồng dại quá, đã bỏ phí nhiều thì giờ vô ích, chạy theo những cái mà mình phải bỏ lại.” Rồi Anh cười vui vẻ.

Anh càng bình tĩnh, lòng tôi càng chua xót, không cầm được nước mắt, vội vã ra về như chạy trốn, mà lòng tan nát. Nhớ lại mấy câu thơ Anh viết :

*Ôi ngông cuồng, ôi rồ dại, rồ dại !
Ta đi thuyền trên mặt nước lòng ta
Ôi ngông cuồng, ôi rồ dại, rồ dại
Ta cầm thuyền chính giữa vũng hồn ta.*

*

Tháng 9 năm ấy, tôi nhận được thư chú Hiếu báo tin : Anh Bửu Đông đã đưa anh Trí vào nhà thương Quy Hòa, có mẹ tôi và em Hành đi theo.

Anh Đông và thầy Hứa Chánh văn phòng bệnh viện ra tiễn và trao hồ sơ bệnh lý cho tài xế. Anh Trí còn đùa : “Tập hồ sơ mỏng quá”. Anh Đông cười : “Cậu có đau gì đâu mà ghi cho nhiều.”

Thế là hết !

Về sau tôi còn hỏi anh Đông : “Có thật đã tìm thấy vi trùng Hansen không ?” Anh nói : “Cậu Trí vô phương rồi, không còn hy vọng gì nữa,... mà.... không có vi trùng ai cho vào nhà thương Quy Hòa.”

Sau lễ đình chiến, tôi xong công tác sở, trở về Đà Lạt, nhận được điện tín nhà báo tin Hàn Mặc Tử qua đời hôm lễ.

Đánh điện về sở, tùy phái mang về nhà cho tôi đã chiều tối. Tôi không thấy xúc động bằng khi tôi đến thăm Anh ở Gành Ráng.

Hình ảnh tàn tạ của Anh, từ đó tôi mang theo mãi, nên không thể hình dung những gì khác hơn

được nữa.

Ngồi trên chiếc ghế đã bên bờ hồ, tôi cố nhớ lại một bài thơ nào của Anh, một cử chỉ, một lời nói của Anh cho thấy mối quan hệ giữa Anh và gia đình, nồng nàn nhạt tẻ ra sao, thật khó mà tìm thấy rõ rệt.

Có điều không quên được một lần, Anh biểu lộ hớn hở vui mừng một cách bộc trực, khi mẹ và tôi đồng ý giao tiền cho Anh in tập *Gái quê* thì Anh ôm tôi hôn thắm thiết rồi đi tìm hôn mẹ tôi náo động cả lên.

Làm sao mà giận Anh được. Đối với Anh thơ là trên hết. Đêm nay Đà Lạt tháng chạp, trời quang sáng, nhưng sương xuống nhiều trắng mờ đi, tôi nhớ đến bài thơ Đà Lạt trắng mờ :

Đây phút thiêng liêng đã khởi đầu...

Quả thật, Anh đã đi vào cõi thiêng liêng, không còn bận bịu gì ở trần thế.

Theo tôi, thì Anh đã chết lâu từ ngày ngoài bờ biển và đã vào cõi thiêng liêng của riêng Anh rồi.

*Xin thứ tha những câu thơ tội lỗi,
Của bàn tay thi sĩ kẻ lên trăng.*

*

Anh Trí mất đi, để lại cho tôi một bốn phận thiêng liêng quá lớn đối với bạn bè thân hữu, mà ân tình, ân nghĩa còn ràng buộc lâu dài.

Nhân viết lại hồi ký này, tôi ước ao gởi đến những thân hữu của Anh còn sống hay đã quá vãng, đã từng giúp đỡ viếng thăm Anh tôi, trong nhiều năm bệnh hoạn nghèo nàn, đặc biệt là những người bạn cũ con đường Khải Định Quy Nhơn một tắc lòng tri ân trong tập sách này cho đến đời sau mãi mãi.

Nhớ đến em Phạm Hành, tôi chân thành kính cảm tạ ơn chú Phạm Thân tôi đã để em ở lại bên cạnh Anh Trí, thay thế tôi mấy năm làm việc xa nhà.

Tôi xin dành trọn một chương sau đây để ghi nhớ công ơn và tình nghĩa của em Hành tôi.

*

CHƯƠNG VI

PHẠM HÀNH

Chú tiểu đồng mà các bạn hữu Hàn Mặc Tử thường hay nhắc đến tên trong các tập Hồi ký về nhà thơ bất hạnh là Phạm Hành.

Em Hành sinh năm 1924, con thứ ba chú ruột tôi là Phạm Thân, vào Quy Nhơn ở với chúng tôi để đi học từ năm 1934. Mẹ tôi rất thương, thường đem em đi chơi, câu cua ở cầu Đá giải khuây sau khi anh Mộng Châu qua đời.

Cuối năm 1937, khi tôi đổi lên Đà Lạt làm việc, chú Thân vào thăm anh Trí, lúc bấy giờ đã đau nhiều rồi, trong nhà lại vắng người, không ai săn sóc Anh. Chú bảo em Hành nghỉ học ở nhà giúp đỡ Anh Trí. Chú rất thương Anh Trí, vì Anh giống ông nội hơn hết mọi người trong gia đình.

Từ đó Hành ở luôn luôn bên cạnh Anh, đi với Anh khắp nơi từ Gò bồi xóm Tấn cho đến Gành Ráng xóm Đông, chỗ nào cũng có Hành: khi thì giúp Anh tắm giặt, mang cơm nước, mua báo, đem thơ, chú không nề hà khó nhọc, mà lại vui vẻ vô tư.

Cái thích thú nhất của Hành là được đi xe đạp. Cho nên bất cứ đi đâu xa gần, cũng đều là dịp để đi xe thoải mái mà không sợ bị la rầy.

Cho đến nay, chú vẫn còn nhớ rành mạch những kỷ niệm đi câu cua với bác, những lúc trốn học đi tập xe đạp mà chú hay khoe khoang cái chuyện chú bay xe xuống suối tiên mà không việc gì.

Hôm ấy (Anh Trí đã vào Quy Hòa) mang cơm cho Anh. Khi đổ xuống dốc đến một đoạn khá nguy hiểm, xe không thẳng, chạy như bay, chú đang thích thú bỗng bánh xe trượt phải hòn đá, cả xe và chú đều bay xuống suối Tiên, nằm ngay khúc quanh dưới dốc. Chú kể lại: “May quá xe không bị gãy, chỉ móp méo cái gà mèn, đồ ăn vắng mất hết. vậy mà về nhà chị ba (chị Nghĩa) chỉ cốc có mấy cái thôi, chú cười vui vẻ (cũng đau mà cũng thích). Rồi chẳng có vẻ gì giận lẫy.

Hôm sau vào Quy Hòa kể lại, Anh Trí lo sợ hỏi: “Em có bị thương không?” Hành cười ha hả. Thế là anh em cùng cười vui vẻ, không màng chi chuyện ăn uống.

Hành thường cho tôi biết, Anh Trí không lo chi ăn uống. Một soong canh bầu, hay cá liệt kho nước là đủ rồi. Chị Lễ thỉnh thoảng cũng gỏi thịt cá cho anh. Nhưng Anh bảo Hành ăn hết đừng nói lại với ai.

Theo Hành kể: Anh Trí cả ngày chỉ viết luôn tay nếu không thì đọc sách, rồi ngâm thơ, hết ngâm thơ lại ngồi yên lặng cả giờ như ngủ, mà không phải ngủ, vì hễ gọi thì Anh mở mắt ra tỉnh táo ngay.

Có lần, Hành thấy Anh lần hạt, nhưng không nghe thấy Anh cử động hay đọc kinh. Cứ thế mà ngồi giờ này sang giờ khác.

Anh Trí thường hay gởi thơ. Gởi thơ và nhận được thơ là hai niềm vui lớn của Anh. Không có tuần nào Anh không gởi thơ, cho nên tem và phong bì là nhu cầu tối thượng của Anh.

Hành kể lại: Một lần Anh để mất đâu mấy con tem, tìm suốt ngày không thấy. Anh thù người ra, buồn bực đến không ăn cơm. Bác gái thấy vậy hỏi, Anh lặng thinh không nói gì. Nhưng Hành biết Anh sợ chị ba (Nghĩa) sẽ không cho tiền mua tem, vì chị ấy rất khó tánh. Vả lại chị cũng không quan tâm đến chuyện viết lách của Anh. Cho nên Anh Trí quý tem như vàng, mà ở trong nhà không ai nghĩ đến.

Chú Hiếu cũng gần như thế. Không hề biết Anh nhận được thơ ai gởi thơ cho ai “đó là việc của Hành” chú nói vậy vì tự cho là được “miễn dịch” vì chú đau tim từ ngày Hoa Kỳ ném bom đánh

quân đội Nhật Bản ở Quy Nhơn.

Thỉnh thoảng có bạn bè Anh Trí đến chơi thì chú chỉ có một việc là ngâm thơ thôi. Ngoài ra đi đánh cờ tướng và không lý gì đến việc nhà nữa. Cho nên, Anh Trí chỉ nhờ có Hành. Tâm sự của Anh chỉ có Hành là thông cảm. Và chia sẻ nỗi khó khăn của Anh.

Hành thường kể lại: Mỗi lần được tiền Đà Lạt gửi về là Anh Trí mừng lắm. Thế nhưng Anh chẳng dám hỏi chỉ Ba. Chỉ thấp thỏm chờ chị đưa cho mà thôi. Mà mỗi tháng Anh mới được một lần vui như vậy, để tha hồ mua giấy mực tem thơ.

Bây giờ, tôi mới biết tại sao mỗi lần về thăm nhà, Anh Trí thường nhỏ nhẹ xin vài đồng. Quả thật tôi không hề nghĩ đến tình trạng đó.

Ngay cả khi đã vào Quy Hòa rồi, Anh cũng còn viết thư cho tôi mà chỉ xin có hai đồng bạc. Một đoạn thư Anh viết rụt rè... Em gửi ngay cho Anh... nhưng dẫn đo thế nào đó (tôi nghiệp quá!) Anh lại xóa chữ ngay đi. Đã vậy mà bức thư đó đưa về gia đình để nhờ chuyển lên Đà Lạt, lại vẫn còn nằm tại nhà cho đến khi Anh qua đời rồi, tôi trở về Quy Nhơn mới được đọc. Thảm chưa!

Năm mươi năm rồi, mỗi lần giở lại bức thư, mà mỗi đã đọc mất quá nửa, lòng tôi xốn xang khó tả đến không cầm được nước mắt. Cứ nghĩ đến ngày dài mòn mỏi mà Anh chỉ chờ đợi có hai đồng bạc. Ôi! Anh tôi.

Bởi vậy, Hành rất thương yêu Anh Trí, vì biết rõ Anh khổ sở mà không thổ lộ được với ai. Những năm Anh đau nặng, bạn bè năng đến an ủi Anh, chuyện trò cho Anh vui, khi thì ngâm thơ nói chuyện làm báo khiến Anh nói chuyện say sưa quên cả bệnh hoạn.

Hành vẫn còn nhớ tất cả bạn hữu của Anh, nhất là những người thường gặp ở số 20 Khải Định, nhưng nhớ tên có một người đó là anh “Anh” người Huế, thường đến hơn hết và cũng ngồi lâu hơn hết với Anh Trí.

Hành tả lại từng người: Có anh cao to lớn như tây, có anh nhỏ thó hiền lành như học trò, thường mặc áo dài đen. Có anh còn trẻ mà bên má có mấy sợi râu dài v.v.. Cũng có một vài người lâu lâu lại đến, nghe nói ở Huế vào hay ở Sài gòn ra. Hành cũng không quên một anh có cái đầu to, nói oang oang mà thích ngâm thơ Anh Trí.

Bạn gái cũng có đến thăm, Hàn nhớ một cô còn trẻ lắm, nghe nói ở Hà Nội, đến xin gặp mà Anh Trí đóng cửa phòng lại không ra, cô này năn nỉ mãi, xin nhắm mắt lại để được nói chuyện với Anh thôi. Thế rồi, cô đó cũng lại đến ngâm thơ với Anh. Hình như cô viết báo, mà lâu quá chú không nhớ tên.

Những khi đi ở riêng trong thôn xóm, có người hiếu kỳ hay hỏi Hành: “Thầy đó đau chi mà ốm vậy có lở lói chi hông?”.

Hành kể lại: Em cũng không biết Anh Trí đau chi. Người Anh khô đi. Em trả lời không đau chi hết. Cũng không thấy lở lói chi. Mỗi lần thay áo, chỉ thấy da thịt Anh bầm đen hơi hơi.

Theo Hành nhận xét thì các ngón tay hơi cứng đờ một chút vì Anh viết nhiều quá tay cứng đi, khó khăn co lại mỗi khi Anh cầm muỗng ăn cơm. Hành nhận xét quá đơn sơ về bệnh trạng Anh, nên không hề nghĩ Anh đã mang ác bệnh.

Chú nói: Anh Trí rất chịu khó uống thuốc. Có lần chú nếm thử một chút, thấy vừa đắng vừa hơi muốn mửa vậy mà Anh uống tự nhiên. Nhất là mấy tháng ở Gò Bồi. Thầy thuốc bảo ăn chi uống chi, Anh vâng lời hết. Cho đến gần sáu tháng thì Anh đòi trở về Quy Nhơn. Anh nói với Hành:

“Ông thầy này nói lão, hứa ba tháng lành mà gần sáu tháng rồi. Thôi về!” Và từ đó uống thuốc không biết mấy ông thầy mà kể. Hành nhớ rõ là ông thầy hốt thuốc sau cùng là một võ sĩ răng đen.

Từ đó (giữa năm 1939) Anh Trí không uống thuốc nữa. Người của Anh càng ngày càng khô khan. Anh ăn rất ít, nhiều đêm không ngủ, ngày thì ngồi trông thơ bạn bè, hoặc ngâm thơ không nói chuyện chi với ai nữa.

Đến khi Anh Bửu Đông cho biết, Anh Trí phải vào bệnh viện để khám lại. Hành kể: “Hôm đó, bác thuê xe kéo đi với Anh vào trong nhà thương Quy Nhơn. Bác gái có vẻ lo lắng khi anh Đông nói phải làm giấy tờ để Anh Trí đi nằm tại bệnh viện Quy Hòa, thì Bác khóc quá chừng, còn Anh Trí chỉ cười thôi.

Anh Đông bảo để Anh Trí nằm đỡ một ngày tại đây hôm sau mới có xe Hồng Thập Tự đưa đi. Và Anh Đông cũng xin cho Hành ở lại với Anh Trí trong khu biệt lập.

Chú Hành nhớ một cách tỉ mỉ, hôm đi Quy Hòa, mẹ tôi mặc áo dài nâu, Hành mang bọc hành lý bằng vải trắng đựng áo quần sách vở của Anh.

Anh Bửu Đông và thầy Hứa chánh văn phòng có ra đưa. Chỉ có mẹ tôi và Hành lên xe Hồng Thập Tự đưa Anh Trí đi. Vào nhà thương Quy Hòa, Anh Trí phải ở lại phòng tập thể. Mỗi buổi sáng có các sơ đến chích thuốc cho. (Tôi có nghe Anh Đông nói Anh Trí tình nguyện xin chích thử một thứ thuốc mới rất mạnh mà các sơ không cho vì Anh yếu lắm).

Nằm tại phòng tập thể hai tháng, Anh được đưa vào phòng riêng (hai người). Lúc này, Hành thấy trên má Anh có một vài vết nứt như vỏ cây khô mà không chảy nước.

Anh ở phòng riêng một tuần thì mất. Anh chết một cách nhẹ nhàng mà không ai biết lúc nào, cứ tưởng là Anh ngủ. Có người nói Anh mất buổi chiều hôm trước, có người nói là buổi sáng.

Chú Hành vào sáng đó, thì Anh đã mất, vội vàng đạp xe về nhà báo tin cho mẹ tôi vào. Chú kể lại rằng: “Mọi việc tắm liệm chôn cất, các bà sơ lo cả, vì bệnh buộc phải chôn nội trong ngày. Chỉ có mẹ tôi và Hành đi theo vị linh mục đưa xác Anh Trí an táng tại bờ biển gần mấy cây thông (phi lao).

*

Đó là hình ảnh của chú Phạm Hành “chú tiểu đồng” đã hóa mình vào cuộc sống đầy bệnh hoạn hiểm nghèo của Hàn Mặc Tử suốt bốn năm trường, và cũng giúp Anh quên bớt nỗi ghẻ lạnh của người đời.

Phạm Hành, con người đã sống bình thường với nhà thơ trẻ tuổi, được cho là mắc bệnh phong cùi, một chứng bệnh mà kinh thánh xưa nói dân Do Thái sợ hãi như một lời nguyền rủa án phạt của Đức Gia Vê, đến đổi mẹ tôi, người mẹ khốn khổ vì mặc cảm trong tâm hồn, đã cấm trong gia đình, không cho ai nhắc đến tên Anh Trí như một điều bất hạnh lớn cho dòng họ.

Nói chung thì mọi người đều rút rè tránh khi phải đụng chạm, tiếp xúc với Anh. Phạm Hành đó, ngày nay đã 65 tuổi, sống mạnh khỏe vô bệnh tật tại Huế, thỉnh thoảng lại vào thăm chúng tôi. Các con chú đều trưởng thành khỏe mạnh, can đảm và thích mạo hiểm như chú. Có người cũng thành đạt sớm về võ nghiệp. Vẫn tới lui thăm viếng “Bác Tín” tình nghĩa như bố vậy, khiến tôi rất yêu mến và cảm động.

Chú em tôi thường hãnh diện về các con, có đứa đã nổi được võ nghiệp của ông, cha mà huyết thống truyền đến trưởng nam Phạm Vũ, từng nổi tiếng trong nhiều môn phái võ thuật.

Trong tập Hồi ký này, tôi muốn dành riêng mấy trang văn tắt để ghi nhớ tình nghĩa của chú em tôi đối với Anh Trí, tình nghĩa bất diệt của họ Phạm trung kiên từ bao thế hệ.

Xin ơn trên phù hộ chú em tôi và các cháu.

*

CHƯƠNG VII

TRẦN THANH MẠI VÀ HÀN MẶC TỬ

Khi ở Lào về, đọc cuốn **Hàn Mặc Tử** lần đầu tiên tại Huế, tôi rất ngạc nhiên, không hiểu vì sao, ông Trần Thanh Mại có thể dùng một thứ ngôn ngữ thô bạo có vẻ như nhục mạ vô nhân, thóa mạ gia đình tôi nặng nề, cũng như không che dấu thái độ khinh bạc khi viết về bạn bè anh Trí ở Sài gòn.

Ông bỏ rơi đâu rồi cái phong độ hào hoa nhà văn xứ Huế.

Ông Trần Thanh Mại vốn là một cây bút phê bình có hạng, mà anh Trí đem lòng ngưỡng mộ, toan nhờ giới thiệu. Tôi nghĩ với tài năng anh Trí, ông Mại chắc không bỏ qua.

Tuy nhiên ông Quách Tấn cho chúng tôi biết: “Ông Mại coi anh Trí như thằng điên (nguyên văn) và không nhận lời giới thiệu văn thơ Anh mà ông ta xét chẳng ra gì”.

Khi Anh Trí qua đời, nhiều bạn bè và những người ngưỡng mộ thơ Anh đều mong đợi một cuốn sách nói về thân thế và sự nghiệp của Anh, mà trong đó, nhiều bài thơ hay không thể giải thích được.

Tôi thiết nghĩ, ông Mại tuy bề ngoài tỏ vẻ lạnh nhạt, cao giá, nhưng bên trong ông cũng đã chuẩn bị nghiên cứu kỹ lưỡng rồi.

Đọc cuốn **Hàn Mặc Tử** của ông, cũng đã thấy ông viết rất công phu. Có phương pháp khoa học với nhiều thủ thuật tâm lý. Mặt khác, ông Trần Thanh Mại, em ruột ông Mại vốn là bạn tâm giao anh Trí, qua nhiều trao đổi thơ tín với anh Trí, có thể đã cung cấp cho ông Mại một số tài liệu về văn thơ bệnh hoạn và cả gia cảnh của Hàn Mặc Tử.

Tuy dư luận nhắm vào hai nhà văn có điều kiện viết về anh Trí: Một là ông Quách Tấn, nhà thơ Đường luật, từng tuyên bố được Hàn Mặc Tử uỷ quyền lưu giữ bút tích; người thứ hai là ông Trần Thanh Mại, nhà văn bình luận có kinh nghiệm, nhưng anh Trí vẫn tin tưởng và chọn ông Mại.

Vậy mà khi đọc cuốn Hàn Mặc Tử, tôi nhận thấy có cái gì trục trặc, lúng túng đều phải suy diễn

một cách gượng ép thiếu cơ sở, thậm chí xuyên tạc.

Quả thật, khi về đến nhà tôi mới vỡ lẽ. Thật là điều không may cho chúng tôi, trong thời gian tôi ở Lào, gia đình tôi không ý thức được tầm quan trọng của việc sưu tầm tài liệu khi ông Mai tìm đến hỏi thăm về Hàn Mặc Tử.

Không ai trong gia đình tiết lộ điều gì có liên quan đến cuộc đời anh Trí. Có lẽ cũng tin lời anh Tấn, không hy vọng gì nơi ông Mai, mà anh Tấn thì không muốn ai biết gì về anh Trí, ngoại trừ anh là người có uỷ quyền.

Cho nên sự đón tiếp ông Mai, mà tôi suy đoán, không lấy gì làm vui vẻ, khiến ông phật ý đến phần nộ mà lời lẽ trong cuốn sách nghe như “giận cá chém thớt”.

Dù vậy, ông Trần Thanh Mai cũng đã tỏ ra có nghiên cứu về Hàn Mặc Tử với nhiều định kiến mà ông tin chắc là đúng, và ông đã hoạch định một phương án khá chính xác dựa trên cơ sở khoa học và tâm lý.

Ông Mai viết rằng: “Với những phương pháp mới xưa nay chưa từng có trong lịch sử văn học Việt Nam, tôi đã phân tích ra từng cử chỉ trong tác phẩm của nhà thi sĩ, từng giai thoại trong đời người.

Những cái ấy mà bề ngoài tưởng như vô bổ ích và chỉ để kéo dài dòng tư tưởng, đều ăn nhịp với nhau như những vòng của sợi dây chuyền, để mà ảnh hưởng đến đích của người viết muốn đi tới:

“Cắt nghĩa thi phẩm của nhà thơ”.

“Không rõ hết những cái vật vãnh, thắc mắc trong đời một thi sĩ, không làm sao hiểu được thơ người ấy.”

Nói thì nói như vậy, nhưng khi ông không đạt được những gì mà ông muốn tìm biết về anh Trí thì chính những cái vật vãnh mà ông nói trên, đã làm cho ông lúng túng, phải để nhiều khoảng trống trong phương án khiến nhiều dự kiến bị lạc lõng không được đặt lại cho chính xác.

Chẳng hạn như ông dự liệu đề cao thiên tài Hàn Mặc Tử lên cỡ Marcel Proust, đại văn hào Pháp, mà đã được sinh ra trong trường hợp bất thường, thiếu thán, vì bà mẹ bị khủng hoảng tinh thần, thì Hàn Mặc Tử cũng phải được sinh ra thiếu thán trong cơn tuý loạn (chẳng hạn) của bà mẹ. Chỉ vì ông trông thấy anh Trí nhỏ thó, và theo ông là có vẻ “điên điên”, cho nên ông suy diễn thêm cái hình thù quái dị của con nhái chàng để phù hợp với hậu quả tai hại của rượu lậu mà cha tôi làm *Thương chánh mang về đầy nhà* (mặc dù sự suy diễn đó không có cơ sở vững chắc như đã nói ở chương I).

Không biết đoạn văn này có nằm trong cơn phần nộ nhằm *trả đũa* không, mà ông giảm bớt kích thước của thiên tài Hàn Mặc Tử xuống bằng con nhái chàng, để bày tỏ quyền ban ơn có hạn chế theo “cung cách dòng họ Cổ Y”.

Thủ đoạn viết lách của nhà văn xứ Huế đó, khiến tôi phải kiêng nể. Hồ Lư, một bạn cũ, có một câu “xanh dờn về ông Mai: “Anh chưa biết cái sâu sắc đáng sợ của nhà văn xứ Huế đó đâu”. Rồi anh tiếp nửa đùa nửa thật như lối nói những anh chàng nhà báo tỏ ra lão luyện.

“Ông ta giận ông Tấn, thách đố ngang tàng, vậy mà cứ ngọt ngào đề cao tinh thần nghĩa hiệp, rồi phong tước Mạnh thường quân cho ông ấy chỉ vì có mấy chục bạc”.

Cả anh Bùi Tuân cũng bày tỏ khâm phục ông Mai một cách dè dặt.

Kể ra cũng đáng sợ thật, khi đọc đến đoạn văn nói về chị Mai Đình, ông Mai giới thiệu một cách thân mật như “không còn gì phải che đậy nữa”, để rồi mô tả cuộc tình giữa cô gái yêu văn đó với nhà thơ phụng đã diễn ra như thật nồng nàn suốt mấy tuần trăng mật.

Đoạn văn xuyên tạc này đã hạ thấp giá trị cây viết, nhà văn xứ Huế đó.

*

Ở địa hạt bệnh hoạn, ông Mai viết: “Marcel Proust có bị bệnh suyễn cột chân trên giường, mới phát kiến ra được thuyết thời gian, Hàn Mặc Tử có mắc bệnh phong cùi, thơ Việt Nam mới thấy mở ra những chân trời mới lạ.” Và ông nói: Bệnh hủi đã ảnh hưởng anh Trí trong thơ văn mà *Trăng đã tác động từng lúc khuyết hay tròn*.

Ông Mai muốn chứng minh bằng trích dẫn lại người hủi thành Aoste của Xavier de Maistre. “Cơn bệnh lên xuống, tăng hay giảm theo cơn trăng tròn hay khuyết”. Lập luận như vậy hình như không vững, vì chính ông cũng thú nhận không hề có sách nào nói đến ảnh hưởng của trăng đối với người mắc bệnh hủi.

Ngay cả những người hủi ở Quy Hòa mà ông đã gặp trong chuyến đi điều tra, cũng không ai xác nhận điều ấy.

Cuối cùng, ông dựa vào sự thể có hai phần ba thơ trong tập **Đau Thương**, nói đến trăng, để kết luận có liên quan đến trăng.

Thật ra thì, trăng ở trong thơ Hàn Mặc Tử không có vẻ gì hành hạ anh, nghĩa là không ảnh hưởng gì đến bệnh hoạn mà hình như rất quen thuộc, ràng rịt như một bạn tình không dứt bỏ nhau được.

Ở điểm này tôi xin nhắc lại sự kiện anh bị ám ảnh của Trăng như thế nào, trước khi mắc bệnh, mà trăng là một tình nghĩa thắm thiết, quen nhau với anh Trí từ năm 1924-1925-1926 cho đến khi anh mang bệnh.

Đó là thời gian gia đình chúng tôi còn ở Sa Kỳ (đã kể trong chương I khi nhắc đến lúc còn đi học ở Quảng Ngãi). Tại đó có một động cát lớn rất đẹp về đêm, trong những mùa trăng sáng. Con trăng ở đó huyền hoặc, dị thường gây nhiều ảo giác rờn rợn khi chúng tôi còn nhỏ thường hay đến chơi.

Bài văn xuôi **Chơi giữa mùa trăng** là kỷ niệm khó quên trong đời anh, đã trở thành áng văn trác tuyệt. Về sau, những khi còn học ở Huế, mỗi lần đi về Quy Nhơn anh thường ghé Quảng Ngãi để đi Sa Kỳ (cách 12 cây số) thăm lại con trăng đó, như bị một hấp lực quyền rũ lạ lùng mà anh không cưỡng nổi.

Anh thường nói với tôi: “Động cát Sa Kỳ vẫn còn đẹp như xưa” và anh đùa “Trăng đó lớn lắm rồi và đẹp lắm”.

Không biết anh có ám chỉ người con gái ngày xưa mà anh gọi là **Gái Quê** tên của tập thơ anh. Chắc là cả hai. Trăng và Nàng. Anh cũng có bài thơ, nhắc lại mối tình trẻ con đó:

*Từ lúc tóc em bỏ trái đào
Tới chừng cặp má đỏ au au*

.....

*Nghe nói ba em chưa chịu nhận
Cau trầu của khách lảng giềng bên.*

Trong bài *Chơi giữa mùa trăng* và các bài thơ khác, Anh đã phản ánh lại, đã sống lại những mùa trăng ở đó.

“Chúng tôi đang ở giữa mùa trăng... Tôi bỗng thấy chị tôi có vẻ thanh thoát quá, tinh khôi, tươi tốt và oai nghi như pho tượng Đức Bà Maria... Những phút sáng lảng như hôm nay, soi sáng linh hồn và giải thoát cái “ta” của tôi ra khỏi giam cầm xác thịt...”

Những lúc đau yếu, trăng giúp anh thoát khỏi cái “ta” dẫn dắt anh thoát ra ngoài xác thịt, chu du trên vầng thượng thanh khí...

Ảnh hưởng của trăng to lớn đã bắt đầu từ bài **Trăng Sa Kỳ**.

Con trăng ở đó đã ghi đậm vào não trạng anh nhiều hình ảnh tuyệt vời, hình ảnh Đức Trinh nữ Maria mà trăng là ánh sáng thanh khiết luôn luôn bám sát trí khôn Anh với ý muốn ngày càng dâng lên cao cho tới thiên đàng.

Anh thường ca tụng ánh sáng Trăng là ánh sáng muôn năm. Anh viết về

VẮNG TRĂNG

*Hãy nâng lên, và nâng lên chút nữa
Sáng thơm tho như ánh ngọc hừng đông*

.....
*Lạy Chúa tôi, vầng trăng cao giá lắm
Xin ban ơn bằng cách ánh thêm lên
Ánh thêm lên cho không gian rất đậm
Linh hồn tôi, thơ mát rượi hương nguyên*

Nhớ Sa Kỳ, nhớ con Trăng tình nghĩa đó Anh viết:

*Ha, ha, ta đuổi theo trăng
Ta đuổi theo trăng
Trăng bay lả tả ngả trên cành vàng
Tới đây là nơi tôi được gặp Nàng.*

Và đi “Chơi trên trăng” rất thích thú

*Tôi đi trong ánh sương mờ
Tìm con “Trăng” lạc ngoài bờ bên kia...
Tôi nhập hồn tôi trong khúc hát
Để nhờ không khí đẩy lên trăng
Để nghe tiếng nhạc Nghê Thương trối
Để hợp tình anh của Nguyễn cầu
Và để thoát ly ngoài thế giới
Để cười để trũng để yêu nhau.*

Trên đây là một bài thơ không thể gán cho của một người cùi buồn thảm được. Vì thế, tôi thiết nghĩ, trăng không liên quan gì bao nhiêu đến bệnh trạng của anh Trí.

Những cảnh trí sáng ngời trong các bài thơ nói đến trăng không thể nào tìm thấy nơi tâm hồn buồn tẻ của những người bất hạnh với bệnh hủi nan y.

Ông Mai cũng đã nghĩ đến một chứng bệnh tâm thần mà ảnh hưởng có thể đẩy cảm nghĩ anh Trí ra ngoài thực tế. Dù ông Mai đã mất đi cái cơ hội tìm hiểu cận kề về Hàn Mặc Tử, tôi vẫn thấy ông rất tế nhị khi ông nhận xét qua văn thơ anh:

“Hơn hết cả thi hào trên thế giới, Hàn Mặc Tử đã phóng thoát ra cái bản năng loài người, cỏi lột được bao nhiêu cốt cách của loài người để ăn nhịp vào vũ trụ, *biến thành một hiện tượng của vũ trụ.*

“Nhờ nguồn cảm thụ lực mạnh phát triển đến cực độ, Hàn Mặc Tử là nhà thơ đầu tiên nghe ngóng được những lời âm thầm của tạo vật, nghe được cả hơi thở của cành lá, cả va chạm của hai đường ánh sáng”.

Đó là một sự bí mật rất lớn về Hàn Mặc Tử mà năm mươi năm ít ai hiểu nổi “Anh là ai”.

Nếu chỉ dựa trên khoa học, chứng minh sách vở thì hiện tượng bên ngoài có thể dẫn dắt đến sai lạc.

Viết lại thiên hồi ký này, tôi xin xác nhận một lần nữa: Theo tôi thì anh Trí là một người bình thường như mọi người, đôi khi còn tầm thường nữa trong những cơn hỉ nộ ái ố lạc mà người đã đưa đến cho anh. Thế nhưng, cái gì đã xảy đến, biến đổi anh trở thành khó hiểu như vậy.

Tôi đã từng theo dõi những đam mê, diễn biến tâm trạng, những biến cải hình thể anh, trong những năm ở gần anh nên không thể không xem đó là một điều lạ lùng chưa từng nghe thấy.

Tôi đã ghi nhận biến cải đó từ sau lần anh suýt chết đuối ở bờ biển Quy Nhơn. Mỗi lần nhớ lại, tôi vẫn còn sợ hãi, không quên được cảnh tôi trông thấy Anh không còn giống Anh nữa, Anh khác lạ hẳn đi với đôi mắt lạc thần.

Cảnh tượng đó ám ảnh tôi mãi mà tôi tin anh đã được ơn cứu trợ lạ lùng của Đức Mẹ. Cho đến nay đức tin đó, tôi xem là đáp số vững chắc để cắt nghĩa những gì nghi ngại về Anh.

Khả năng tế nhị trong văn chương, trong âm nhạc đều bắt đầu tác động anh từ lúc đó, từ lúc mà Anh sống thu hình lại cả tâm hồn lẫn thể xác mà vốn dĩ ham muốn dồi dào súc tích đã có sẵn từ bẩm sinh.

Những cảm xúc bùng bột nồng nổi trong thể trạng khoẻ mạnh, đã xô đẩy anh không ngừng từ đam mê này đến đam mê khác, cho đến một thời điểm nhất định bắt Anh phải dừng lại, rồi hướng Anh đi sâu vào một trạng thái suy niệm đến xuất thần.

Thời điểm đó đã đến với Anh một cách thình lình, như chớp lóá sáng chói, khiến Anh ngất đi, ngỡ ngác mù mịt, để rồi biến cải Anh hoàn toàn.

Từ đó thơ Anh cũng bị ảnh hưởng, nhất là bước vào địa hạt thơ mới, mà tư tưởng Baudelaire và các môn đồ bắt đầu muốn tác động nguồn thơ phú của Anh. Có vẻ như Anh đã đấu tranh không ngừng với ảnh hưởng của thơ thác loạn trong tình yêu.

Khi ở Sài gòn về Anh tìm cho Anh một lối thoát. Đó là Trăng mà khởi đầu là bài Bến lữ được giới nhà văn tán thưởng nhiệt liệt, vì trong đó Anh còn *pha trộn nhiều màu sắc thời đại:*

*Trăng nằm sóng soài trên cành liễu
Đợi gió đông về để lả lơi
Hoa lá ngây tình không muốn động
Lòng em hồi hộp chị Hằng ơi.*

*Trong khóm ví lau rào rạt mãi
Tiếng lòng ai nói sao im đi?
Ô kìa, bóng nguyệt trần truồng tắm
Lộ cái khuôn vàng dưới đáy khe.*

*Vô tình để gió hôn bên má
Bẽn lẽn làm sao lúc nửa đêm
Em sợ lang quân em biết được
Nghỉ ngơi tới cái tiết trinh em.*

Thế nhưng, càng về sau, thì trăng của Anh càng trinh khiết và càng ngày càng thoát tục hơn, không pha trộn gì nữa.

Trong những bài thơ Anh viết về mối tình Hoàng Hoa, Mộng Cầm, đều mượn trăng hoa, nắng gió để thay thế bạn tình, những cơn rào rạt yêu đương.

Rõ ràng nhất trong bài:

HÃY NHẬP HỒN EM

*Trời từ bi cảm động ứa sương mờ
Sai gió lại lay hồn trong kẽ lá
Trăng choáng váng với hoa tàn cùng ngã
Anh đoán chừng cơn ấy em ngắt đi
Khổ lòng chưa em hỏi Mộng tình si
Cuồng dại quá, khiến nước mây sừng sững
Nhưng qua rồi, những phút giây tư tưởng
Anh nhìn trăng lớn lên đầu ngành cao
Phải giờ này em đang lúc chiêm bao
Và chính giờ, anh đang yêu em thiết
Em hãy nhập hồn em vào bóng nguyệt.*

Anh không thể yêu ai bằng xác thịt mà người yêu phải nhập vào trăng. Anh nói rõ hơn trong bài:

RƯỢT TRĂNG

*... Tới đây là nơi tôi được gặp nàng
Chúng tôi nói chuyện bằng hơi thở
Dần dần hoa cỏ biến ra thơ
Chúng tôi là người của ước mơ
Không xác thịt chỉ có linh hồn đang mộng.*

Trong cuốn sách **Hàn Mặc Tử**, trăng là tiết mục quan trọng mà cần phải mổ xẻ, khai triển nhiều khía cạnh khác nhau để giải thích tư tưởng, tình ý của Anh.

Hầu hết các bài thơ, bất kể là trong tập thơ **Đau Thương** hay trong **Gái Quê** gần như mỗi bài

đều có một hay nhiều chữ *trắng*.

Trắng trở thành một ám ảnh, một thói quen trong thơ Hàn Mặc Tử, không thể thiếu được cho thơ Anh. Trắng đôi khi rất sống động trong các mối tình, cao trọng trong các lời cầu nguyện, êm ái trong đau thương, mua vui trong những cơn buồn bã, và luôn luôn dẫn đưa Anh ra khỏi cái “Ta” nặng nề của xác thịt.

Tiếc thay, ông Mai đã để mất đi cái *vòng xích* của sợi *dây chuyền vật vãn*, như ông đã nói, nên ông không thể hiểu biết cội rễ con trắng đã ảnh hưởng đến văn thơ Hàn Mặc Tử như thế nào.

Sự thiếu sót này, làm cho người đọc mất đi cơ hội nghe ông Mai bình luận các bài thơ huyền diệu của Anh. Tuy nhiên, ông Trần Thanh Mai cũng tìm được cách lấp dấu sự thiếu sót đó bằng một thủ thuật tâm lý rất thành công.

Ông nhấn mạnh đến bệnh hoạn, nghèo túng, để phủ phàng lên án tinh thần vô trách nhiệm của gia đình, anh em, cho là bạn bè bỏ bê, rẻ rúng Anh trong cô quạnh bi đát của tình phụ. Tất cả bằng một giọng văn oán trách kích động lòng trắc ẩn của mọi người mà không thể nào bỏ qua được.

Kế hoạch này đã giúp ông đưa độc giả đến gần với anh Trí, yêu mến Anh mà không cần đi sâu vào văn thơ Anh. Người đọc dễ dàng quên đi, không tìm hiểu thơ, mà chỉ chú trọng đến nỗi bất hạnh của nhà thơ trẻ tuổi đã chết trong tế lạnh nghèo nàn.

Ông Mai không cắt nghĩa các bài thơ hay về nội dung, nhưng nói đến âm nhạc trong thơ, hướng dẫn độc giả nghe những bài thơ trong đó âm điệu đã làm cho độc giả rung cảm dễ dàng.

Ông cũng còn tìm ra được lối đọc thơ theo thể ngắt quãng, cho bài thơ trở thành bài nhạc có nhịp điệu quyến rũ người đọc tài tình. Chính nhờ ở điểm tài ba đó, người đọc say mê thích thú với thơ Hàn Mặc Tử và yêu mến Anh.

Ông Chế Lan Viên từng viết về đề tựa cho tập thơ **Hàn Mặc Tử** (xuất bản ở Nghĩa Bình) đã lý luận trong một đoạn văn về sự tìm hiểu thơ văn Hàn Mặc Tử. Ông nói: “... Các nhà thơ khác, ta tìm hiểu rồi làm quen, quen rồi đến thuộc nhập tâm, ta càng khám phá ra yêu họ. Nhưng với Hàn Mặc Tử, có khi phải yêu Anh trước, thuộc anh trước, như thế là quen với những “Kỳ” những “Siêu”, những “Điên”, những “dại”, những “tột đáy”, những “tột trời” và như thế ta lại “hiểu” được Anh.”

Ông Mai cũng đánh mạnh vào tình cảm đương thời, và mọi người đều thương số phận Anh, thương cái bất hạnh của Anh mà yêu mến Anh tha thiết. Nhờ vậy, mà ông Mai đã thành công rất lớn về phía đó. Mặc dầu chưa ai hiểu được thơ Anh bao nhiêu. Con người Anh gắn liền với thơ Anh đã được người đời tìm hiểu từ năm mươi năm chỉ vì yêu mến Anh.

*

Năm 1942, tôi về Huế mấy hôm, ngồi ở Lạc Viên, đi qua Paul Bert, Trường Tiền, ở đâu cũng nghe người bạn trẻ của Khải Định, của Đồng Khánh, trao đổi với nhau những văn thơ tình tứ hay xót xa như trong bài:

NHỮNG GIỌT LỆ

*Tôi vẫn còn đây hay ở đâu
Ai đem tôi bỏ dưới trời sâu*

*Sao bông phượng nở trong màu huyết
Nhỏ xuống lòng tôi những giọt châu.*

Ngay cả trên đũa, họ đọc cho nhau nghe “**Nỗi buồn vô duyên**” nhưng *Thương Thương* lại đọc trại ra *Nương Nương*:

*Chiều nay tàn tạ hồn hoa
Nhớ Nương Nương quá xót xa tâm bào...*

Tôi sung sướng đến ứa lệ, khi nghe mọi người đều biết Anh tôi, ngâm thơ Anh tôi và yêu mến Anh. Gia đình tôi cũng mãi nguyện không còn mong gì hơn. Cay đắng tủi nhục đã được đền bù xứng đáng.

Tên tuổi Hàn Mặc Tử nổi lên rất cao, cũng đồng thời tên tuổi Trần Thanh Mai được nhắc đến, nhất là sau vụ kiện “đạo văn” mà ông Quách Tấn đứng tư cách dân sự nguyên cáo.

Ông Mai bị kiện vì trích dẫn quá nhiều văn Hàn Mặc Tử mà không có sự đồng ý của ông Tấn là người được uỷ quyền bảo thủ. Đã một dạo, người ta bàn tán xôn xao cái chuyện “ăn trộm” văn (đạo văn) đó.

Dư luận ngã nhiều thiện cảm về phía ông Mai, và ông Mai bỗng trở thành người “hùng” của vụ kiện lịch sử văn học chưa từng có. Cố nhiên là cuốn Hàn Mặc Tử bán chạy như tôm tươi. Tên tuổi Hàn Mặc Tử lại càng mở rộng tươi thắm như hoa. Vụ kiện đạo văn đó đã được tòa tuyên xử bác đơn của ông Quách Tấn. Nghe nói ông Tấn không đến dự nghe phán quyết của tòa.

Còn ở lại Huế mấy hôm, tôi nhờ bạn bè chỉ dẫn đến thăm ông Trần Thanh Mai với mục đích trước hết là cảm ơn ông đã thực hiện được mơ ước của anh Trí. Đồng thời mang đến cho ông một số tài liệu văn bản về cuộc đời anh Trí mà chưa hề được tiết lộ, trong đó có nhiều nhận xét và cảm nghĩ trung thực của người em gần gũi, có truyền giao cảm ứng với Anh, cũng như nhiều sai biệt liên quan đến danh dự những người đã kinh qua cuộc đời Hàn Mặc Tử.

Tôi đã đến căn nhà 24, 25 gò đê bờ sông Quai (Đông Ba). Khi vào đến cửa, một thiếu phụ hỏi. Tôi nói xin gặp ông Trần Thanh Mai. Bà hỏi tôi: “Ông là ai? – Tôi là em ruột Hàn Mặc Tử”. Người đàn ông dáng tầm thước, vẻ quan trọng đang ngồi nơi phòng khách ngẩng nhìn tôi, rồi trả lời: “Ở đây không phải nhà ông Mai”.

Tôi ra về gặp anh Bùi Tuân, kể lại chuyện đi thăm ông Mai. Tuân nói: “Có lẽ là nhà của giáo sư Nguyễn Đình Thuý con rể cụ Trần Thanh Đạt, hình như ông Mai ở bên An Cự thì phải”. Tôi nhờ anh Tuân chuyển lời tôi cảm ơn ông Mai và không quay lại nữa.

Từ đó tôi không có dịp ra Huế gặp lại ông Mai vì còn bận phải “tha phương cầu thực”. Nhưng lòng tôi vẫn còn ân hận không giúp được gì thêm cho ông Mai để hoàn thành tốt đẹp hơn tác phẩm của ông về Hàn Mặc Tử mà tôi tin tài năng ông còn có thể làm cho nổi tiếng hơn.

*

Năm 1946, khi anh Quách Tấn từ Nha Trang di tản về Bình Định, có đến báo tin cho gia đình tôi biết anh đã bỏ rơi dọc đường tất cả thơ văn bút tích anh Trí trong khi chạy giặc. Gia đình tôi không ai phản ứng gì, có vẻ như đã khoán trắng cho anh Tấn rồi. Mẹ tôi cũng không có vẻ gì phiến trách anh.

Nghĩ đến cái mất mát vô cùng bất hạnh đó, tôi thầm cảm ơn ông Mai đã phổ biến được nhiều bài thơ giá trị của Hàn Mặc Tử cho người đời thưởng thức tài năng Anh, có ông Mai tài năng Anh mới được người đời biết đến.

Cuốn **Hàn Mặc Tử** không ra đời, e không ai biết đến thơ Anh Trí rộng rãi như vậy. Nếu có đọc được bài nào của Anh, mà biết chắc là của Anh đi nữa, thì nếu không bị bóp méo vo tròn cũng có tên tuổi kẻ nào đó ký dưới bài thơ.

Đó là một cú đạo văn có kích thước lớn mà không ai kiện cáo gì được. Năm mươi năm rồi, còn luật lệ gì nữa.

Nguyễn Minh, người bạn đồng sở với tôi ở Nha Trang cũng tản cư ra Bình Định, kể chuyện đi ngang khu chợ Đầm trông thấy vô số mảnh giấy đã ngả màu vàng, mà người bán hàng ở chợ lượm về gói hành tỏi. Anh cũng có mang theo một số cho tôi xem. Đó là những bài thơ Anh Trí đã sáng tác, bút tích có chỗ bị gạch xóa, có nhiều chỗ đổi hết ý nghĩa mà tôi biết. Tôi còn đọc được mấy câu.

ĐÔI TA

*Cố làm ngơ không biết đến thời gian
Đến bông hoa tàn tạ với trăng ngàn v.v...*

...

Thế là mất hết thơ Anh Trí rồi!

Bất giác nhớ lại bài thơ “**Nhớ Trường Xuyên**” anh Trí viết tặng anh Tấn, đến nay đọc lại nghe còn nghẹn ngào:

*Trường Xuyên ơi! Trường Xuyên ơi!
Viết chẳng nên câu nói nghẹn lời...
Ai nhờ ai thương mình quá tẻ
Có ai khăng khít lại quên ai.*

*

Viết lại chương này, tôi chỉ mong mang đến cho cuốn sách **Hàn Mặc Tử** những cái vật vãnh mà ông Trần Thanh Mai không có cơ duyên tìm thấy từ nửa thế kỷ nay, cái mất xích cần thiết để nối sợi dây chuyền tài liệu, khiến cho sách của ông bị mất đi một phần lớn giá trị mà tài năng ông chưa có dịp phát huy hết được. Tiếc thay, ông đã qua đời.

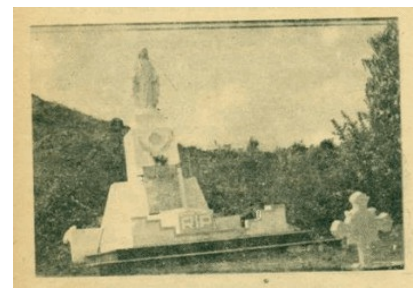
Và tôi cũng tâm niệm từ năm mươi năm nay:

“Trả lại César những gì thuộc về César”.

*

CHƯƠNG VIII

CHUNG QUANH MỘ HÀN MẶC TỬ



“Bây giờ Hàn Mặc Tử nằm trên một điểm cao Gành Ráng đối diện với Bể Đông, bể sáng chói như thơ Anh, và giông bão tựa đời Anh.”

Đọc câu này trong bài tựa “**Thơ Hàn Mặc Tử**” của Chế Lan Viên, tôi cũng rất sung sướng và hãnh diện về sự nghiệp thơ văn của Anh tôi. Nhưng cũng không khỏi băn khoăn về cuộc đời giông bão của Anh đã đi qua, mà năm mươi năm rồi thỉnh thoảng vẫn còn bão rớt.

Điểm cao Anh đang nằm nay đã sáng lòa, vì thơ Anh đang được những người bạn tình nghĩa Quy Nhơn, tung lên như trăng sao sáng ngời, như hoa thơm ngào ngạt. Mộ Anh đang được phủ lên bao nhiêu hào quang sáng chói.

Nhưng liệu giông bão còn đe dọa nữa không? Vì dư âm những luồng gió tàn bạo thổi qua xô đẩy mộ Anh, không cho tôi yên lòng, từ khi Anh rời bỏ hàng phi lao bờ biển Quy Hòa để về nằm trên Gành Ráng, nhìn lại thành phố Quy Nhơn, nhìn lại con đường Khải Định triu mến của Anh và của bạn bè Anh trước đây năm mươi năm.

*

Đầu năm 1955, khi tôi trở về làm việc tại Quy Nhơn, việc đầu tiên là tôi phải hết sức dành dụm một số tiền lớn để cải táng Anh tôi ra Gành Ráng, nơi mà tôi đã để tâm lựa chọn và mơ ước từ khi Anh qua đời.

Tôi đem việc này thử bàn với anh Quách Tấn, lúc bấy giờ cùng làm việc một chỗ với tôi. Anh Tấn không đồng ý. Anh nói: “Hàn Mặc Tử ngày nay không còn thuộc về gia đình chú nữa (anh quen gọi tôi bằng chú) mà là của giới văn nghệ sĩ, tôi biết họ đang lo. Chú đừng quan tâm tới nữa.”

Quả thực, tôi không hề nghe ai nói đến chuyện ấy, nên không hiểu hết ý nghĩa câu nói trên. đành phải chờ đợi vậy.

Qua năm 1957, tôi nhắc lại việc cải táng, ông Tấn vẫn bảo chờ. Tôi nhờ anh Bùi Tuân thăm dò các nhà văn Huế và Sài Gòn xem anh Tấn nói có thật không, để tôi tự liệu vì hai năm trôi qua, không nghe anh Tấn nhắc nhở đến.

Năm sau, gặp tôi ở Sài Gòn, anh Bùi Tuân xác nhận là không hề có chuyện nhà văn miền Nam quyết định xây mộ cho Hàn Mặc Tử”. Không biết anh Tấn nghe tin ấy ở đâu.

Ông Thái Văn Kiểm nói với Bùi Tuân, muốn tôi viết lại đời anh Trí. Những nhà văn chân chính đều chỉ mong như thế thôi, không nghe ai nói đứng ra cải táng cho anh Trí.

Tôi rất do dự, trước hết là lời trời mẹ tôi không muốn tôi dấn động gì đến chuyện anh Trí, mặc dầu tôi rất muốn làm sáng tỏ nhiều vấn đề liên quan đến sự nghiệp văn chương Hàn Mặc Tử.

Ngoại trừ một số ít nhà văn bạn anh Trí, thỉnh thoảng hay nói đến Anh, còn thì xem ra có phần lãnh đạm, ngay cả trong địa hạt viết văn, đừng nói chi chuyện đứng ra xây mộ cho Anh.

Ở miền Nam, thời kỳ ấy nhiều cảm nghị dị biệt thậm chí chống đối rõ ràng trong chính trị và tôn giáo bắt đầu nảy sinh và ảnh hưởng đến cả địa hạt văn chương và nghệ thuật: Tôi không muốn để anh Trí bị liên can gián tiếp.

Riêng việc xây mộ cho Anh thôi, tôi cũng đã linh cảm, qua những ý kiến các bạn thân có nhiều cái nhìn soi bói ganh tị rồi. Chắc anh Tấn cũng biết như vậy, nên anh không còn nhắc nhở đến việc xây mộ nữa.

Trước hoàn cảnh có phần khó khăn đó, tôi xét thấy phải hoàn thành gấp việc xây mộ, sẵn sàng chấp nhận mọi rủi ro nếu có. Và âm thầm lựa chọn địa điểm trước, vì tôi nghĩ địa điểm ở Gành Ráng là yếu tố quan trọng có thể tạo nhiều khó khăn cho tôi, nếu tôi để mất đi hoàn cảnh thuận tiện mà tôi đang nắm.

Địa điểm tôi lựa chọn là một khoảnh đất bằng phẳng, có chiều ngang khá rộng, nằm bên sườn Gành Ráng cao hơn mặt đường độ 5, 6 thước, có bậc đá thiên nhiên rất đẹp nếu sắp xếp lại chút ít.

Tôi đoán là một nền cũ đồn điền biên phòng có từ đời Gia Long. Dưới chân là con đường rải đá chạy dài lên phía lầu hoang phố của Cựu hoàng Bảo Đại. Xuống phía thấp về bên kia đường là dòng nước trong mát, từ Suối Tiên chảy ra biển uốn quanh theo gành đá rất nên thơ. Một chiếc cầu nhỏ dưới dốc bắt ngang con suối rẽ làm hai ngã: lên mộ và đi vào Quy Hòa.

Những ngày cuối đời ở Gành Ráng, anh Trí thường ngồi trong mái nhà tranh, dưới cây phượng vĩ, ngắm chiếc cầu đó, con suối đó và chắc chắn không khỏi nhớ hai câu thơ cụ Tiên Điền:

*Nao nao dòng nước uốn quanh
Nhịp cầu nho nhỏ cuối gành bắc ngang.*

Tôi rất mãn nguyện đã tìm được nơi đây mà hình như định mệnh đã dành riêng cho Anh, chờ đợi Anh từ bao giờ như Anh mơ ước tiên tri:

*Một mai kia ở bên khe nước ngọc
Vội sao sương, Anh nằm chết như trăng.*

Cuối năm 1958, dành dụm được 30 ngàn đồng, tính ra cũng đủ số để cải táng và xây mộ Anh.

Tôi đặt mua ở Sài Gòn pho tượng Đức Mẹ ban ơn cao gần hai thước, và đi Đà Nẵng mua một tấm bia cẩm thạch. Khi tôi đang vẽ mẫu chữ để khắc vào tấm bia, chị Như Lễ đến thăm, trông thấy tôi ghi tên mỗi người trong gia đình, chị bảo: “Cậu đừng quên để tên ông Tấn vào bia mộ, cho có tình nghĩa anh em”. Tôi nói đùa: “Tôi không quên đâu, chị đừng lo. Chỉ sợ bia đá có mòn

hay vỡ đi thôi”. (Câu nói đùa này suýt thành sự thực năm 1963, khi mộ bị đập phá).

Về sau, khi xây xong mộ, tôi trở về Nha Trang một ít lâu, được tin anh Tấn có mang đến giao chị Lễ 20 ngàn đồng, nói là để góp phần xây mộ. Nghĩ cũng lạ, anh Tấn không bao giờ nói chuyện trực tiếp với tôi về việc xây mộ, mà anh cũng biết tôi vẫn giữ ý định đó. Cũng như không bao giờ cho tôi biết những gì liên quan đến văn thơ anh Trí, sau khi anh tuyên bố đã làm mất hết. Cho nên tôi trả lời chị Lễ không nhận bất cứ của ai đóng góp vào việc xây mộ anh Trí vì là việc riêng của tôi. Tôi xin cảm ơn anh Quách Tấn.

Tết Kỷ Hợi, tôi ra Quy Nhơn, xuống Ty Công Chánh, mượn bản đồ vẽ lại địa điểm Gành Ráng để xin trưng một khoảnh đất bên sườn gành, gần một mẫu tây, và lập hồ sơ chuyển qua Tòa Hành Chánh tỉnh, xin đăng ký và trước bạ.

Ở lại Quy Nhơn mấy hôm tôi vẽ lại bản đồ xây cất mộ, rồi xin giấy cải táng, xây mộ như luật định, anh Tấn nghe tin đến hỏi.

Chiều hôm ấy, tôi mời anh Tấn đi xem địa điểm, anh rất ngỡ ngàng vì công việc tôi đã chuẩn bị sẵn sàng mà không cho anh biết gì cả, nhưng anh vẫn không nói gì.

Tôi báo tin anh biết, ngày mai tôi mời anh đi cải táng, và nhờ anh chuyển lời cảm ơn *hảo ý giới văn nghệ sĩ như anh đã nói*.

Sáng hôm sau, tôi mượn thêm một chiếc xe jeep, nhờ người cháu rể là Nguyễn Tú đưa hai người phu bốc mộ vào Gành Ráng trước. Tôi còn phải đi đón anh Tấn, hai bà chị và chú Hiếu sẽ vào sau.

Đến Gành Ráng mọi người đi xem địa điểm mà tôi đã thuê khai quang hôm trước. Các tảng đá được sắp xếp lại ngay ngắn để cho dễ dàng lên xuống. Tôi bảo Tú lại xe đưa phu vào trước Quy Hòa mà tôi đã báo tin cho các nữ tu.

Kiểm điểm lại lần chót mọi vật liệu đã chuẩn bị, tôi mời mọi người lên xe vào dự cuộc bốc mộ. Có vẻ như ái ngại nhìn nhau, anh Tấn thì như không nghe tôi mời, xăm xúi đi về phía quán nước bên đường. Hai bà chị và chú em, được thể anh Tấn không đi cũng nói: “Thôi để cậu đi một mình được rồi”.

Tôi không biết phải ăn nói làm sao, đành lên xe đi một mình, nhìn lại chiếc xe trống trơn, lòng ngậm ngùi thương Anh vô hạn.

Cũng còn may được một phần an ủi, là có người cháu rể Nguyễn Tú vốn con ông Nghị Nguyễn Văn Tôn mà tập báo **Năng Xuân** 1936 (trong đó có bài anh Trí viết) đã gọi ông là Nghị Gật.

Nay Tú tình nguyện đi theo bốc mộ Bác Trí khiến cho tôi rất cảm kích.

Vào đến hàng phi lao, đã thấy sơ Louise, nữ tu Phanxico chờ sẵn để hướng dẫn đến mộ. Cây thánh giá bằng xi măng cốt thép nằm ngang trên đầu mộ, còn đọc được: FRANCOIS XAVIER Nguyễn Trọng Trí.

Bà Louise chỉ vào mộ, nhìn tôi: “Ô, Jacques, ngày trước thường vào đây săn sóc mộ, nói rằng mộ anh ông Tín đó” (Ông Jacques là lộ phu trương, phụ trách khu vực Quy Hòa từng giúp việc ở sở tôi từ 1942-1945 thời gian tôi làm việc tại đó).

Mộ anh Trí nằm cạnh cây phi lao hàng thứ hai, cách mực nước biển 40 thước, hàng phi lao thứ nhất gần mặt nước hơn, nên còn thừa thớt. Giữa hai hàng phi lao, là con đường xe chạy thẳng đến Bệnh viện.

Hai người phu phải đào sâu hơn một thước, mới gặp được hài cốt đã rã mục gần hết. Cát biển đã bồi và thanh lọc gần hết chất đen, biến thành xám chỗ đậm chỗ lợt. Tôi bảo người phu mộ hốt hết cho vào quách.

Tất cả đều lên xe với cây thánh giá cũ. Anh Tú lái xe ra Gành Ràng trước, tôi theo bà Louise vào bệnh viện, cảm ơn các bà và mọi người đã giúp đỡ anh Trí những ngày cuối cùng tại bệnh viện. Tôi không quên xin lễ cầu hồn trước khi cáo biệt.

Khi trở ra Gành Ràng, mọi người chờ sẵn, chỉ thiếu có anh Tấn, không biết anh đi đâu nên phải chờ. Tôi đã cho đào huyết trước hướng đầu vào núi, nhìn xuống thành phố Quy Nhơn. Đang lúc ấy, anh Tấn quay lại với hai người thanh niên tự xưng là cảnh sát địa phương.

Tôi hơi ngạc nhiên, không biết anh Tấn moi đâu ra được hai anh cảnh sát này, vì khi vào khai quang địa điểm, tôi có tìm hỏi cơ quan Hội đồng xã để khai báo, nhưng không có ai, cũng không có trụ sở. Dân địa phương không có bao nhiêu gia đình.

Anh Tấn cho tôi biết, hai người này muốn xem giấy phép cải táng và xây mộ. Tôi trả lời không tìm thấy cơ quan nên không mang theo giấy phép. Hai người này nói năng ắp úng, nhưng không chịu rời đi.

Tôi đề nghị đưa họ về tòa Hành chánh tỉnh xem hồ sơ tôi đã đệ nạp mà tỉnh trưởng Lê Văn Ái đã chấp thuận. Họ nhìn nhau do dự, nhưng không nói gì, cũng không đi đâu.

Tôi bảo phu hạ huyết, an táng xong, tôi ra xe đưa mọi người về, và ghé lại dặn bà Quán báo cho tôi biết nếu có ai đến hỏi. Ghé lại Tỉnh đường, tôi báo cáo cơ quan thẩm quyền, thì được biết đã lập thủ tục thông báo cho cảnh sát đã mấy hôm trước rồi.

Hôm sau, tôi trở lên mộ chỉ dẫn cho nhà thầu mở móng theo bản đồ đã vẽ. Nhân tiện hỏi bà Quán. Bà nói: “Ở đây không có cảnh sát, hai người hôm qua không biết từ đâu đến”. Rắc rối nhỏ hôm qua, báo trước cho tôi biết cần phải lưu ý nhiều nữa.

Khi đặt pho tượng Đức Mẹ ban ơn lên đài mộ, pho tượng anh Trí mơ ước như lời trời trăn, những ngày sau cùng tôi gặp Anh, tôi cầu xin ơn phù hộ để Anh ở đây bình yên cũng như Mẹ đã cứu thoát Anh một lần cũng trên bờ biển này.

Ngày nay, Anh cũng đang nằm trên bờ biển này, nhưng chỗ này của Anh cao trọng sáng chói như văn thơ Anh, của Chế Lan Viên đã viết:

“May thay, Tử là một đỉnh cao, lò chổi trong văn học của thế kỷ, thậm chí các thế kỷ...”

Ôi! Danh vọng Anh quá cao, chỗ nằm Anh quá đẹp, làm cho tôi càng hồi hộp không yên. Tôi đã bắt chước các cụ ngày xưa khi vẽ hình mộ Anh, xây đài trên đầu mộ theo hình dáng ba hòn núi chụm lại (thể ổn định tam sơn) một ý nghĩa đoàn kết vững chắc, muôn đời thanh bình.

Vậy mà than ôi! Anh đã được nằm yên đâu.

Chỉ mấy tháng sau đó, khi mộ đã hoàn thành, một ông Trương Văn Ngọc nào đó, viết trên tạp chí Văn: “Mộ Hàn Mặc Tử không có hài cốt”. Tôi nghĩ anh Quách Tấn thường viết trên Tạp chí đó chắc cũng có trách nhiệm cải chính giùm rồi, vì anh đã đi bốc mộ.

Vẫn chưa hết chuyện “Mộ Hàn Mặc Tử”.

Năm 1963, các nhóm chính trị tôn giáo nổi lên tranh chấp nhau, một nhóm vô lại kéo nhau lên mộ Hàn Mặc Tử, lợi dụng tình thế hỗn loạn, đập phá mộ Anh bị sút mẻ nhiều chỗ, Tượng Đức Mẹ bị gãy bàn tay.

Đáng buồn chưa! Ôi! Anh tôi!

Tôi thiết nghĩ, không ai có thể thù ghét Anh. Đời Anh chỉ sống vì thơ, vì bạn. Vậy thì ai đã nỡ hành động thô bạo đến thế.

Viết xong tập hồi ký này, tôi như cất được gánh nặng lo âu áy náy từ năm mươi năm nay.

Bây giờ thì những người bạn thân yêu đã trở về bên cạnh Anh, ấp ủ tình thương lên mộ Anh, để cùng ngắm nhía nhìn về con đường Khải Định, ngày càng tươi sáng hơn.

Bể Đông có giông bão, thì Anh cũng không còn cô đơn hiu quạnh nữa đâu, anh Trí nhé!

*Viết xong mùa Đông Mậu Thìn
tại Thành phố Hồ Chí Minh.*

Thiên Nam
NGUYỄN BÁ TÍN.

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>